

# **BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**



Biến cơ hội thành giá trị

**Tháng 08 năm 2024**

## Mục Lục

<b>Tóm tắt.....</b>	<b>tr.3</b>
<b>Kinh tế Vĩ mô tháng 07 .....</b>	<b>tr.4</b>
<b>Tổng quan TTCK tháng 07.....</b>	<b>tr.15</b>
<b>Triển vọng TTCK tháng 08.....</b>	<b>tr.32</b>
<b>Lịch sự kiện tháng 08.....</b>	<b>tr.36</b>
<b>Danh sách mã khuyến nghị năm 2024.....</b>	<b>tr.37</b>
<b>Tuyên bố miễn trừ.....</b>	<b>tr.54</b>



# TÓM TẮT

- **VN-Index biến động mạnh và kết thúc tháng 7 tăng nhẹ 0,5% so với tháng 6 và tăng 10,8% so với cuối năm 2023.** Nhóm VN30 (+1,62 MoM) đóng vai trò hỗ trợ chính với VN-Index trong khi các nhóm vốn hóa khác đều giảm điểm. Ngân hàng, Dầu khí, Y tế là 03 nhóm cổ phiếu tăng điểm tốt nhất trong khi đó Viễn thông, Du lịch và Giải trí chịu áp lực chốt lãi trong tháng 7/2024.
- **Giá trị giao dịch trung bình phiên tháng 7 giảm mạnh 26,52% MoM xuống thấp nhất kể từ tháng 2/2024, chỉ đạt 19.368,40 tỷ đồng/phiên.** Nhà đầu tư cá nhân tiếp tục là động lực chính khi mua ròng trong khi khối ngoại bán ròng. Số lượng tài khoản chứng khoán tăng đột biến 3 lần MoM và 2,2 lần YoY trong tháng 7 qua đó đưa tổng số tài khoản lên 8,37 triệu (+14,8% YTD).
- **Nhà đầu tư nước ngoài giảm quy mô bán ròng.** Giá trị bán ròng trong tháng 7 giảm 50,5% MoM và lũy kế 07 tháng đầu năm 2024 là 60.904 tỷ đồng. Dòng vốn từ các quỹ ETF tiếp tục rút ròng 94 triệu USD trong đó vẫn tập trung tại DCFVM VNDiamond ETF và FUBON ETF.
- **Kinh tế duy trì tích cực trong tháng 7.** PMI tháng 7 đạt mức cao 54,7 điểm, tương đương tháng 6 khi số lượng đơn hàng mới tăng mạnh. Sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo, thu hút FDI và xuất khẩu tiếp tục tích cực, lĩnh vực dịch vụ du lịch tăng trưởng cao. Tỷ giá hạ nhiệt tuy nhiên mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục tăng đặc biệt tại kỳ hạn dưới 6 tháng.
- **Xu hướng VN-Index trong tháng 8 được dự báo tích lũy trong kênh giá từ 1.180 điểm / 1.200 điểm đến 1.250 điểm / 1.260 điểm,** vẫn chưa có khả năng hình thành xu hướng tăng giá mạnh.
- **Danh mục cổ phiếu khuyến nghị giữ nguyên số lượng 15 mã.** Trong bối cảnh thị trường điều chỉnh mạnh thời điểm cuối tháng hầu hết các mã cổ phiếu đều chịu ảnh hưởng, cổ phiếu tích cực nhất danh mục tháng 7 là MBB (+9,9%), DCM (+3,1%), cổ phiếu kém tích cực nhất danh mục là CTD (-7,3%), BWE (-6,9%).

The image features a blue-toned view of Earth from space, showing the continents of Africa and Europe. A white network of lines and dots is overlaid on the globe, suggesting a global network or data flow. A white rectangular box is positioned on the right side of the image, framing the text. The text is in a bold, white, sans-serif font.

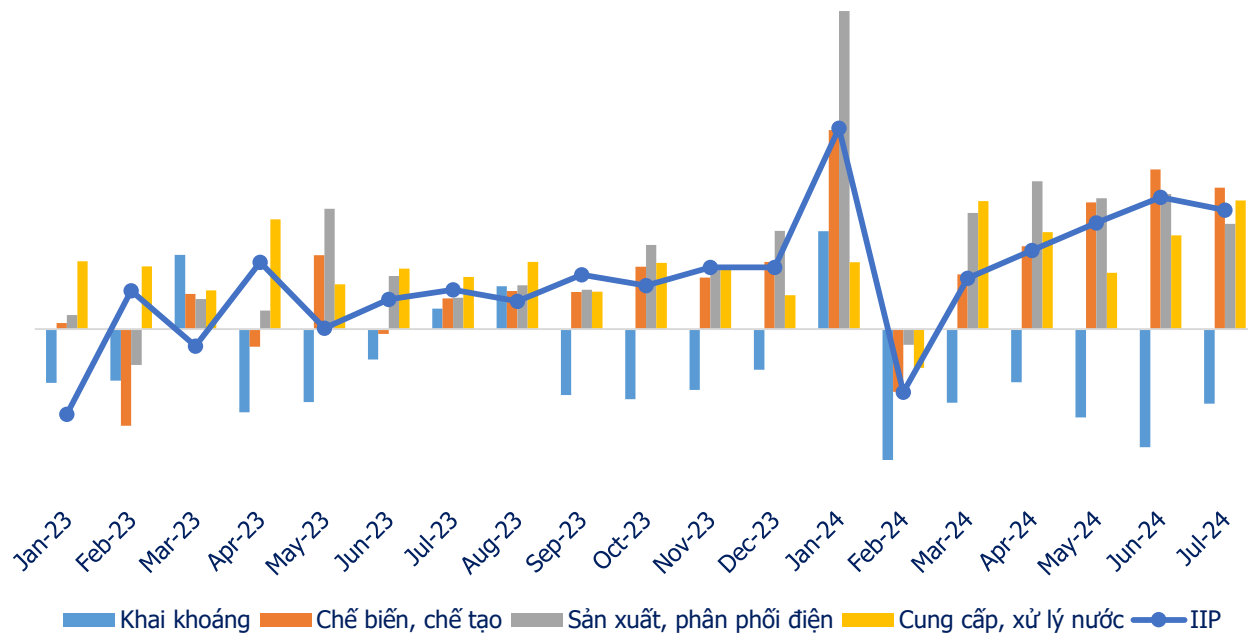
**KINH TẾ VĨ MÔ**  
**THÁNG 07**



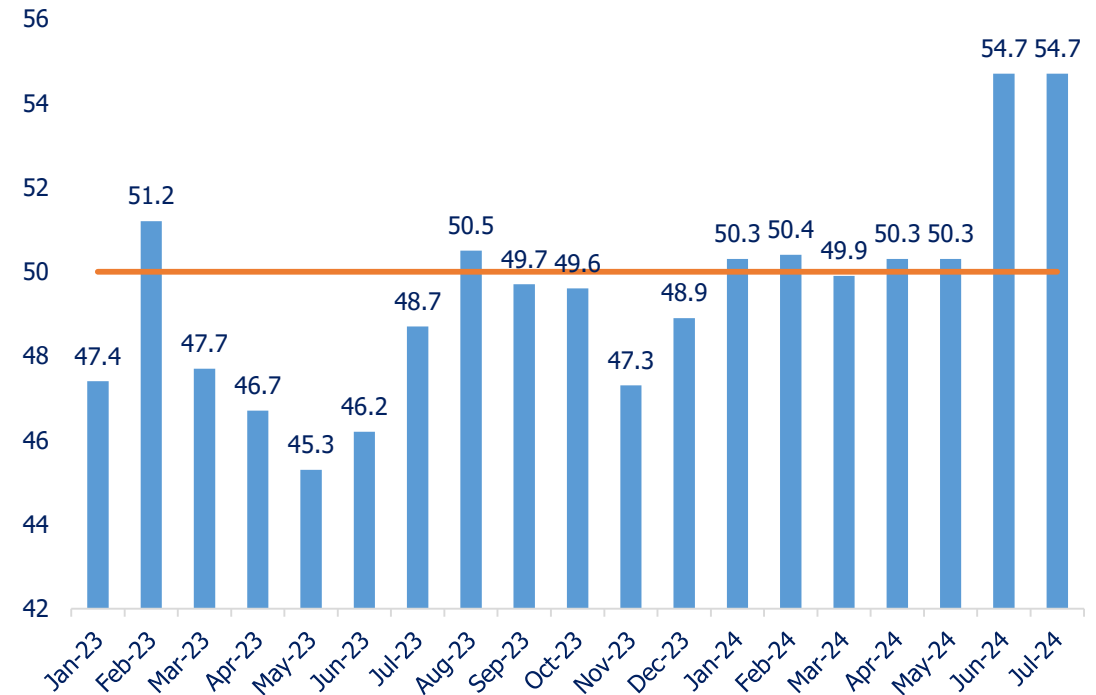
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 07

**Sản xuất công nghiệp tăng trưởng chậm lại tuy nhiên môi trường kinh doanh duy trì tích cực.** IIP tháng 7 tăng 0,69% MoM và tăng 11,23% YoY, tăng 8,47% Ytd, mặc dù chậm lại so với tháng 6 tuy nhiên vẫn đang ở mức cao trong vòng 2 năm gần đây. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng trưởng trên 2 chữ số tháng thứ 3 liên tiếp với mức 13,3% YoY trong tháng 7. Chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam tháng 7 tiếp tục duy trì ở mức cao 54,7 điểm tương đương tháng 6. Số lượng đơn hàng mới tiếp tục tăng mạnh giúp cho các nhà sản xuất tăng sản lượng với tốc độ gần mức cao kỷ lục, tồn kho thành phẩm giảm xuống mức thấp thứ 2 từng được ghi nhận.

### Tăng trưởng các ngành công nghiệp (%YoY)



### Chỉ số PMI (điểm)



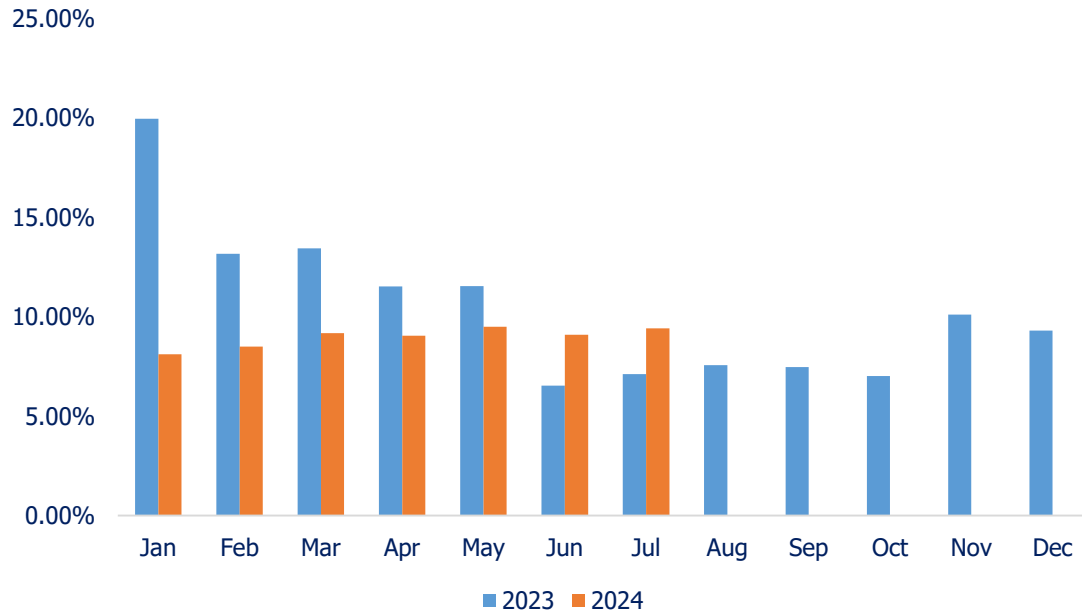
Nguồn: Bloomberg, FiinGroup, SHS tổng hợp



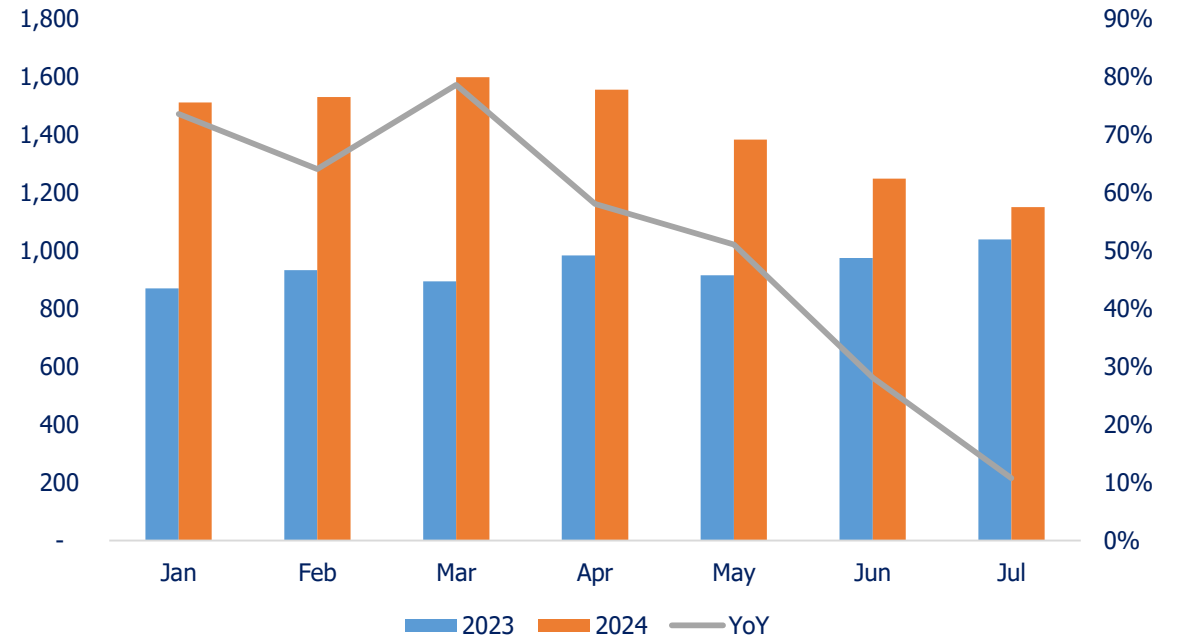
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 07

**Câu nội địa duy trì ở mức thấp.** Tổng mức BLHH và DVTD theo giá hiện hành tháng 7 tăng 9,41% YoY, có sự cải thiện hơn so với tháng 6 (+9,1% YoY) và lũy kế tăng 8,7% YoY trong 7 tháng đầu năm 2024, vẫn thấp hơn so với mức tăng 10,6% cùng kỳ năm 2023, loại trừ yếu tố giá tăng 5,2% (cùng kỳ 2023 tăng 9,8%). Lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 7 giảm 5,8% MoM và tăng 10,8% YoY. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, Việt Nam đón 9,98 triệu lượt khách quốc tế, tăng 51% YoY trong đó khách từ Châu Á chiếm 79% chủ yếu là Trung Quốc (+2,9 lần), Hàn Quốc (+37,2%), Đài Loan (+76,3%), khách Châu Âu cũng ghi nhận tăng trưởng cao 47,3%.

### Tổng mức bán lẻ (% YoY)



### Khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)



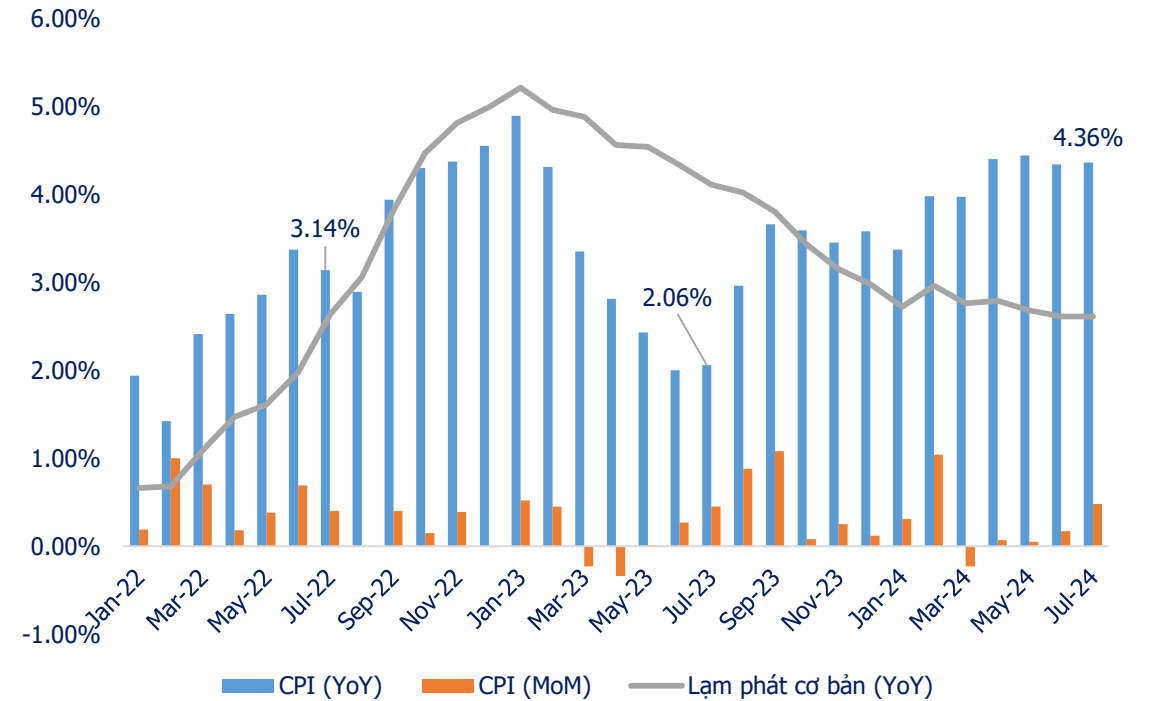
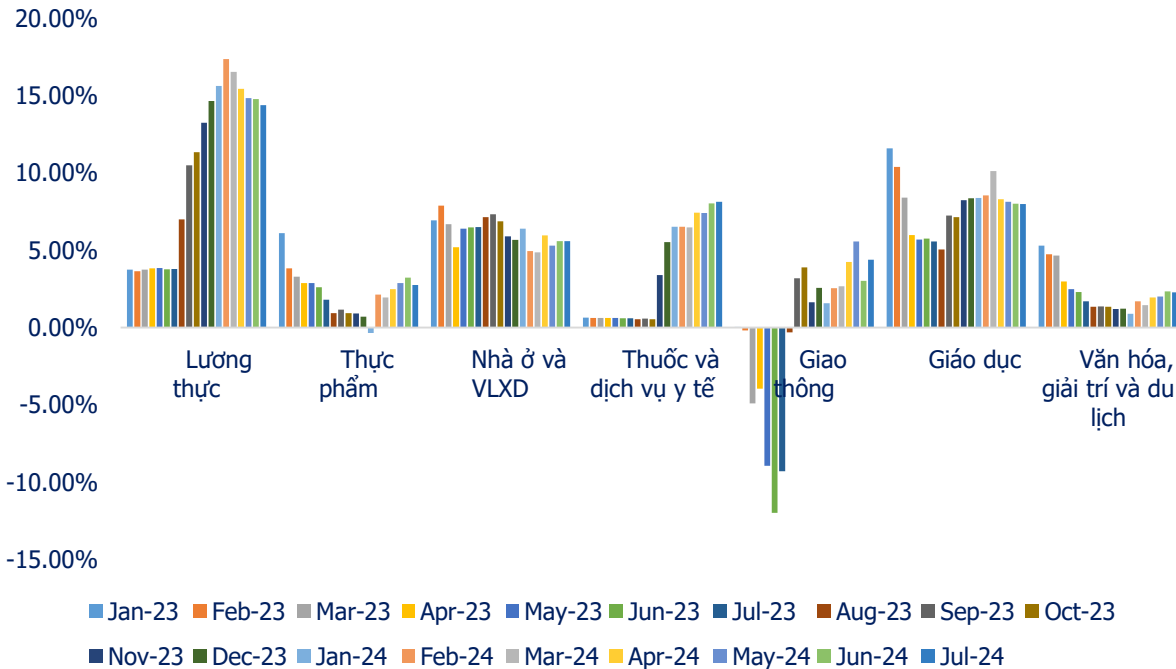
Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 07

**CPI tháng 7 tăng 0,48% MoM và tăng 4,36% YoY.** Trong tháng 7 CPI tăng chủ yếu vì: Nhóm giao thông (+1,46%) do điều chỉnh giá dầu (+4,07%) và các dịch vụ vận tải tăng giá do nhu cầu trong mùa hè tăng; Nhóm nhà ở và VLXD (+0,5%), Nhóm hàng hóa dịch vụ khác (+3,77%) do giá bảo hiểm y tế tăng 28,45% khi lương cơ sở được điều chỉnh từ 1,8 triệu đồng/tháng lên 2,34 triệu đồng/tháng.

Bình quân 7 tháng năm 2024, CPI tăng 4,12% YoY, lạm phát cơ bản giảm từ mức +2,75% của tháng 6 xuống 2,73%. Mặc dù CPI hiện vẫn đang trong giới hạn 4,0% - 4,5% theo mục tiêu của Quốc hội, tuy nhiên việc kiểm soát giá cả trong nước sẽ còn nhiều thách thức trong bối cảnh đà phục hồi của nền kinh tế trong giai đoạn cuối năm, diễn biến tỷ giá vẫn đang bất lợi, biến động địa chính trị trên thế giới.

**Giá một số nhóm hàng hóa trong CPI (% YoY)**



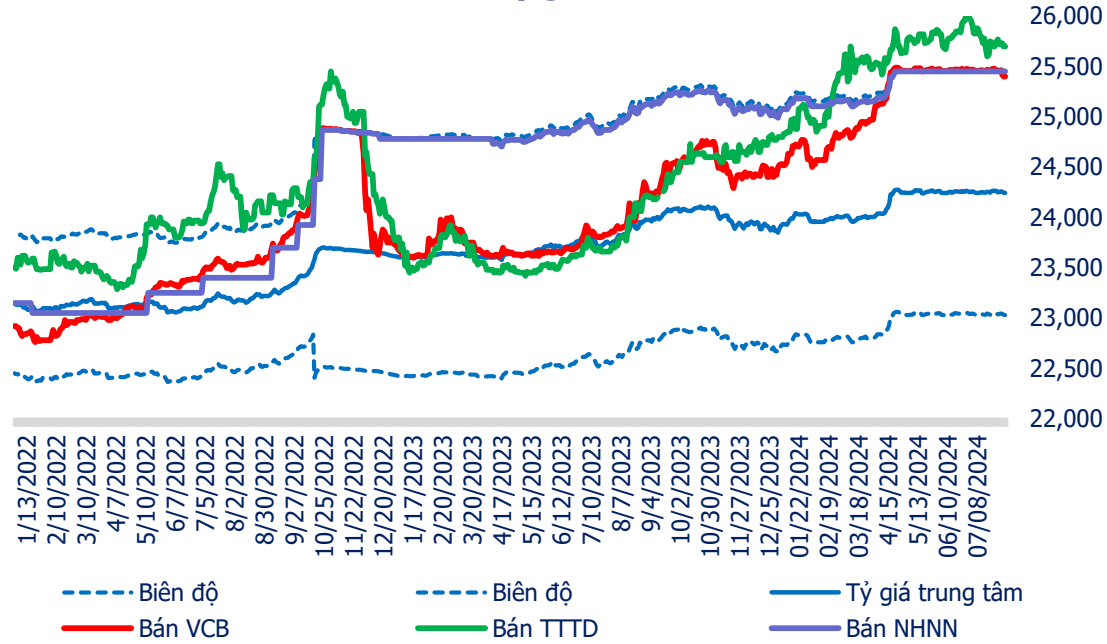
Nguồn: GSO, SHS tổng hợp



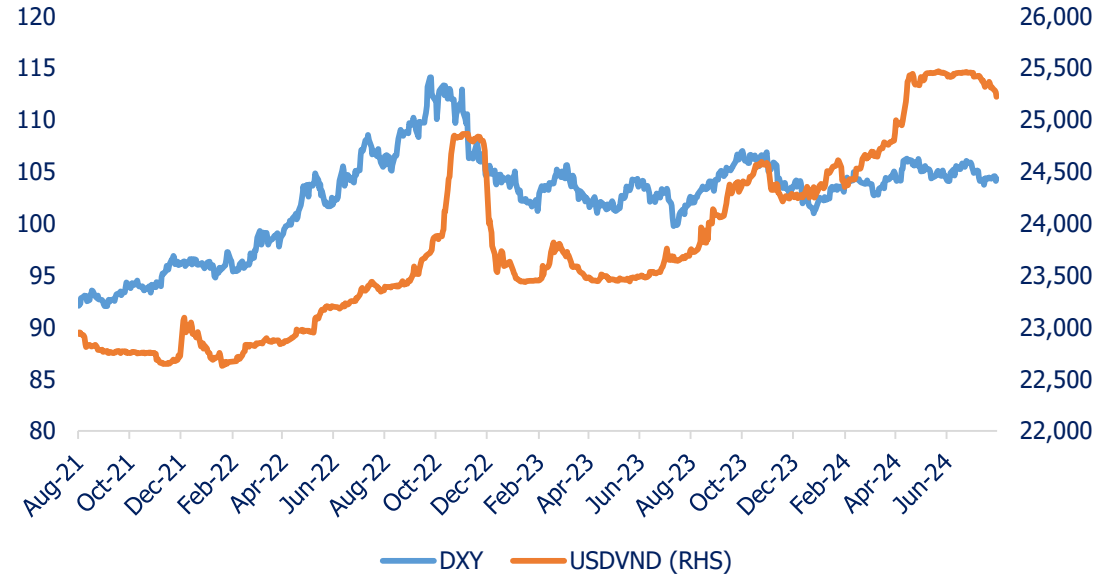
Biên cơ hội thành giá trị

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 07

### Diễn biến tỷ giá VND/USD



### Chỉ số DXY và tỷ giá USD/VND



Nguồn: Bloomberg, FiinGroup, SHS tổng hợp

Tỷ giá USD/VND liên ngân hàng, tỷ giá niêm yết tại các NHTM và tỷ giá tự do hạ nhiệt trong tháng 7, thu hẹp mức tăng so với cuối năm 2023 xuống còn 4,11%. Đồng VND được hỗ trợ từ dòng vốn FDI giải ngân tích cực (12,5 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm, tăng 8,4% YoY), cán cân thương mại 7 tháng thặng dư 14 tỷ USD và chỉ số DXY hạ nhiệt nhờ kỳ vọng FED giảm lãi suất.

Tại kỳ họp tháng 7, FED duy trì lãi suất cơ bản ở mức 5,25%-5,5% và có thể cắt giảm lãi suất trong cuộc họp tháng 9 trong bối cảnh lạm phát giảm nhẹ như kỳ vọng, tăng trưởng kinh tế vẫn tương đối mạnh và thị trường việc làm nhất quán với điều kiện hiện tại. Theo thống kê của CME FedWatch Tool, 97,5% nhà đầu tư kỳ vọng FED sẽ giảm lãi suất lần đầu tiên tại kỳ họp tháng 9, mức giảm kỳ vọng đã tăng lên 0,5% trước số liệu về việc làm tháng 7 kém tích cực và rủi ro địa chính trị gia tăng.

Tỷ giá USD/VND dự báo vẫn duy trì ở mức cao hiện tại cho đến hết quý 3.2024 khi nhu cầu nhập khẩu hàng hóa thường tăng nhằm phục vụ mùa kinh doanh cuối năm, dù có thể kỳ vọng mức mất giá giảm dần. NHNN dự báo sẽ tiếp tục sử dụng các công cụ OMO, phát hành tín phiếu một cách linh hoạt, nhằm mục tiêu ổn định tỷ giá cân đối với hỗ trợ tăng trưởng.

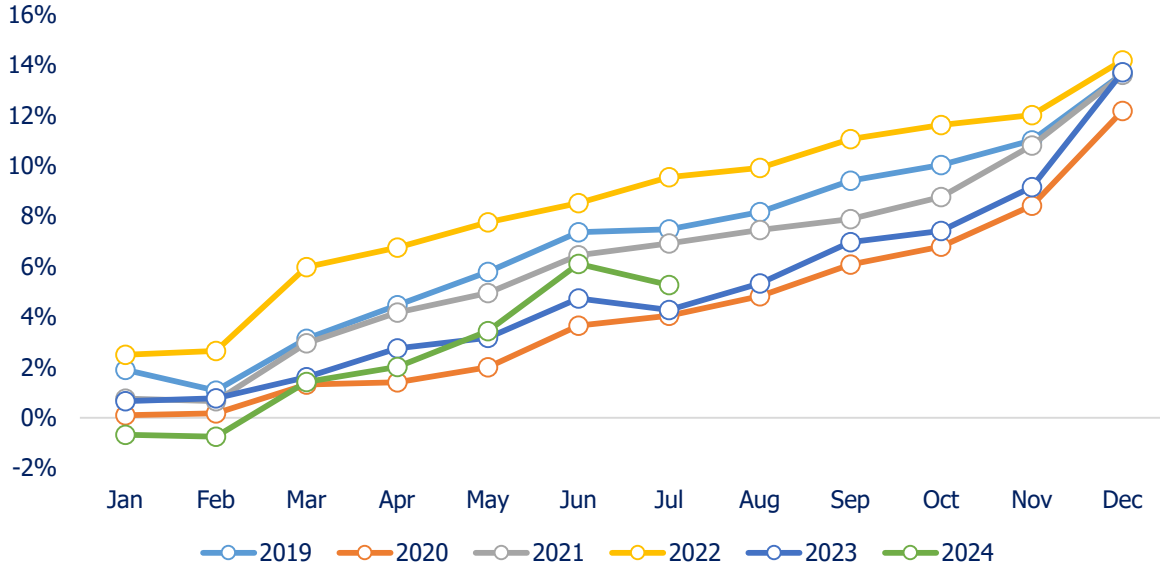




# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 07

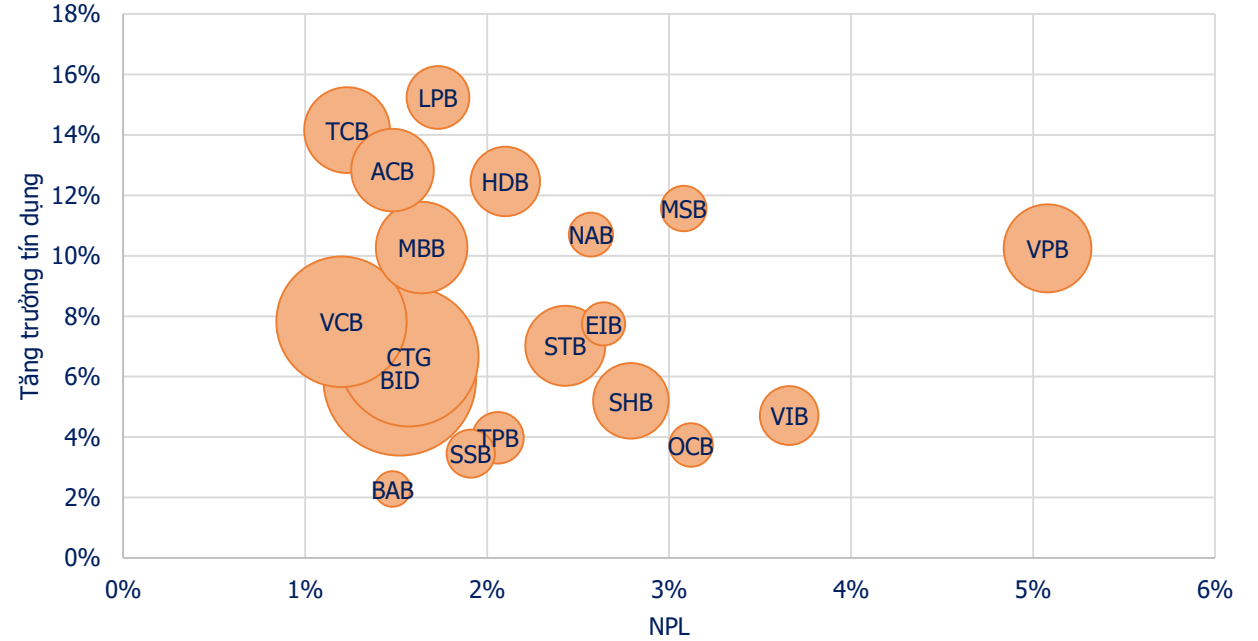
Biến cơ hội thành giá trị

### Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2024



Nguồn: Bloomberg, SBV, GSO, SHS tổng hợp

### Tăng trưởng tín dụng 6T/2024 và tỷ lệ nợ xấu các Ngân hàng



Lãi suất huy động tiếp tục được điều chỉnh tăng trong tháng 7 với động thái tăng lãi suất khá nhanh ở kỳ hạn dưới 6 tháng. Nhóm NHTM Nhà nước vẫn duy trì lãi suất huy động, trừ diễn biến tăng nhẹ lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng của Agribank. Hiện lãi suất huy động trung bình toàn hệ thống kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng và 13 tháng lần lượt là 3,5%, 4,3% và 5%. Lãi suất cho vay bình quân hiện ở mức 8,3%/năm, giảm 0,96% so với cuối năm 2023.

Tín dụng toàn hệ thống tính đến 17/07/2024 tăng 5,26%, giảm 0,85% so với thời điểm cuối tháng 6, tương đương 113.000 tỷ đồng. Số liệu tín dụng thường tăng mạnh thời điểm cuối quý và giảm trong tháng tiếp theo khi Ngân hàng chốt chỉ tiêu tăng trưởng hàng quý. Điểm cần lưu ý là tăng trưởng tín dụng không đồng đều giữa các Ngân hàng, tăng khá mạnh tại một số ngân hàng có tỷ trọng tín dụng BĐS cao và ở mức thấp ở một số Ngân hàng có thể mạnh về tín dụng tiêu dùng. Trong 6 tháng đầu năm, tín dụng bất động sản tăng 4,6% YTD, trong đó kinh doanh bất động sản tăng 10,29% YTD và tín dụng cho tiêu dùng bất động sản chỉ tăng 1,15% YTD. Tỷ lệ nợ xấu tiếp tục tăng trong nửa đầu năm 2024 với tỷ lệ nợ xấu nội bảng tính đến cuối tháng 5/2024 là 4,94% (833,3 nghìn tỷ đồng), cao hơn mức 4,55% tại thời điểm cuối năm 2023, tỷ lệ nợ xấu bao gồm cả nợ tiềm ẩn và cơ cấu lại là 6,9%.



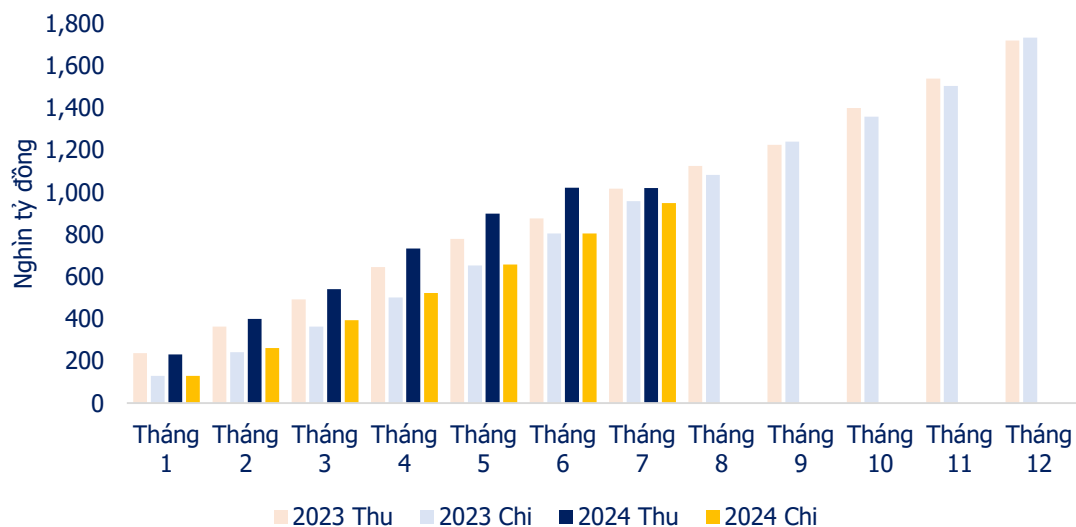
# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 07

Biến cơ hội thành giá trị

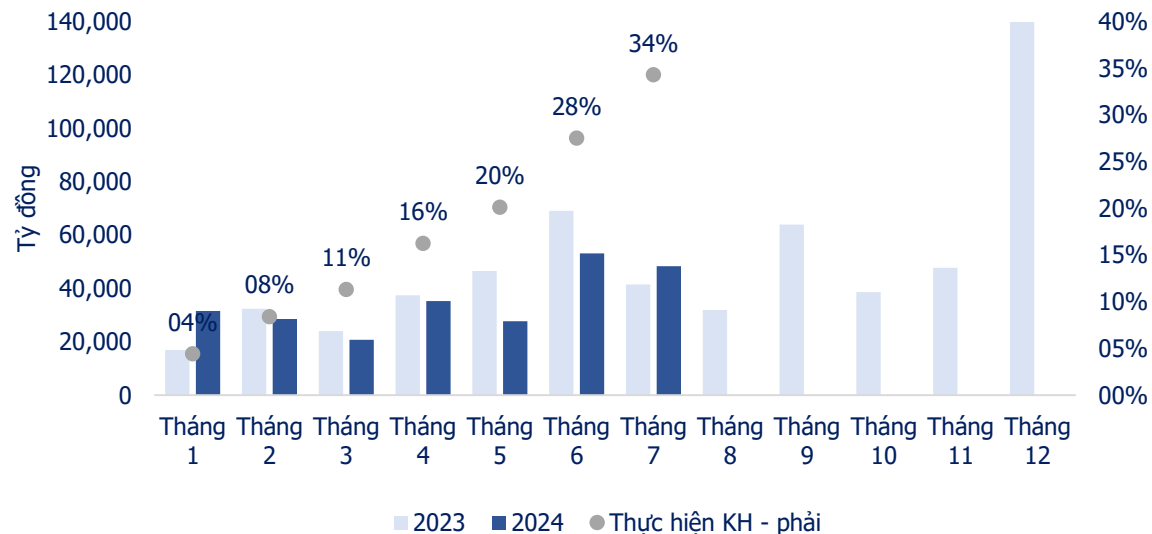
Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 7/2024 ước đạt gần 150 nghìn tỷ đồng, lũy kế 7 tháng năm 2024 đạt hơn 1.188 nghìn tỷ đồng, bằng 69,8% dự toán, tăng 14,6% YoY trong đó thu nội địa đạt gần 995 nghìn tỷ đồng, tăng 15,8%. Đáng chú ý, số thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh có tăng trưởng so với cùng kỳ, do nền kinh tế đang dần khởi sắc. Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 7/2024 ước đạt 152,6 nghìn tỷ đồng, lũy kế bảy tháng năm 2024 ước đạt 948,3 nghìn tỷ đồng, bằng 44,7% dự toán năm và tăng 0,6% YoY.

Vốn đầu tư công thanh toán từ đầu năm đến ngày 31/7/2024 ước tính là 232.091,4 tỷ đồng, đạt 32,22% tổng kế hoạch, đạt 34,68% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (cùng kỳ năm 2023 đạt 35,49% tổng kế hoạch và đạt 37,85% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Trong đó, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là 4.685,13 tỷ đồng (đạt 76,46 kế hoạch), CTMTQG là 11.840,8 tỷ đồng (43,50% kế hoạch). Theo báo cáo từ Bộ Tài chính, việc một số địa phương có kế hoạch đầu tư lớn như TP. Hồ Chí Minh (11,8% kế hoạch Thủ tướng), TP. Hà Nội (12,1% kế hoạch Thủ tướng) nhưng tỷ lệ giải ngân không cao nên ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân chung của cả nước. Các vướng mắc làm chậm giải ngân chủ yếu liên quan đến cơ chế chính sách (Luật Đầu tư công, Luật Quy hoạch, Luật Đất đai, Luật Đấu thầu...).

### Tình hình thu chi NSNN năm 2023-2024 Số liệu YTD

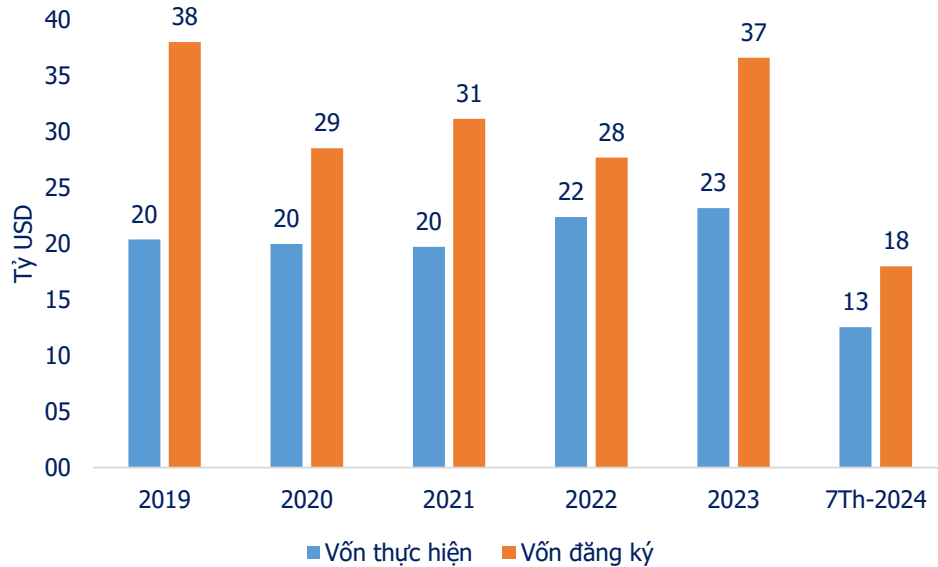


### Tình hình giải ngân vốn đầu tư công (2023-2024)

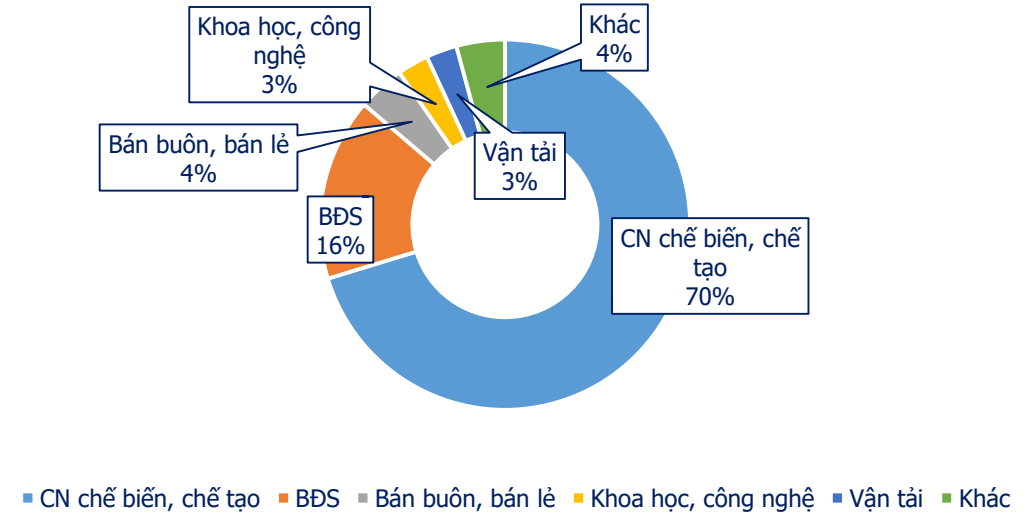


# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 07

### Vốn thực hiện và đăng ký FDI



### Top 5 lĩnh vực được đầu tư FDI nhiều nhất



Nguồn: FiinProX, SHS Research

Theo Cục Đầu tư nước ngoài, tính đến 20/7/2024, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt hơn 18 tỷ USD (+10,9% YoY). Trong khi đó, vốn giải ngân đạt hơn 12,55 tỷ USD (+8,4% YoY). Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, cả vốn đăng ký và vốn thực hiện tiếp tục tăng so với cùng kỳ, lần lượt là 10,9% và 8,4%. Trong đó, đầu tư mới tăng cả về vốn đăng ký (10,76 tỷ USD, tăng 35,6% so với cùng kỳ), số lượng dự án (1.816 dự án, tăng 11,6% so với cùng kỳ) cũng như quy mô vốn đầu tư (bình quân hơn 5,9 triệu USD/dự án so với mức 4,9 triệu USD/dự án trong 7 tháng năm 2023).

Về cơ cấu, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 12,65 tỷ USD, chiếm 70,3% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 15,7% so với cùng kỳ. Tiếp đến, ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư hơn 2,87 tỷ USD, chiếm gần 16% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 78% so với cùng kỳ. Ngành bán buôn bán lẻ, với tổng vốn đăng ký gần 740,5 triệu USD dẫn đầu về số lượt giao dịch góp vốn, mua cổ phần, chiếm 42,1% tổng lượt góp vốn, mua cổ phần của 7 tháng qua. Tiếp theo, là các hoạt động chuyên môn, khoa học-công nghệ, với vốn đầu tư đăng ký hơn 490,6 triệu USD. Còn lại là các ngành khác.



Biến cơ hội thành giá trị

# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 07

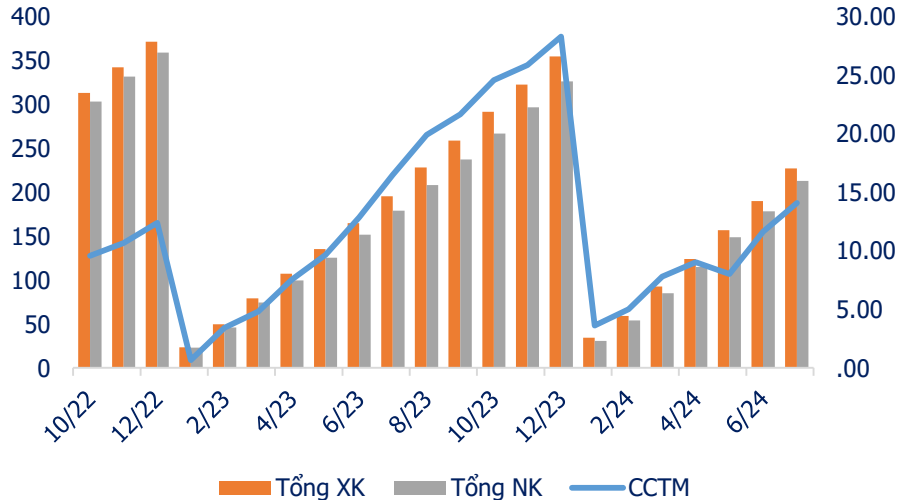
Tính chung 7 tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 439,88 tỷ USD, tăng 17,1% YoY, trong đó xuất khẩu tăng 15,7% YoY; nhập khẩu tăng 18,5% YoY, xuất siêu 14,08 tỷ USD.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 7 tháng ước đạt 226,98 tỷ USD trong đó có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,9% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 9 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 70,8%). Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa 7 tháng ước đạt 212,9 tỷ USD, trong đó có 35 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 89,4% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 10 mặt hàng nhập khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 62,5%).

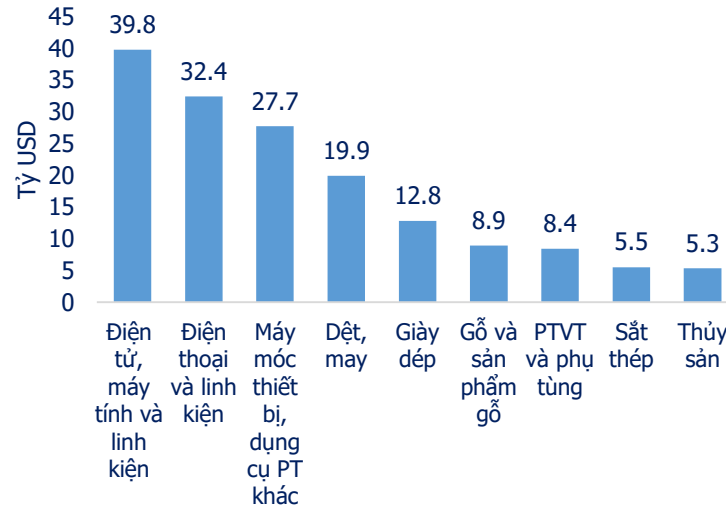
Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa bảy tháng năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 66,1 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 79,2 tỷ USD.

Nhìn chung, thương mại toàn cầu được cải thiện đã tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam.

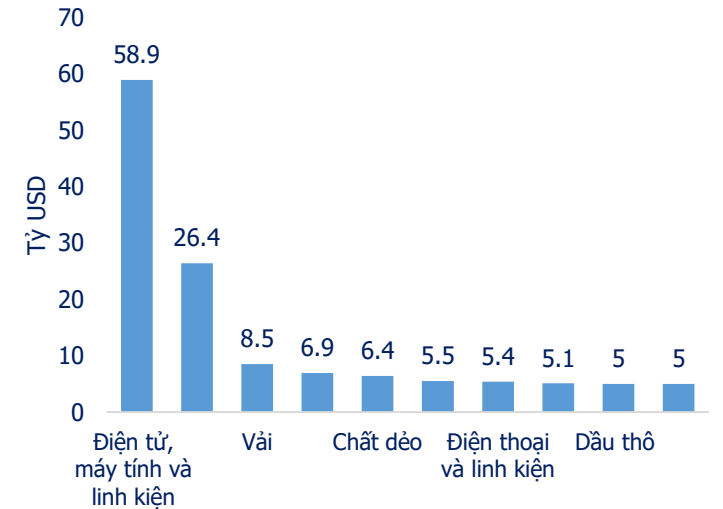
### Tổng xuất nhập khẩu và cán cân thương mại (Tỷ USD)



### Các mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD



### Các mặt hàng nhập khẩu trên 5 tỷ USD



Nguồn: GSO, FiinProX, SHS Research



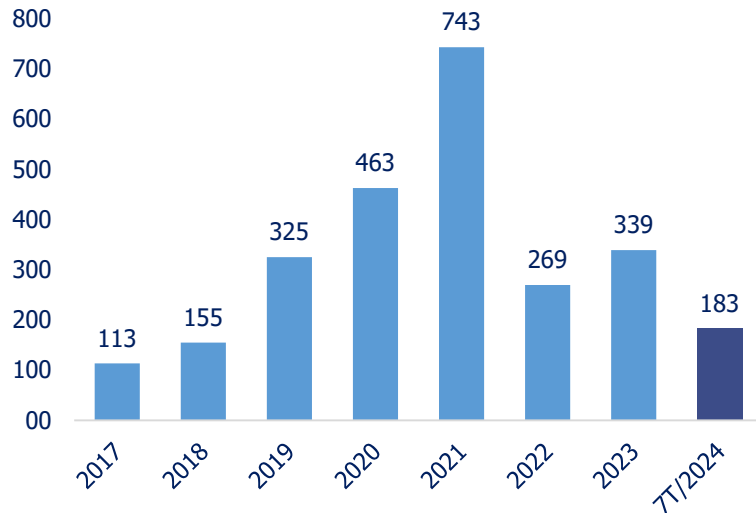
Biến cơ hội thành giá trị

# TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 07

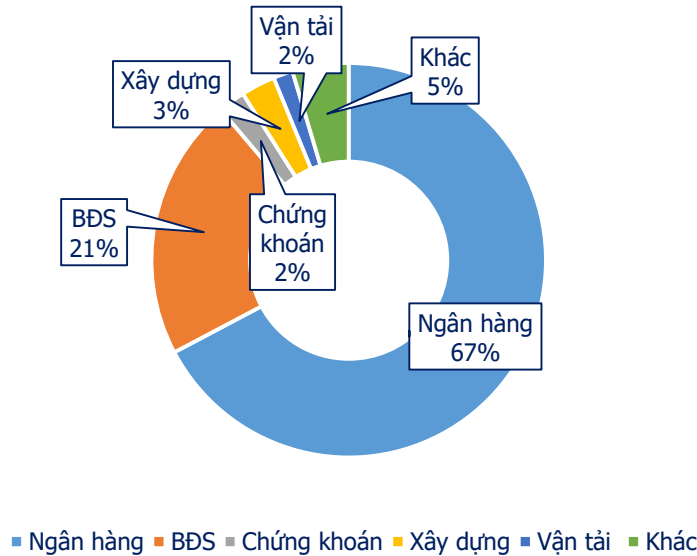
Trong tháng 7/2024, tổng giá trị TPDN phát hành là 31.782 tỷ đồng bao gồm 33 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trị giá 31.387 tỷ đồng và 1 đợt phát hành ra công chúng trị giá 395 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2023 không có đợt phát hành). Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là 183.019 tỷ đồng với 175 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 168.433 tỷ đồng và 12 đợt phát hành ra công chúng trị giá 14.586 tỷ đồng. Trong số các đợt phát hành riêng lẻ, các trái phiếu đã được xếp hạng tín nhiệm chiếm 7% giá trị.

Trong tháng 7, các doanh nghiệp đã mua lại 32.094 tỷ đồng trái phiếu trước hạn, tăng 17% YoY. Trong phần còn lại của năm 2024, ước tính sẽ có khoảng 121.854 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn, trong đó phần lớn là trái phiếu bất động sản với 51.653 tỷ đồng, tương đương 42%.

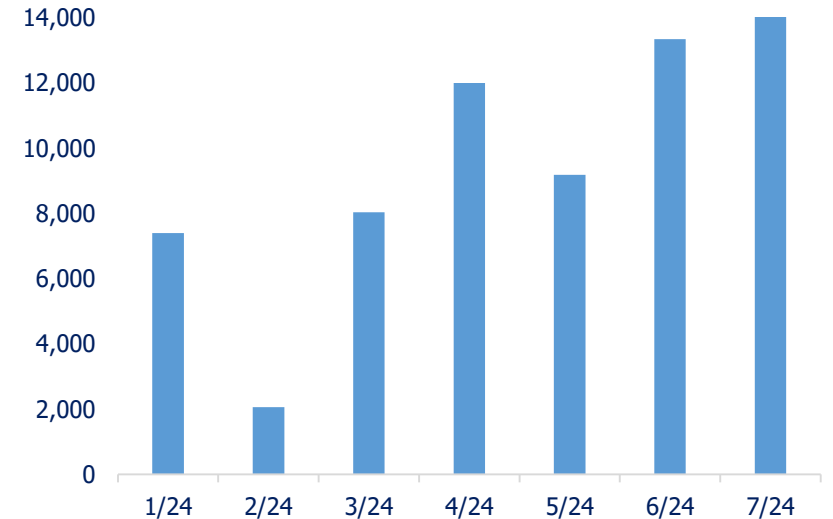
### Giá trị phát hành TPDN



### GTPH theo nhóm ngành 7T/2024



### Giá trị mua lại TPDN tính từ đầu năm



Nguồn: VBMA



# KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 07

Biến cơ hội thành giá trị

Chỉ tiêu	Aug-23	Sep-23	Oct-23	Nov-23	Dec-23	Jan-24	Feb-24	Mar-24	Apr-24	May-24	Jun-24	Jul-24
<b>Chỉ số kinh tế</b>												
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	2.60%	5.10%	4.10%	5.00%	5.80%	18.30%	-6.80%	4.10%	6.30%	8.90%	10.90%	11.20%
PMI (điểm)	50.5	49.7	49.6	47.3	48.9	50.3	50.4	49.9	50.3	50.3	54.7	54.7
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	10.00%	9.70%	9.40%	9.60%	9.60%	8.10%	8.10%	8.20%	8.50%	8.70%	8.60%	8.70%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	1.30%	2.20%	2.40%	2.90%	3.50%	40.20%	38.60%	7.10%	7.40%	7.80%	8.20%	8.40%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	8.20%	7.70%	14.70%	14.80%	32.10%	9.60%	9.80%	13.40%	4.50%	2%	13.10%	10.90%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	-10.00%	-8.20%	-7.10%	-5.90%	-4.40%	42%	19.20%	17%	15%	15.20%	14.50%	15.70%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	-16.20%	-13.80%	-12.30%	-10.70%	-8.90%	33.30%	18%	13.90%	15.40%	18.20%	17%	18.50%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	3.82	2.29	3.00	1.28	2.28	3.62	1.10	2.93	0.68	-1.00	2.94	2.12
<b>Ổn định vĩ mô</b>												
Lạm phát (% YoY)	2.96%	3.66%	3.59%	3.45%	3.25%	3.37%	3.98%	3.97%	4.40%	4.44%	4.34%	4.36%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	4.57%	4.49%	4.38%	4.27%	4.16%	2.72%	3.67%	2.81%	2.81%	2.78%	2.75%	2.73%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	5.33%	6.96%	7.39%	8.38%	13.70%	-0.68%	-0.75%	1.34%	1.60%	2.41%	6%	5.23%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	4.04%	5.62%	5.96%	7.92%	10.03%	0%	-0.53%	0.09%	0.13%	0.82%		
Lãi suất tái cấp vốn (%)	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	0.07%	0.15%	0.75%	0.10%	2.96%	1.37%	1.48%	2.43%	4.40%	2.55%	4.50%	4.25%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	2.71%	2.90%	3.10%	2.58%	2.40%	2.55%	2.45%	2.69%	2.93%	2.97%	2.95%	2.90%
CDS 5 năm	128.00	145.49	145.76	126.77	125.74	129.15	124.18	126.99	122.63	117.87	120.8	116.17
USD/VND (% MoM)	1.70%	0.90%	1.10%	-1.20%	0.03%	0.64%	0.91%	0.58%	2.19%	0.47%	0.02%	-0.75%



The background is a blue-toned collage of financial and business-related imagery. It includes several upward-pointing arrows of varying sizes and colors (white and blue), a line graph with data points, a bar chart, and a fountain pen resting on a document with some numbers. The overall theme is growth and financial analysis.

**TỔNG QUAN  
TTCK  
THÁNG 07**

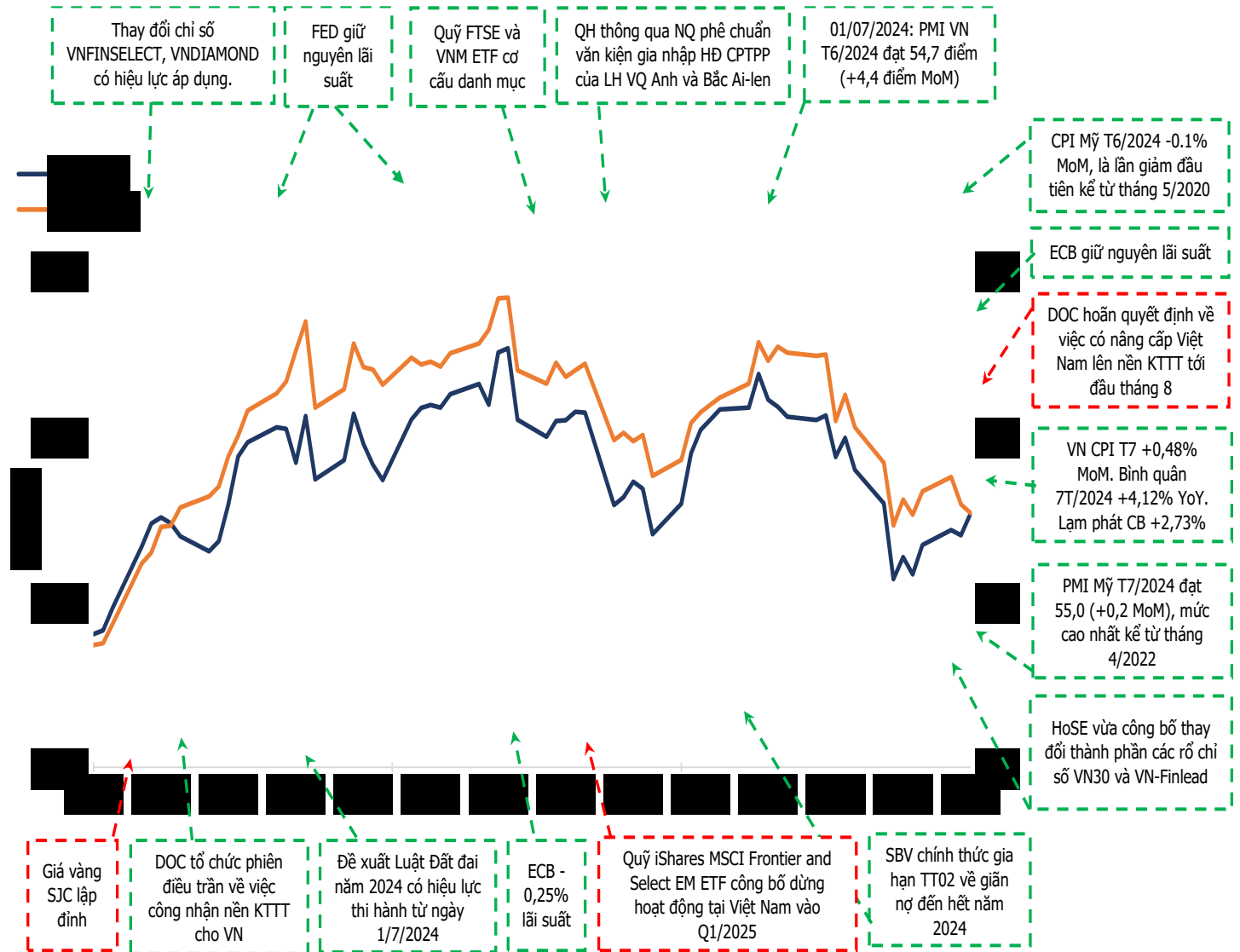
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

**VN-INDEX kết thúc tháng 07/2024 ở mức 1.251,51 điểm, tăng 0,50% so với tháng 06/2024.**

VN-INDEX trải qua tháng 07/2024 nhiều biến động mạnh khi tăng điểm trong 02 tuần đầu tiên từ vùng 1.240 điểm lên vùng giá 1.300 điểm trước khi chịu áp lực điều chỉnh mạnh về hỗ trợ quanh 1.220 điểm mới phục hồi trở lại. Qua đó VN-INDEX kết thúc tháng 07/2024 vẫn tăng nhẹ 0,50% so với tháng 6 lên mức 1.251,51 điểm, duy trì trong vùng giá 1.245 điểm - 1.255 điểm tương ứng giá cao nhất năm 2023.

Áp lực điều chỉnh diễn ra trong bối cảnh thị trường đón nhận kết quả báo cáo kinh doanh quý II, 06 tháng đầu năm 2024 và khi VN-INDEX không giữ được đường xu hướng tăng trưởng trung hạn nổi các vùng giá thấp nhất tháng 11/2023, 04/2024 và 07/2024 kéo dài hiện nay. Thị trường phân hóa kém tích cực, đa số chịu áp lực điều chỉnh mạnh, phục hồi kém, trong khi chỉ duy trì số ít mã tích lũy tốt, tăng giá.

Kết thúc tháng 07, VNINDEX vẫn tăng 10,80% so với cuối năm 2023. Đây là mức tăng giá tốt, nếu xét các yếu tố tích cực như (1) nền kinh tế vẫn duy trì tăng trưởng tốt, tốc độ tăng trưởng GDP 06 tháng đầu năm là 6,42%. (2) lãi suất đang ổn định trên nền thấp. Bên cạnh các yếu tố bất định, kém tích cực như (1) Áp lực bán ròng kéo dài của khối ngoại. (2) Căng thẳng địa chính trị trên thế giới leo thang mở rộng. (3) Áp lực lạm phát duy trì ở mức cao.







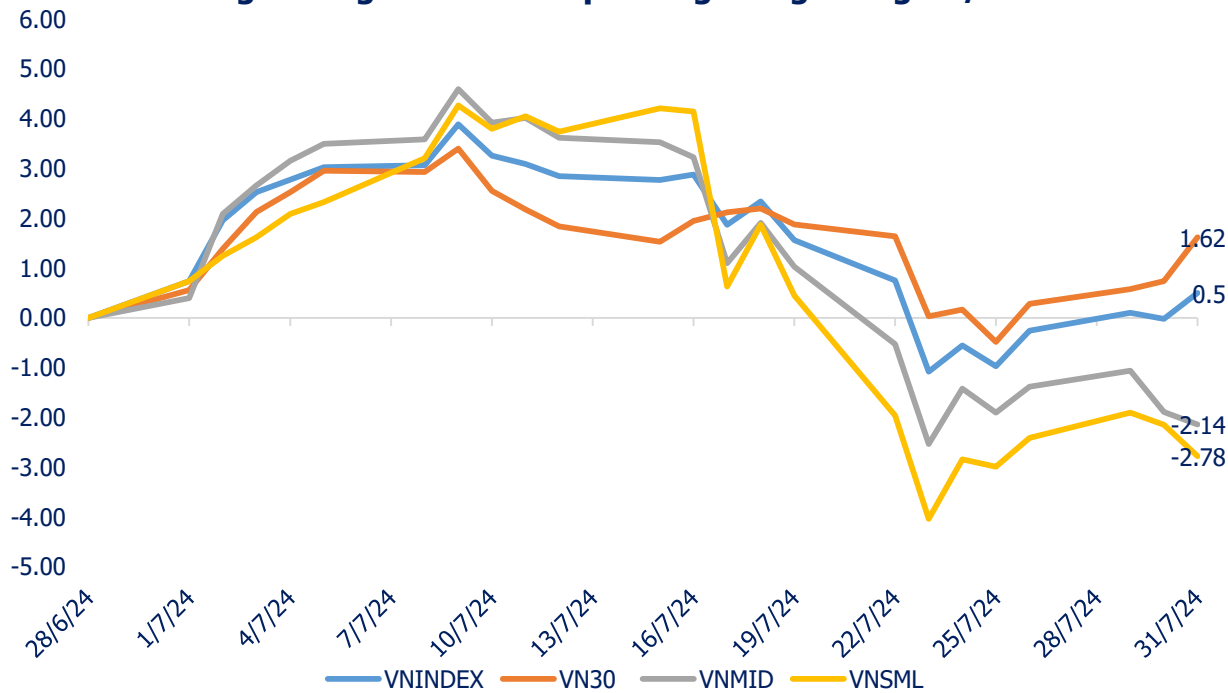
Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

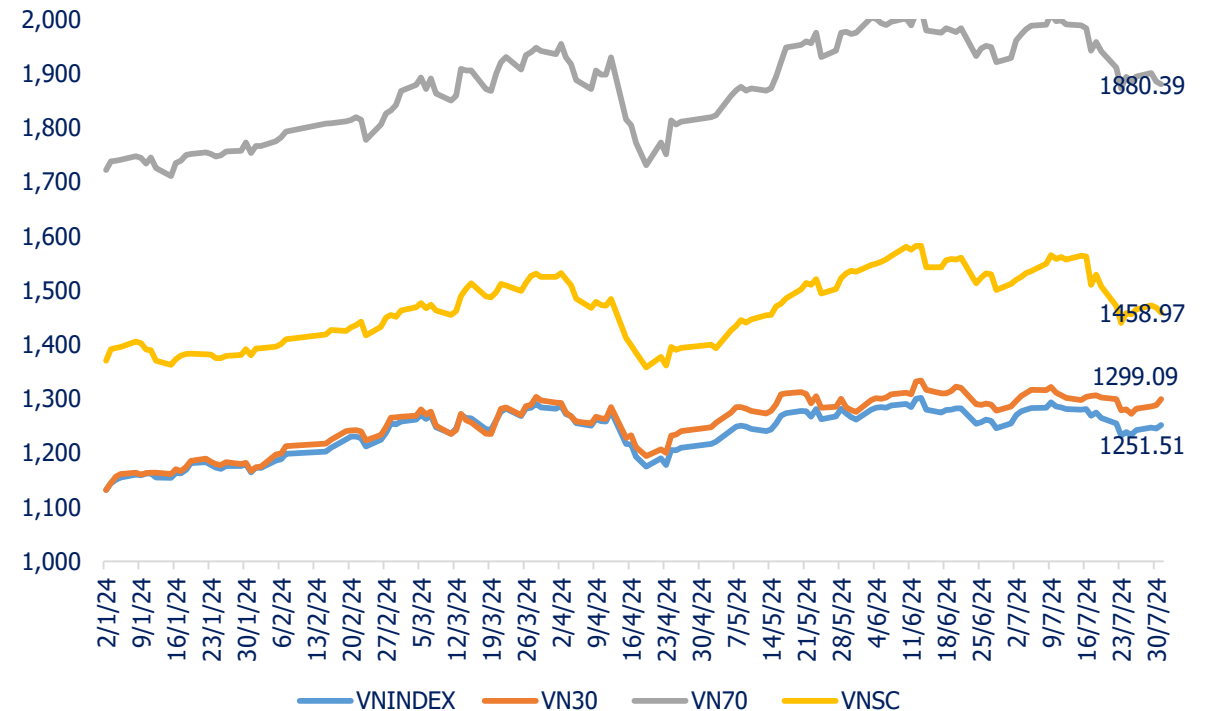
Hai nhóm cổ phiếu chịu áp lực bán mạnh nhất trong tháng 7 là nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ, đại diện là chỉ số VNMID (-2,14 MoM) và VNMSL (-2,78% MoM). Nếu tính từ vùng giá đỉnh của VN-INDEX quanh 1.300 điểm trong tháng 7, thì chỉ số VNMID giảm -6,74%, VNSML giảm -7,05%, mức điều chỉnh mạnh với rất nhiều mã giảm giá sâu. Trong khi đó VN-INDEX (+0,50% MoM) chỉ tích cực nhờ vào ảnh hưởng của VN30 (+1,62 MoM) khi chịu áp lực điều chỉnh thấp và vẫn kết thúc tháng 7 tăng giá.

Tính chung 07 tháng đầu năm 2024, VN30 vẫn là nhóm có diễn biến tích cực nhất với mức tăng 14,8%, dẫn dắt VN-INDEX tăng 10,58%, trong khi nhóm VNMID (+9,20%), nhóm VNSML (+6,50%) hiệu quả thấp hơn chỉ số chung VN-INDEX.

### Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 07/2024



### Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2024



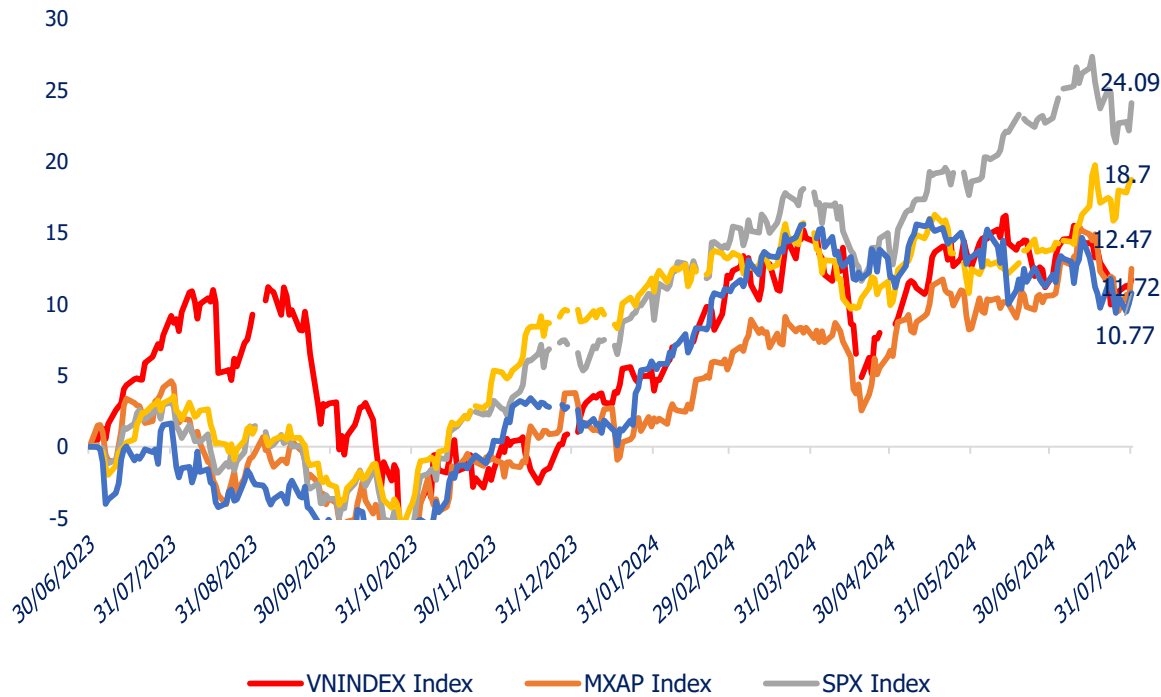
Nguồn: Bloomberg, SHS Research



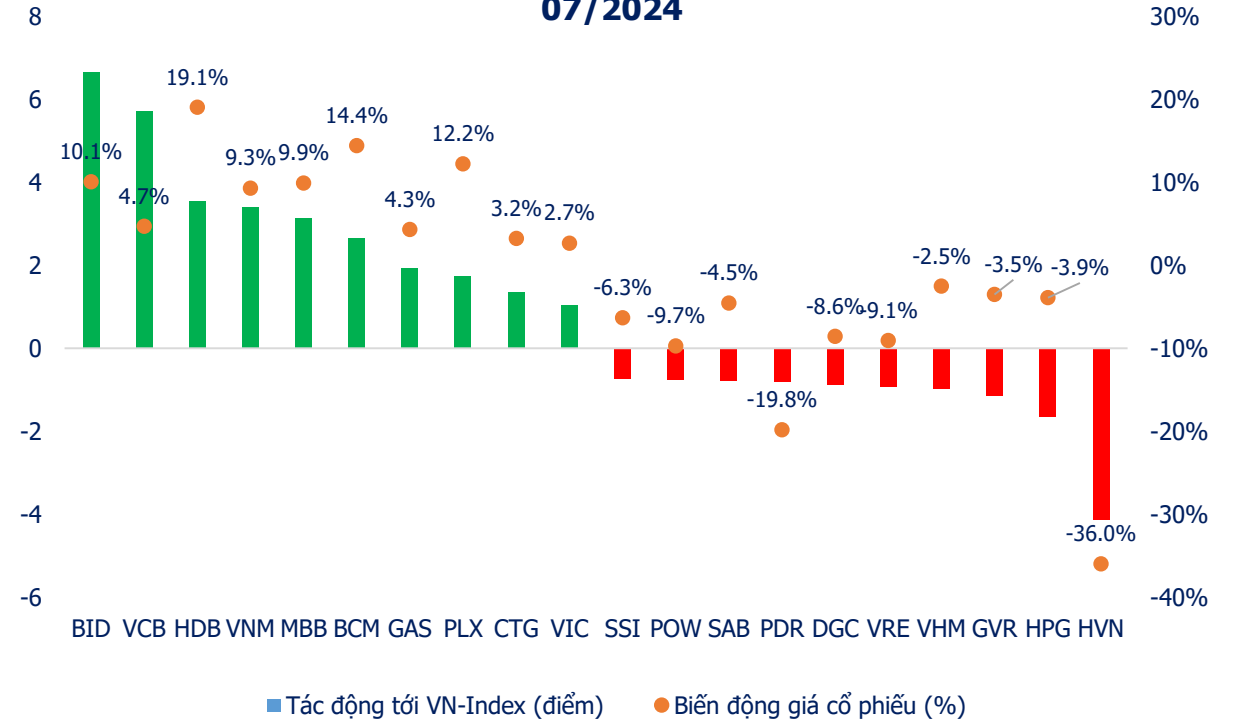
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

Trong tháng 7/2024, nhóm cổ phiếu ngân hàng có ảnh hưởng tích cực nhất lên thị trường khi hầu hết các ngân hàng đều ghi nhận lợi nhuận tăng trưởng tốt trong quý II/2024. BID (+10,1% MoM), VCB (+4,7% MoM), HDB (+19,1% MoM), MBB (+9,9% MoM)... bên cạnh VNM (+9,3% MoM), BCM (+14,4% MoM)... là các cổ phiếu ảnh hưởng tích cực lên VN-INDEX. Ở chiều ngược lại góp phần ảnh hưởng tiêu cực lên chỉ số là HVN (-36,0% MoM) trước áp lực chốt lời sau giai đoạn tăng giá mạnh, HPG (-3,9% MoM), GVR (-3,5% MoM)... cùng với PDR (-19,8% MoM) đại diện cho áp lực điều chỉnh mạnh của nhóm vốn hóa trung bình trong ngành bất động sản.

### Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực



### Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index trong tháng 07/2024

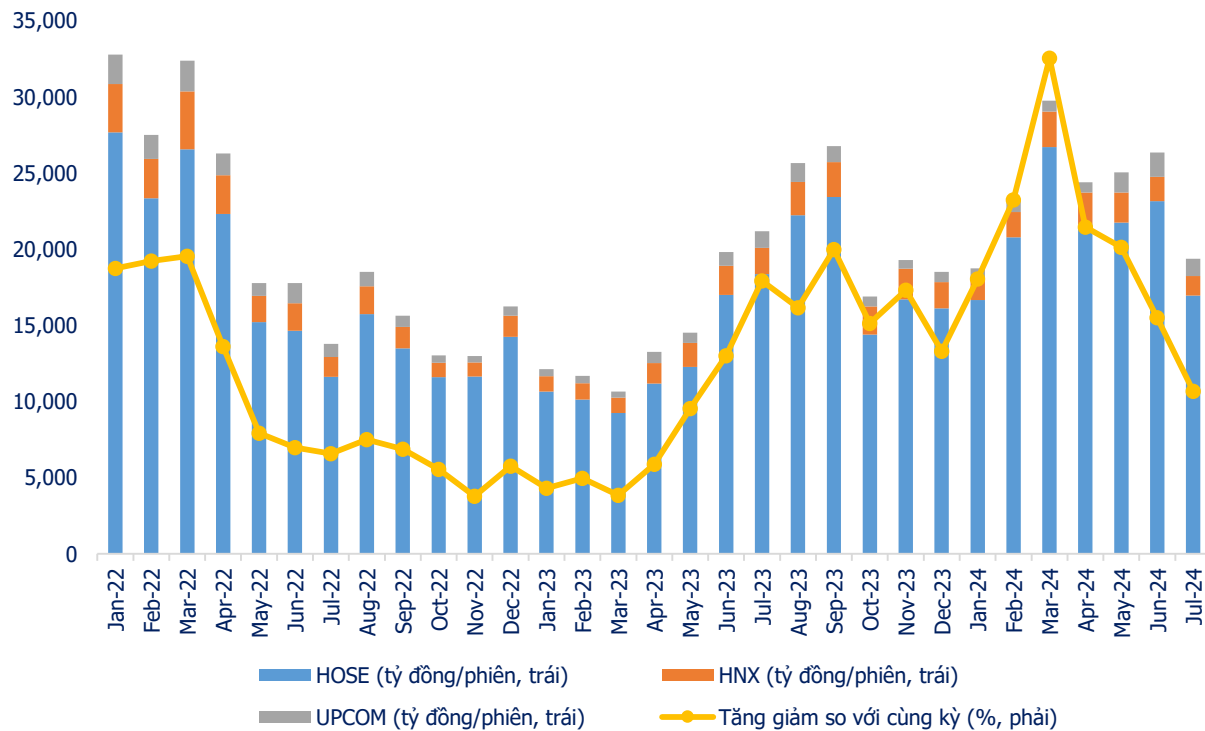




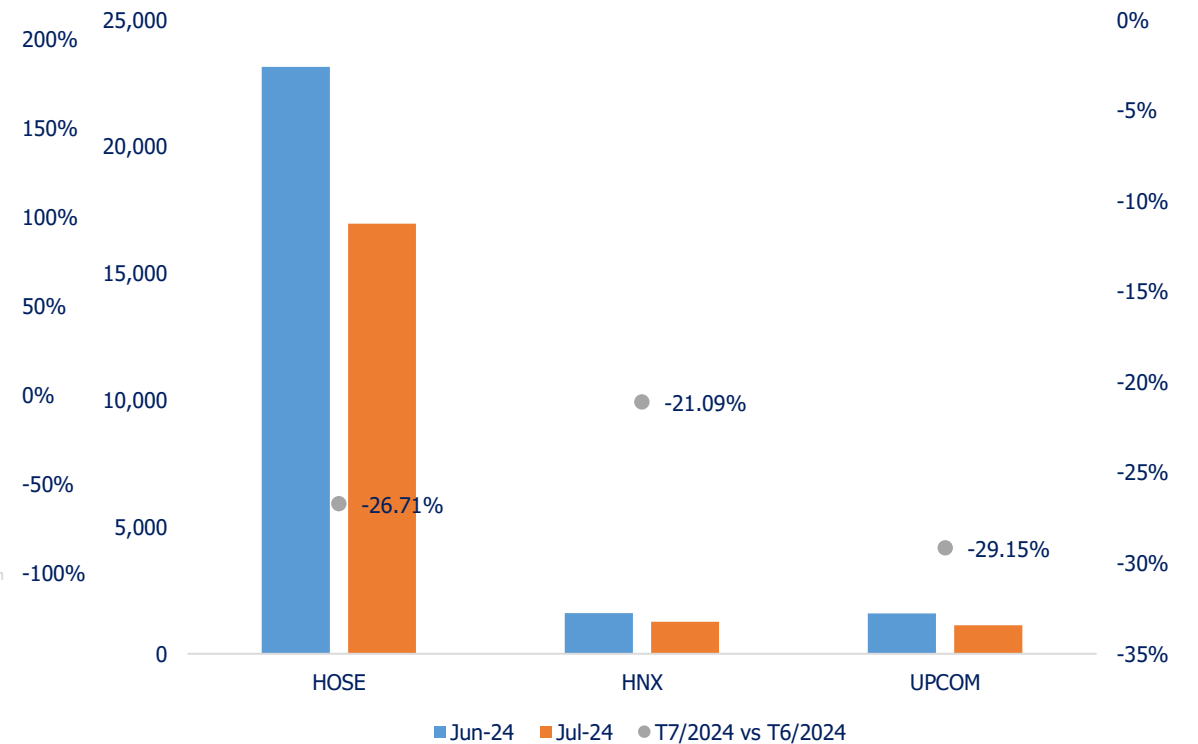
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

**Thanh khoản giảm mạnh dưới mức trung bình trong tháng 7/2024.** Giá trị giao dịch trung bình phiên tháng 7 giảm mạnh 26,52% MoM xuống thấp nhất kể từ tháng 2/2024, chỉ đạt 19.368,40 tỷ đồng/phiên sau 02 tháng gia tăng liên tiếp cho thấy dòng tiền suy yếu, có dấu hiệu rút ra khỏi thị trường. Trong đó tại sàn HOSE là 16.970,39 tỷ đồng/phiên (-26,71% MoM) , HNX là 1.270,11 tỷ đồng/phiên (-21,09% MoM) , UPCOM 1.127,9 tỷ đồng/phiên (-29,15% MoM).

### GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



### GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)

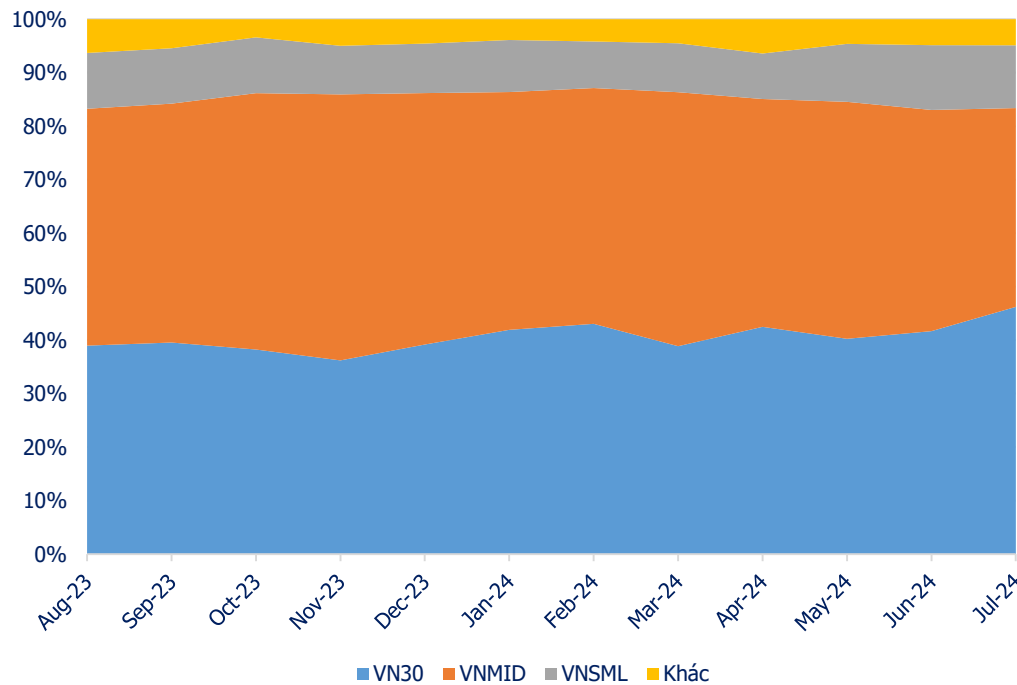




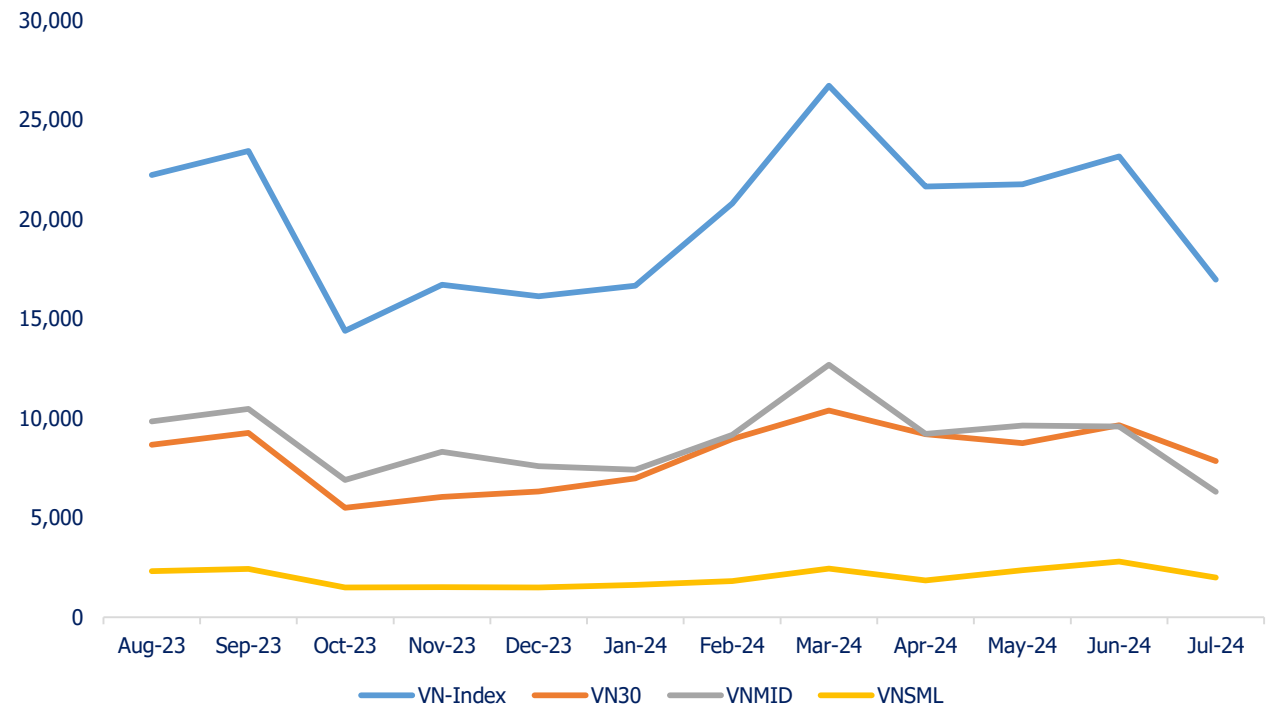
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

Dòng tiền suy giảm trong tất cả các nhóm vốn hóa trong đó giảm mạnh nhất ở nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa VNMID (-34,1% MoM) với giá trị giao dịch bình quân đạt 6.308,02 tỷ đồng/phiên, chiếm tỷ trọng 37,17%, mức thấp nhất trong 01 năm cho thấy dòng tiền của nhà đầu tư cá nhân bắt đầu suy giảm. Nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ VNMSL (-29,0% MoM) cũng giảm mạnh so với tháng 6/2024 khi giá trị giao dịch bình quân đạt 1.991,37 tỷ đồng/phiên, chiếm tỉ trọng 4,88%. Mức giảm thấp hơn là các cổ phiếu vốn hóa lớn VN30 (-18,7% MoM) với giá trị giao dịch bình quân đạt 7.308,02 tỷ đồng/phiên, chiếm tỉ trọng 46,22%, cao nhất 01 năm.

### Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



### Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)



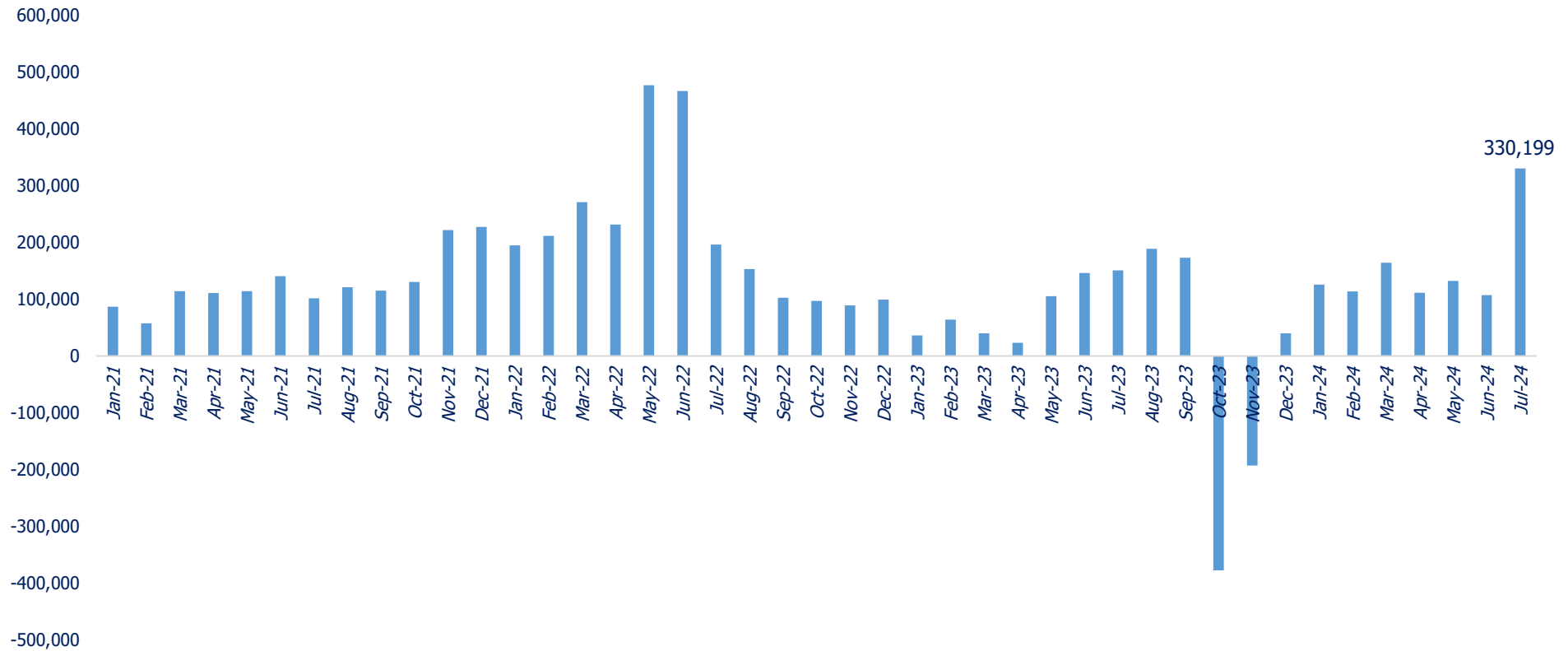
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

Trong tháng 7, số lượng tài khoản chứng khoán tăng đột biến thêm 330.199 tài khoản (+209% MoM, +119,2% YoY). Lũy kế trong 7 tháng đầu năm 2024, tổng số lượng tài khoản tăng thêm đạt 1,08 triệu tài khoản (+91,8% YoY) đưa tổng số tài khoản giao dịch của nhà đầu tư lên trên 8,37 triệu tài khoản, tăng 14,8% so với cuối năm 2023.

Số lượng tài khoản chứng khoán tăng/giảm theo tháng

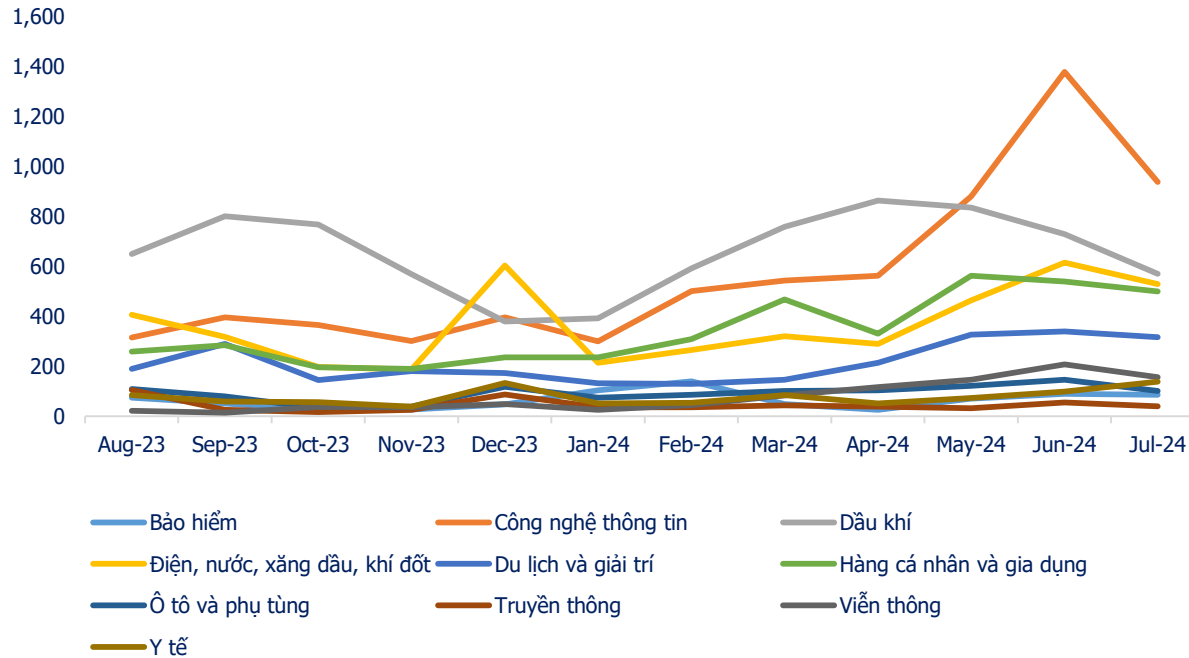




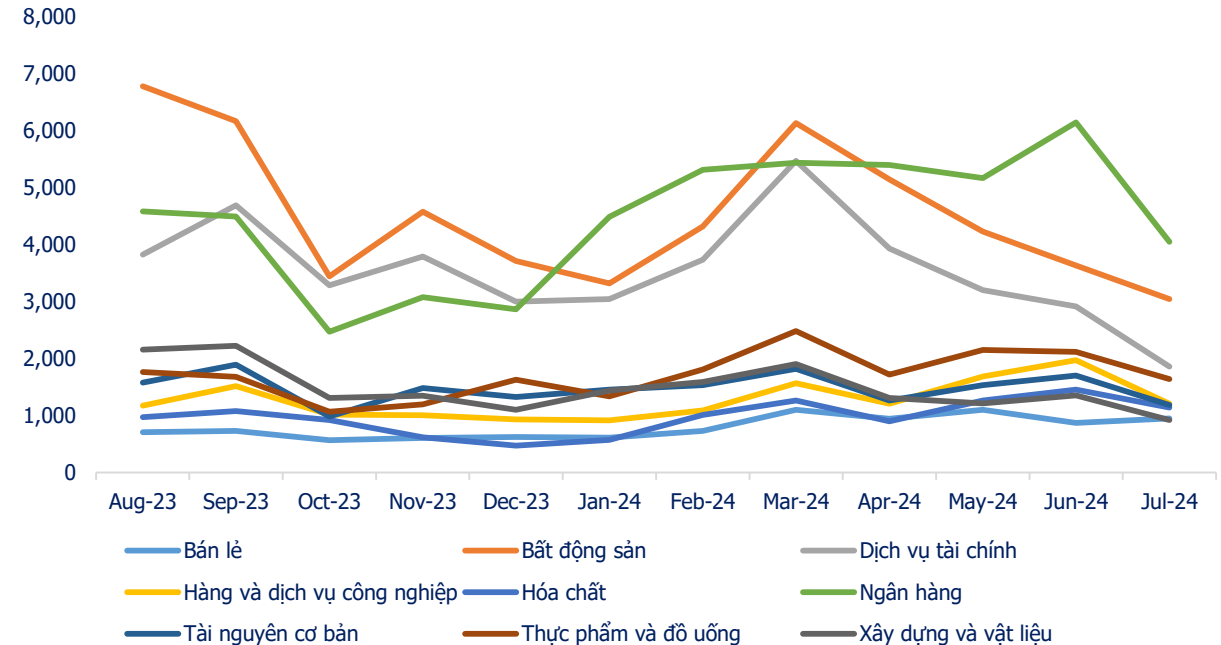
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

Thanh khoản tại các nhóm ngành đều giảm mạnh. Nhiều nhóm ngành suy giảm 04 tháng liên tiếp như Bất động sản với mức giảm -16,1% MoM trong tháng 7, Dịch vụ tài chính (-36,3% MoM), Dầu khí (-21,8% MoM). Nhóm cổ phiếu Công nghệ (-32,0% MoM), Viễn thông (-24,4% MoM) có mức giảm mạnh trong tháng 7 sau giai đoạn tăng khá nóng. Nhóm ngân hàng (-34,1% MoM) cũng giảm mạnh sau khi tăng tốt trong tháng 6, Hàng và dịch vụ Công nghiệp (-38,5% MoM), Xây dựng và vật liệu (-31,9% MoM), Hóa chất (-21,6% MoM)...Tuy nhiên ngành Y tế (+39,9% MoM), Bán lẻ (+8,9% MoM) có thanh khoản cải thiện tốt.

### GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)



### GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)



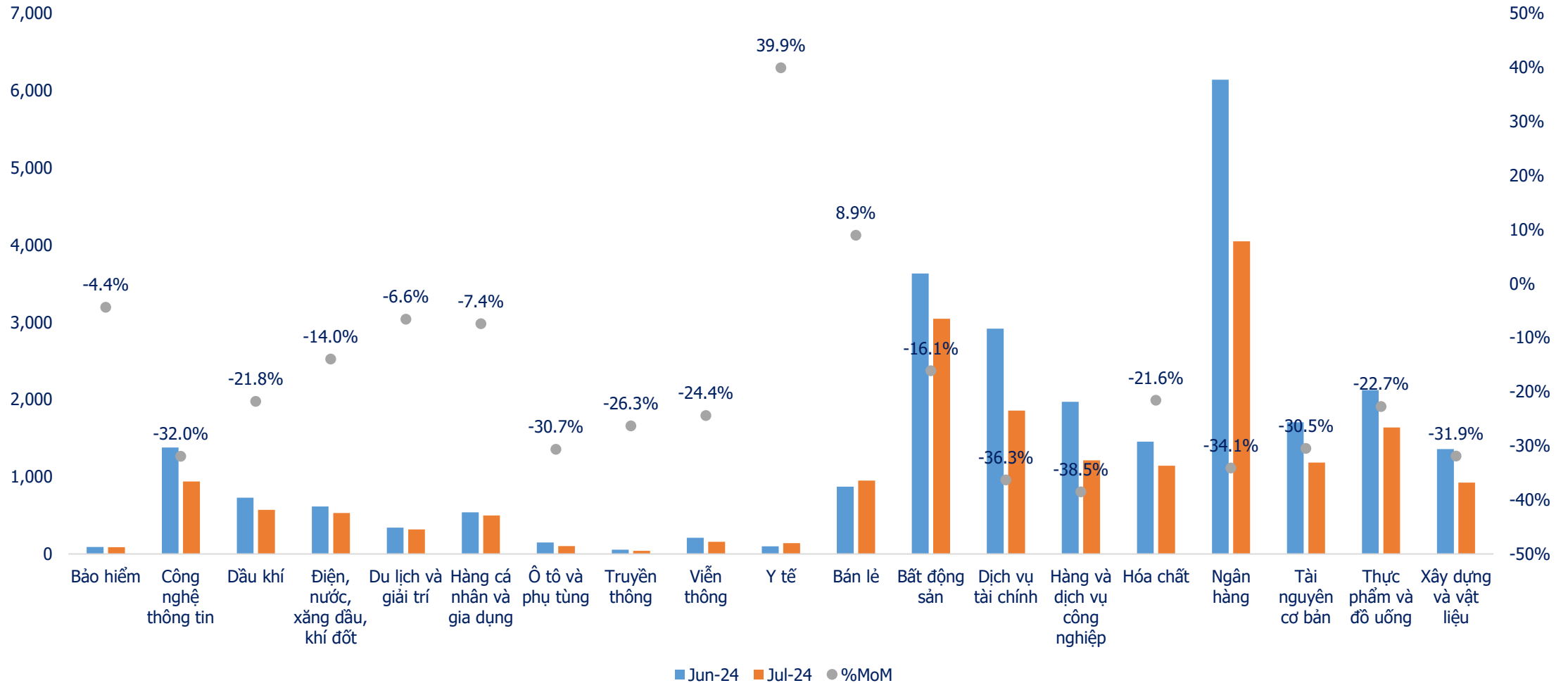
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

### Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành



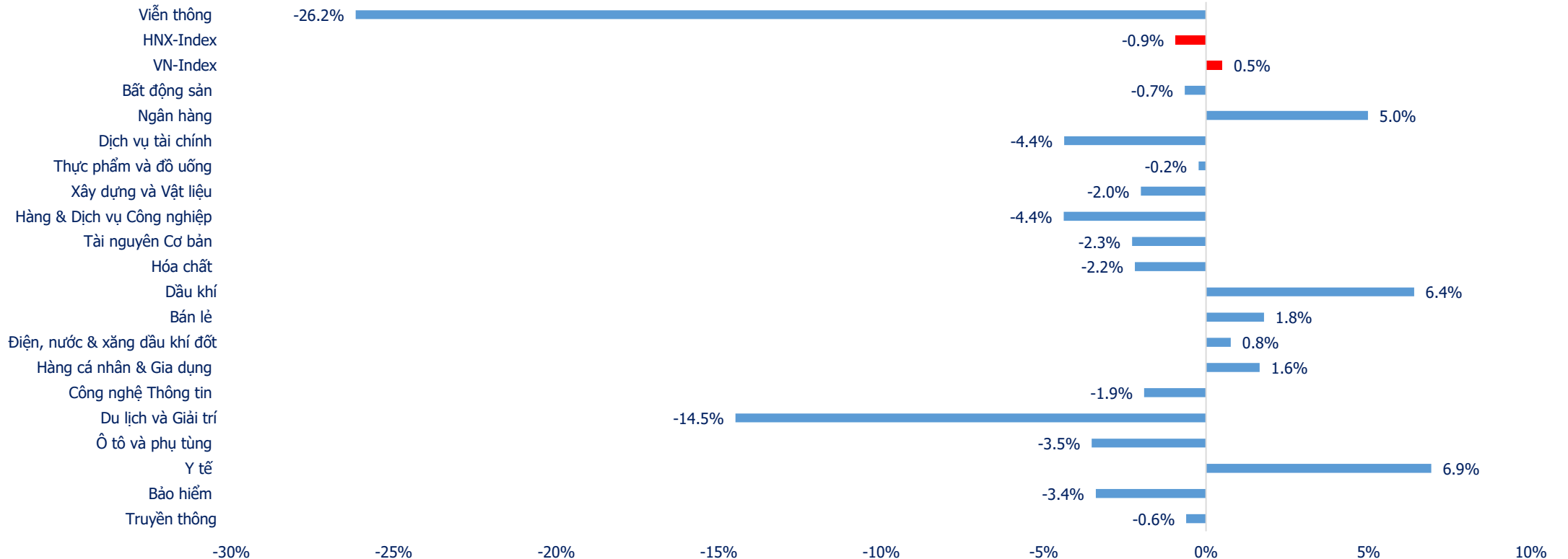
Nguồn: Fiingroup, SHS Research



# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

Trong tháng 07/2024, Ngân hàng (+5,0% MoM), Dầu khí (+6,4% MoM), Y tế (+6,9% MoM) là 03 nhóm cổ phiếu tăng điểm tốt nhất, ảnh hưởng tích cực đến VNINDEX, VN30. Trong khi đó các nhóm cổ phiếu tâm điểm nhiều tháng trước đã chịu áp lực điều chỉnh mạnh trong tháng 7/2024 bao gồm Viễn thông (-26,2% MoM), Du lịch và giải trí (-14,5% MoM)... Trong số các ngành giảm điểm trong tháng 7, chỉ có Bất động sản (-0,7% MoM), Truyền thông (-0,6% MoM) là chịu áp lực giảm điểm ít hơn thị trường chung.

### Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 7/2024

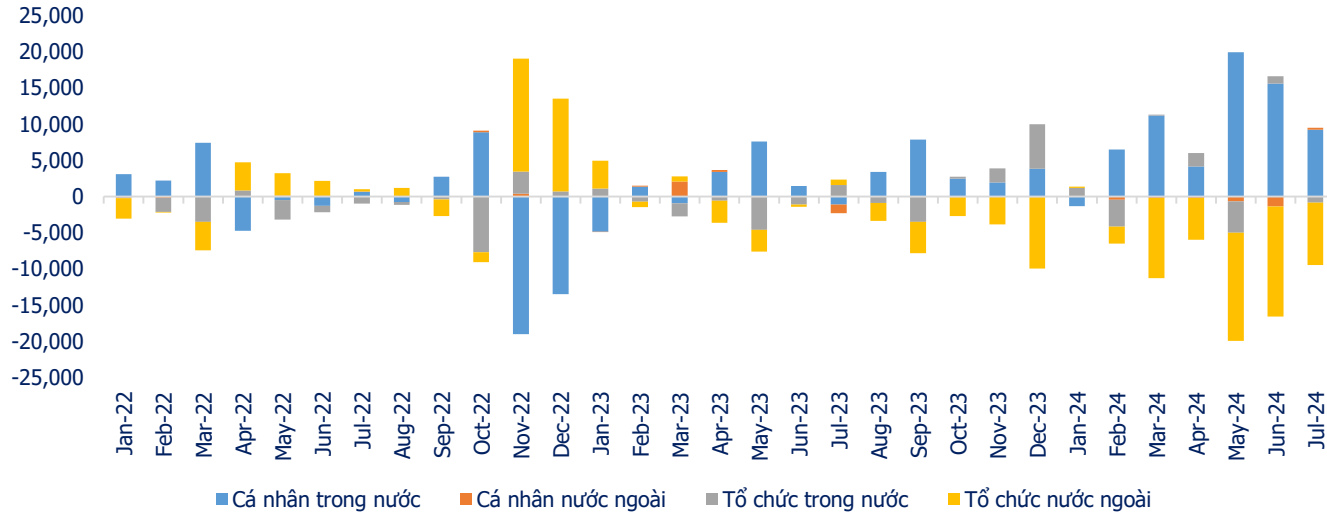




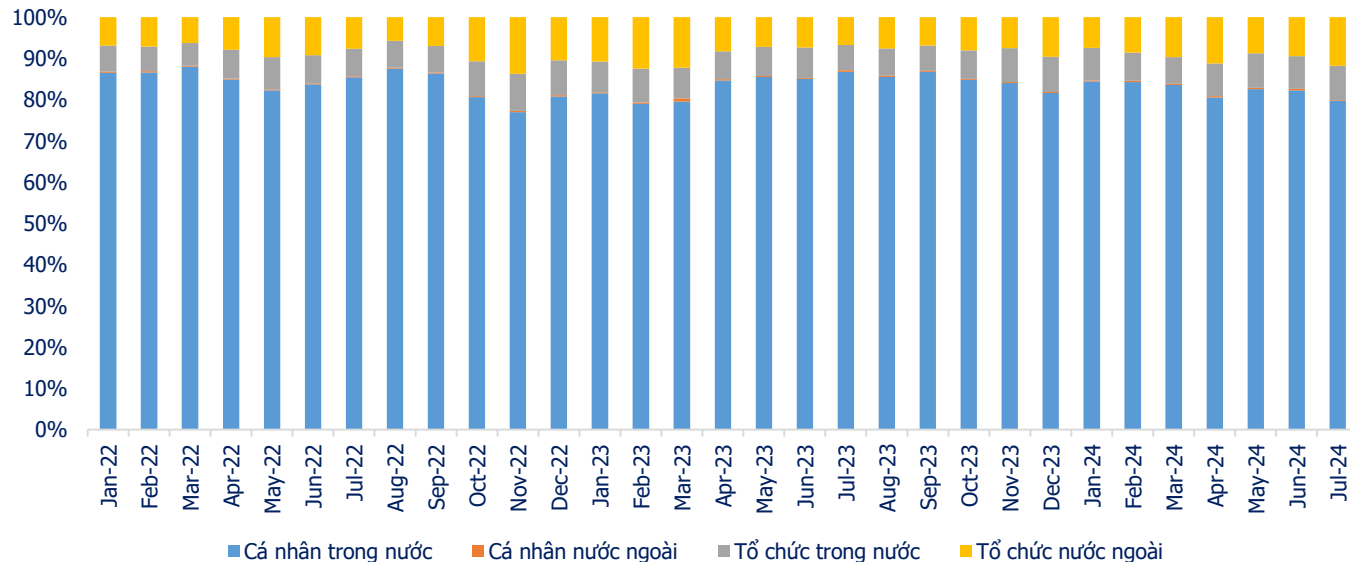


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

### Giá trị giao dịch ròng theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)



### Tỷ trọng giao dịch theo loại nhà đầu tư theo tháng



Trong tháng 7, nhà đầu tư tổ chức nước ngoài duy trì bán ròng mạnh với giá trị 8.619,47 tỷ đồng, nâng mức lũy kế bán ròng trong 07 tháng năm 2024 lên 57.809,97 tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch của tổ chức nước ngoài tăng mạnh lên 11,81% trong tháng 07 so với tỷ lệ 9,43% trong tháng 6, trên mức trung bình 03 năm. Trong khi đó nhà đầu tư cá nhân nước ngoài sau 05 tháng liên tiếp bán ròng mạnh, đã mua ròng trở lại trong tháng 7 với giá trị 247,32 tỷ đồng.

Tổ chức trong nước sau khi mua ròng trong tháng 6, cũng bán ròng mạnh với giá trị 860,56 tỷ đồng trong tháng 7, với tỷ trọng giao dịch chiếm 8,25%, trên mức trung bình. Lũy kế 07 tháng, nhà đầu tư tổ chức trong nước vẫn bán ròng mạnh với giá trị 4.769,42 tỷ đồng.

Trong khi đó đối ứng áp lực bán ròng của khối ngoại và tổ chức trong nước, nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục mua ròng mạnh với giá trị 9.232,71 tỷ đồng trong tháng 7, giảm khá mạnh so với giá trị mua ròng trong tháng 5 - 6/2024. Giá trị lũy kế mua ròng trong 07 tháng năm 2024 của nhà đầu tư cá nhân nâng lên mức kỷ lục 65.178,45 tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân trong tháng 07 tiếp tục giảm khá mạnh về mức 79,71%, là mức thấp trong 03 năm trở lại đây.



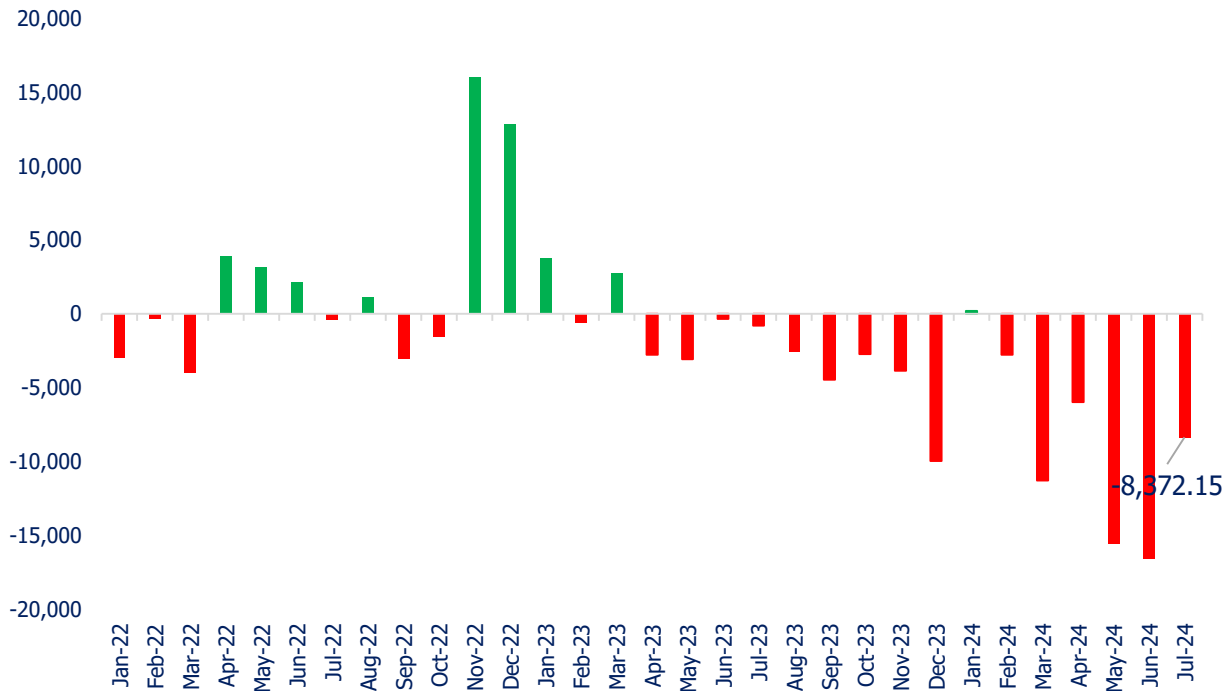
Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

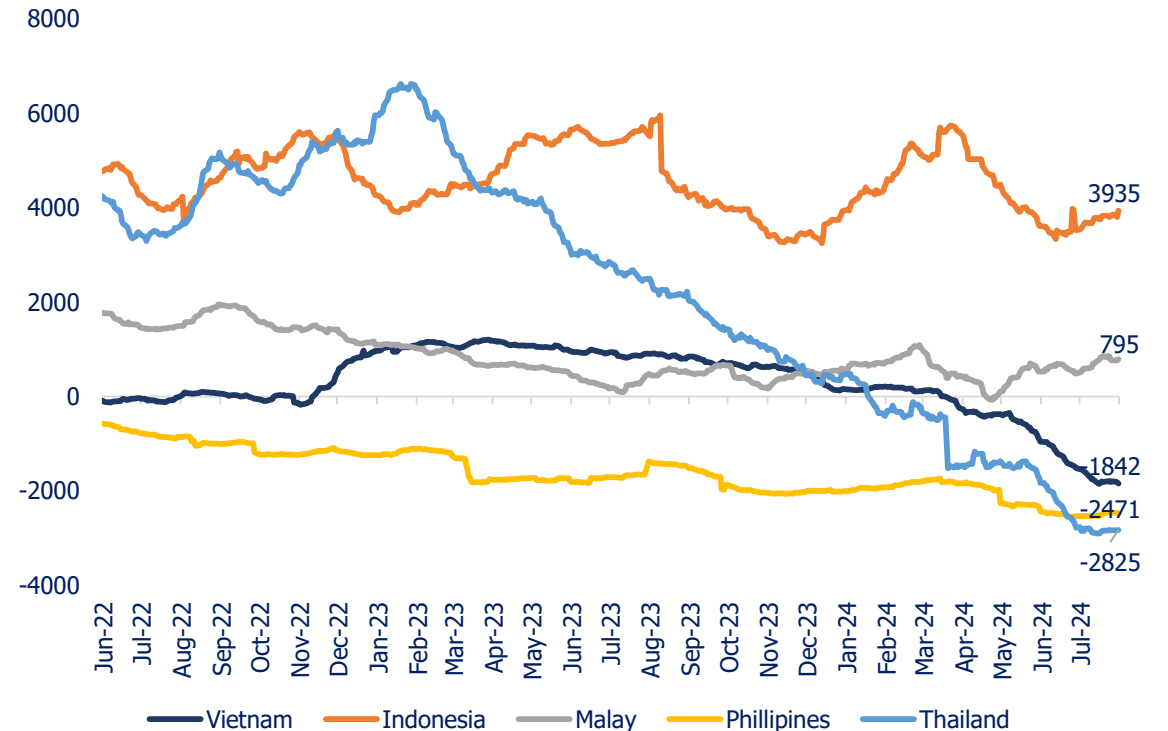
**Nhà đầu tư nước ngoài giảm quy mô bán ròng:** Trong tháng 7, khối ngoại duy trì bán ròng với giá trị 8.283 tỷ đồng trên cả 3 sàn tuy vậy chỉ tương ứng 49,5% số liệu của tháng 6 trong đó bán ròng tại HOSE, HNX và mua ròng gần 200 tỷ đồng tại Upcom. Lũy kế 07 tháng đầu năm 2024, tổng giá trị bán ròng của khối ngoại tại thị Việt Nam là 60.904 tỷ đồng, gấp 2,67 lần giá trị bán ròng trong cả năm 2023.

Tại các thị trường khác trong khu vực Đông Nam Á, dòng vốn ngoại đảo chiều mua ròng trở lại với Indonesia (+400 triệu USD), Malaysia (+282 triệu USD), Philippines (+62 triệu USD), giảm áp lực bán ròng ở Thái Lan (-56 triệu USD).

### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HOSE theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



### Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2022-2024)



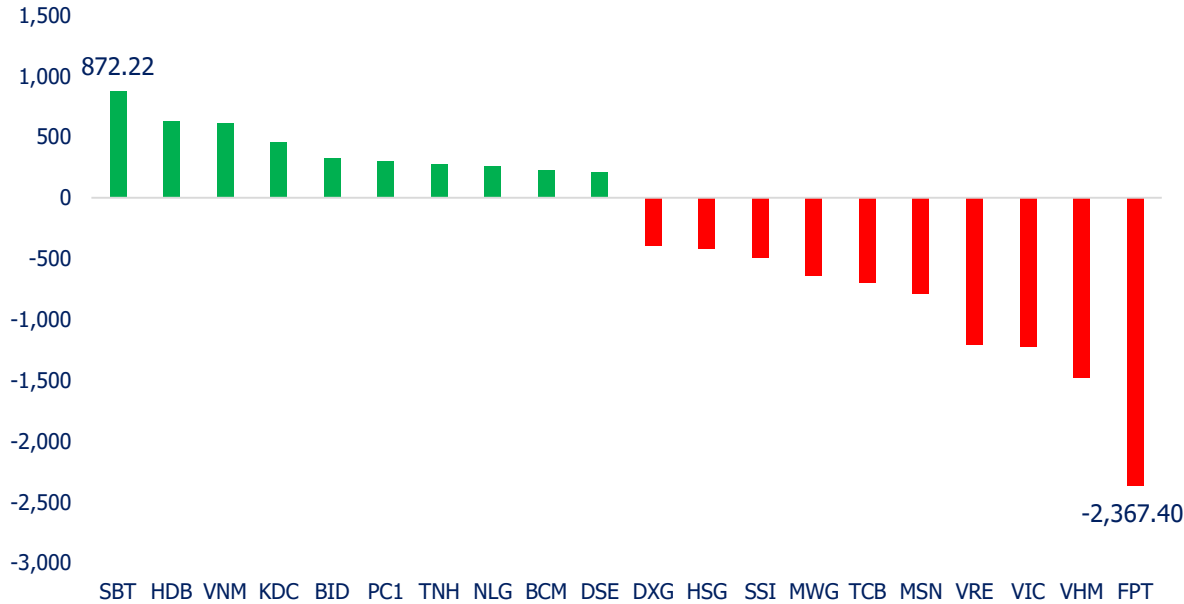
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



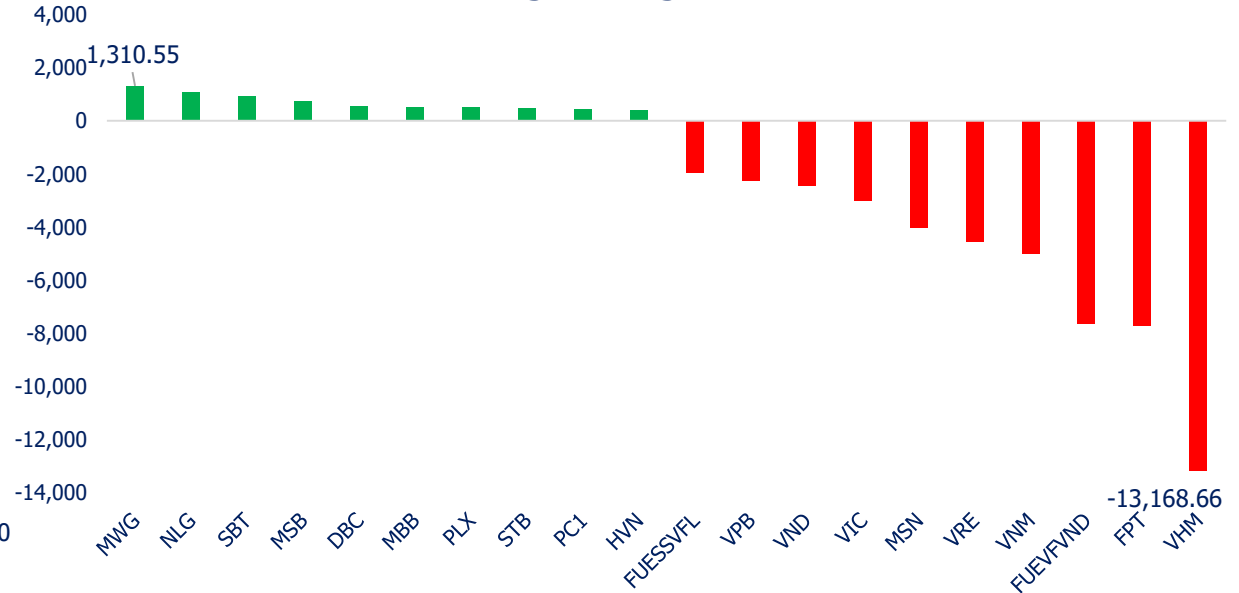
Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong tháng 07/2024 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong 7 tháng 2024



SBT HDB VNM KDC BID PC1 TNH NLG BCM DSE DXG HSG SSI MWG TCB MSN VRE VIC VHM FPT  
Nguồn: Fiingroup, SHS Research

Trên HOSE, trong tháng 7/2024, FPT (-2.367,40 tỷ đồng) tiếp tục chịu áp lực bán ròng của khối ngoại sau khi bán ròng mạnh trong tháng 6. Tiếp đến là 3 cổ phiếu thuộc nhóm Vingroup gồm VHM (-1.475,31 tỷ đồng), VIC (-1.224,87 tỷ đồng) và VRE (-1.204,56 tỷ đồng). Lũy kế 07 tháng 2024, VHM là cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng khớp lệnh mạnh nhất với tổng cộng -13.168,66 tỷ đồng, tiếp theo là FPT (-7.728,99 tỷ đồng), FUEVFNVD (-7.646,26 tỷ đồng), VNM (-4.992,05 tỷ đồng), VRE (-4.534,70 tỷ đồng), MSN (-4.015,97 tỷ đồng).

Ở chiều ngược lại, trong tháng 7 khối ngoại mua ròng khá đột biến SBT (+872,22 tỷ đồng), tiếp đến là HDB (+629,68 tỷ đồng), VNM (+615,77 tỷ đồng). Lũy kế trong 07 tháng năm 2024, MWG (+1.310,55 tỷ đồng) là mã được khối ngoại mua ròng tốt nhất, bên cạnh NLG (+1.079,15 tỷ đồng), SBT (+915,96 tỷ đồng) và MSB (+718,94 tỷ đồng).



# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

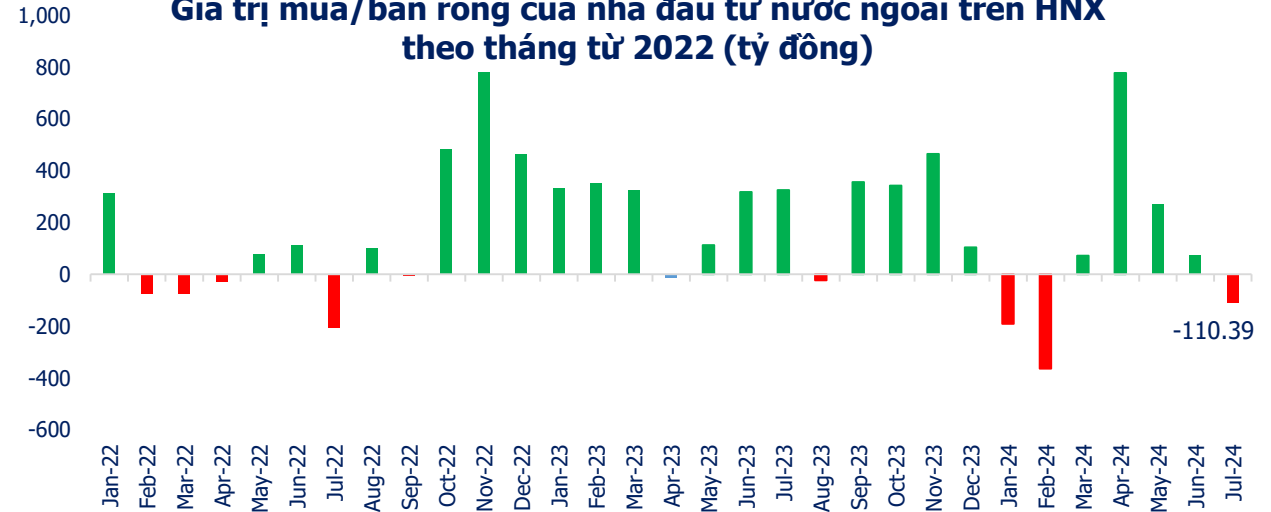
Biến cơ hội thành giá trị

Tại HNX, sau 04 tháng mua ròng khối ngoại đã bán ròng với giá trị 110,39 tỷ đồng. Trong đó tập trung bán ròng khá mạnh ở PVI (-119,42 tỷ đồng), DTD (-34,56 tỷ đồng). IDC (-29,5 tỷ đồng) cũng chịu áp lực bán ròng sau khi mua ròng mạnh. Ở chiều ngược lại khối ngoại mua ròng khá tốt PVS (+156,78 tỷ đồng).

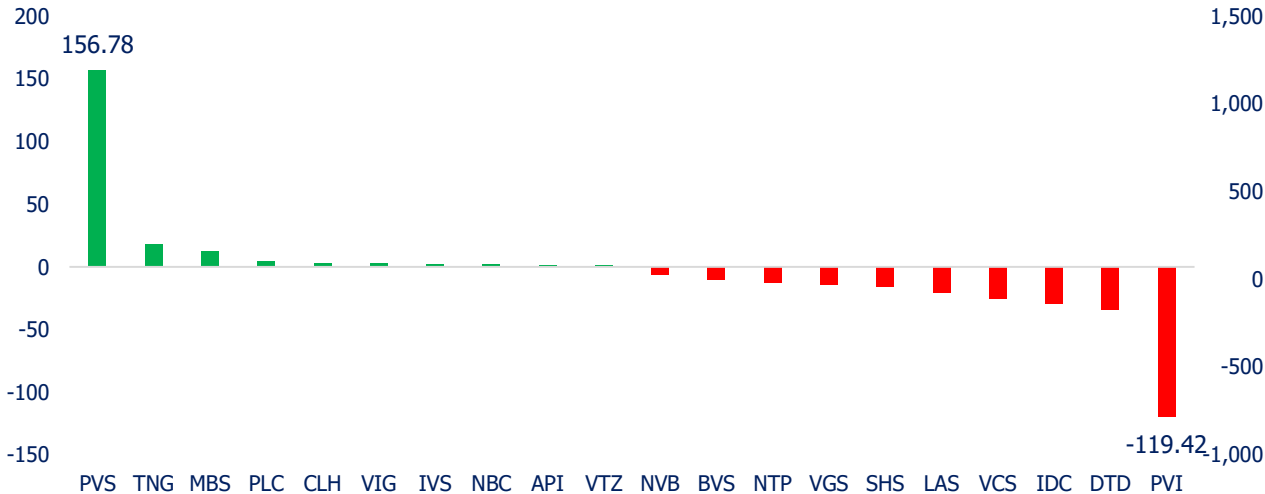
Lũy kế 07 tháng năm 2024 khối ngoại vẫn mua ròng 528,10 tỷ đồng trên HNX trong đó tập trung nổi bật mua ròng ở IDC (+1.313,67 tỷ đồng), MBS (+343,87 tỷ đồng), PVS (+168,65 tỷ đồng)... trong khi bán ròng khá mạnh SHS (-617,80 tỷ đồng), LHC (-141,24 tỷ đồng), PVI (-118,28 tỷ đồng).

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

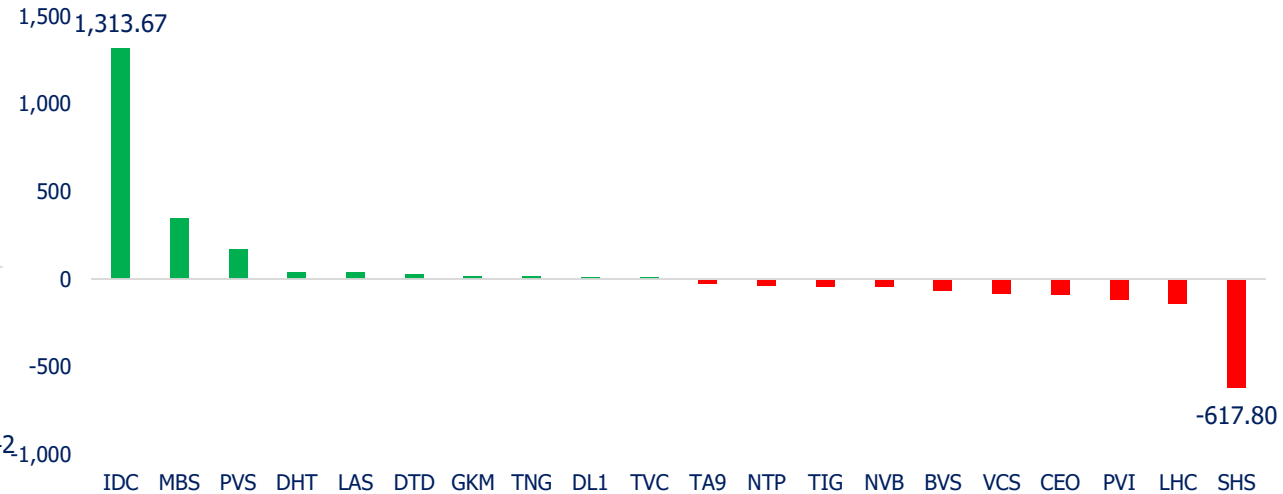
### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HNX theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 07/2024 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong 7 tháng 2024 (tỷ đồng)





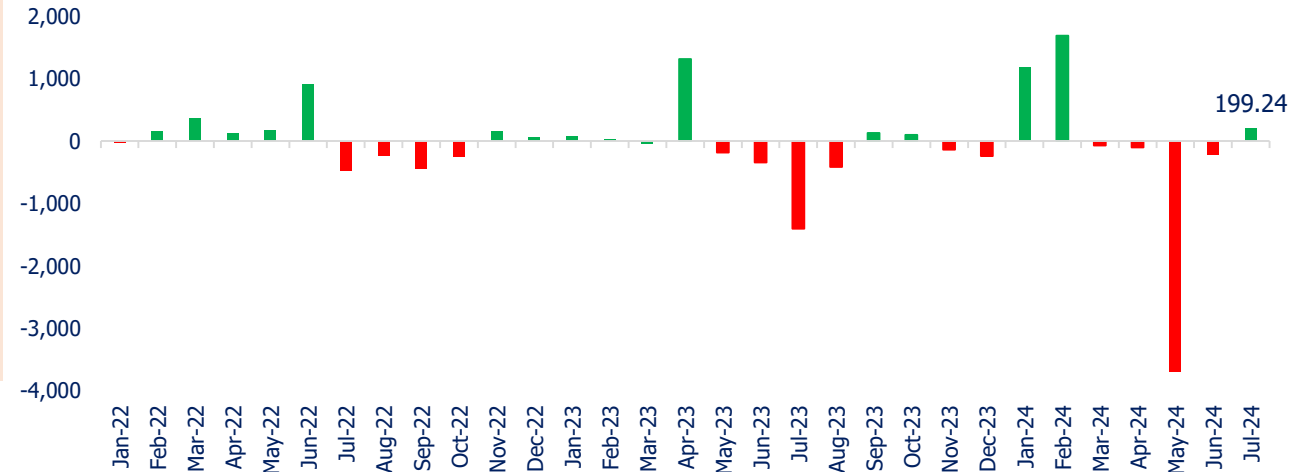
Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

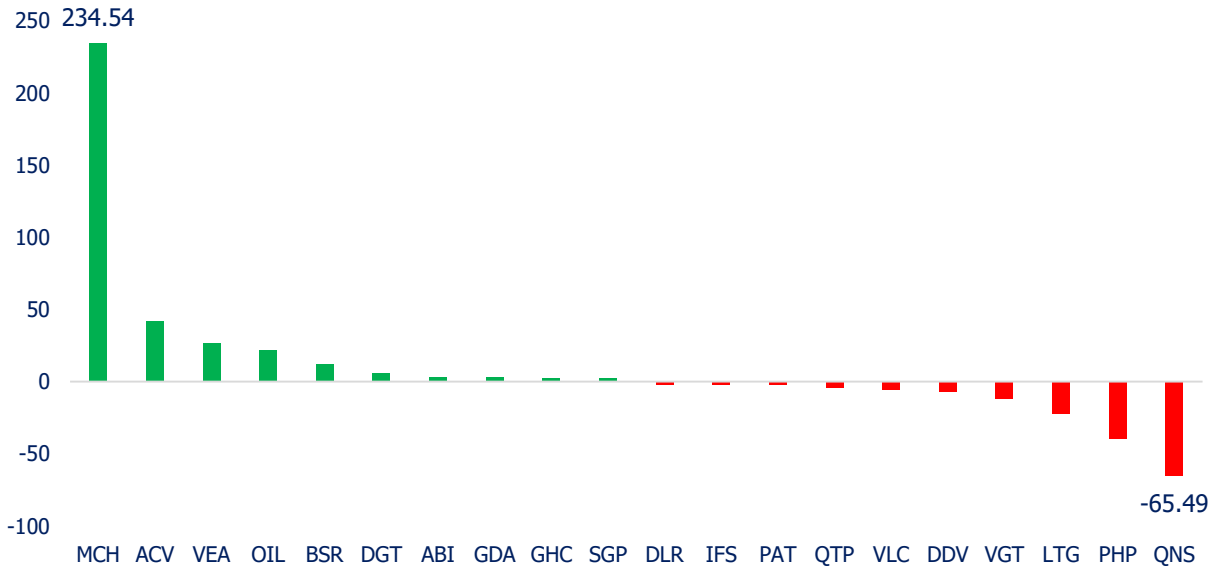
Trên sàn Upcom, sau khi bán ròng 04 tháng liên tiếp, khối ngoại đã mua ròng trở lại với giá trị 199,24 tỷ đồng. Trong đó mua ròng mạnh MCH (+234,54 tỷ đồng), ACV (+41,79 tỷ đồng), VEA (+26,78 tỷ đồng). Trong khi bán ròng QNS (-65,49 tỷ đồng), PHP (-39,86 tỷ đồng), LTG (-22,67 tỷ đồng).

Lũy kế 07 tháng đầu năm 2024 khối ngoại vẫn bán ròng 1.023,65 tỷ đồng sau khi mua ròng mạnh trong 02 tháng đầu năm nổi bật ở 02 thương vụ BHI (+1.628,10 tỷ đồng), AIC (+1.262,90 tỷ đồng), trong khi bán ròng đột biến MSR (-1.627,44 tỷ đồng), VEA (-933,12 tỷ đồng), ABB (-882,88 tỷ đồng).

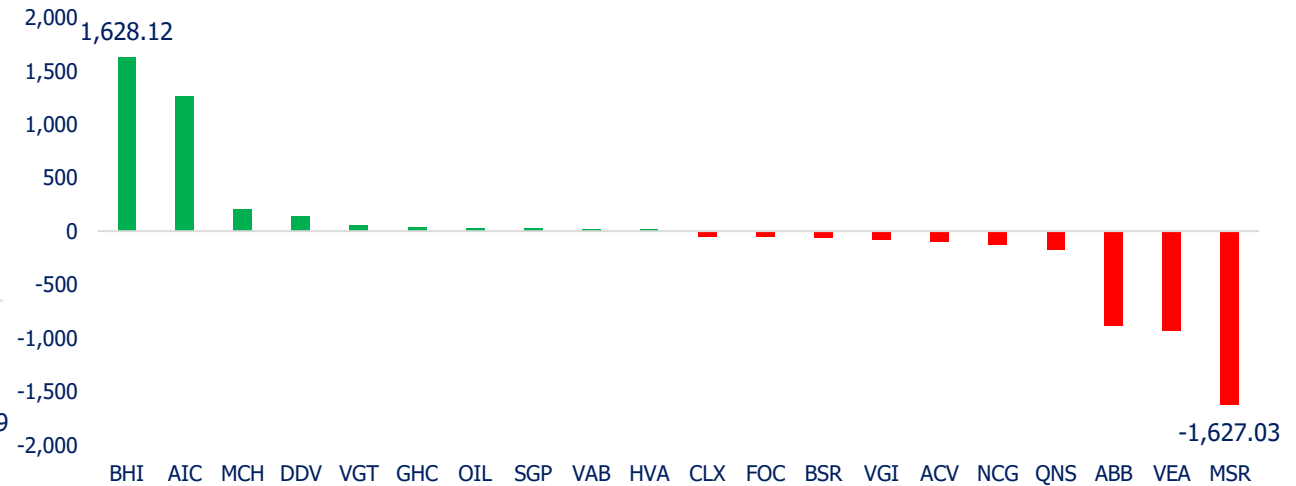
### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM theo tháng từ 2022 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong tháng 07/2024 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong 7 tháng 2024



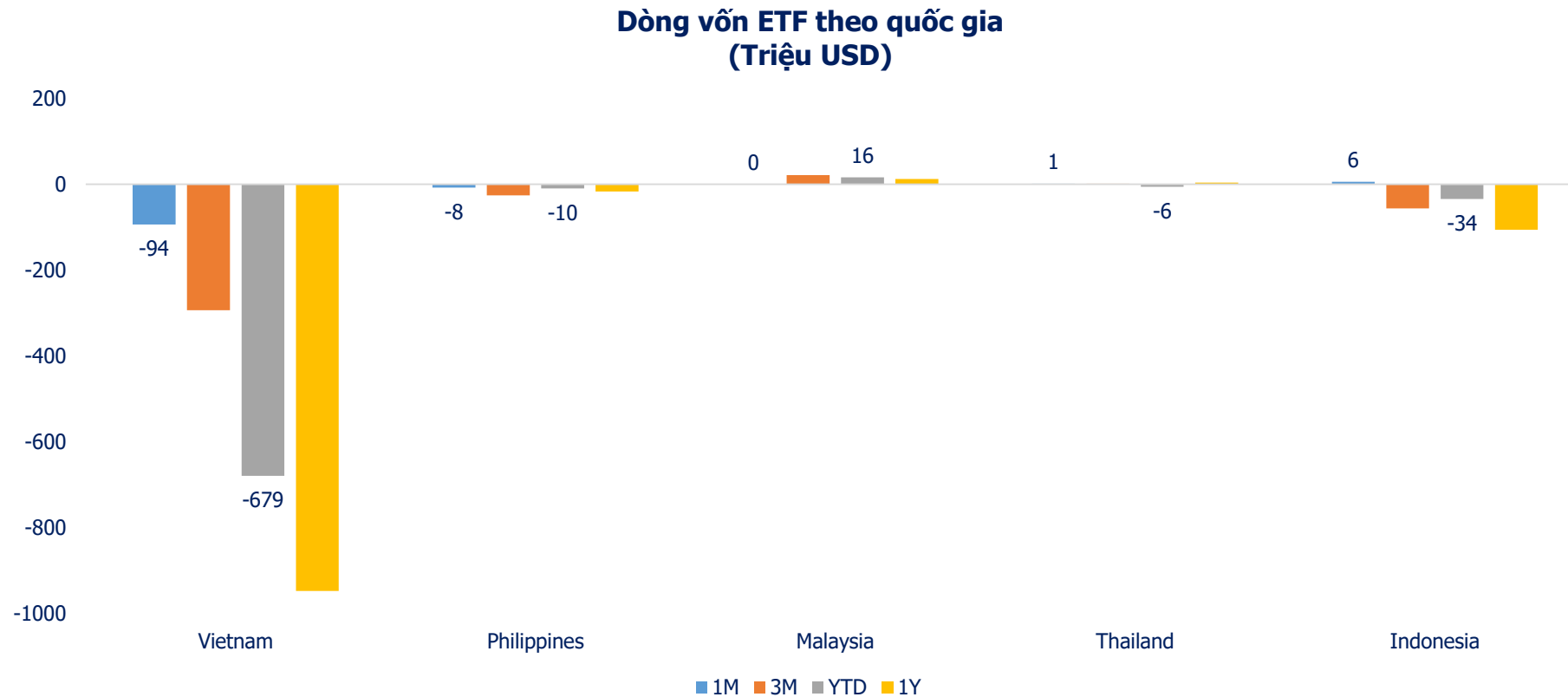
Nguồn: Fiigroup, SHS Research



Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

Trong tháng 7/2024, dòng tiền ETF tiếp tục rút ròng 94 triệu USD tại Việt Nam và là tháng rút ròng thứ 8 liên tiếp. Lũy kế 7 tháng đầu năm, Việt Nam bị các quỹ ETF bán ròng nhiều nhất Đông Nam Á với giá trị 679 triệu USD trong khi chỉ có Malaysia hút ròng với giá trị thấp 16 triệu USD. Quỹ DCVFM VNDiamond tiếp tục bị rút ròng với quy mô tăng trong tháng 7 với giá trị -61 triệu USD, tiếp theo vẫn là FUBON (-39,9 triệu USD) mặc dù giá trị bán giảm so với tháng 6, quỹ VN30 ETF đảo chiều hút ròng 11,9 triệu USD.





Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 07

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM	NAV	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		(triệu USD)	(tỷ USD)		1M	3M	YTD	1Y
<b>DCVFMVN Diamond ETF (VND)</b>	ETF	496,58	1,3	369.500.000	-61,0	-159,7	-368	-508
<b>Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)</b>	ETF	725,53	0,4	1.854.738.000	-39,9	-121,4	-151,6	-145,4
<b>DCVFMVN30 ETF Fund (VND)</b>	ETF	305,77	0,9	330.000.000	11,9	-12,0	-51,3	0,0
<b>VanEck Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	488,30	12,1	40.300.3000	-	-5,2	-5,8	-27,0
<b>Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)</b>	ETF	280,49	23,6	10.965.620	-11,9	-11,9	-51,3	-51,3
<b>SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)</b>	ETF	58,0	0,8	31.800.000	-1,4	-59,6	-78,2	-162,0
<b>KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)</b>	ETF	225,39	15,7	14.400.000	-3,1	17,3	-11,3	-15,7
<b>Premia MSCI Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	4,78	7,5	640.000	-0,8	-5,6	-10,4	-11,6
<b>SSIAM VNX50 ETF (VND)</b>	ETF	5,11	0,8	6.400.000	-	0,0	-1,2	-0,7
<b>Asian Growth CUBS ETF (USD)</b>	ETF	9,81	18,9	520.000	-	0,0	0,0	0,0
<b>Global x MSCI Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	11,93	15,9	750.000	-	0,0	1,9	5,7
<b>SSIAM VN30 ETF (VND)</b>	ETF	6,06	0,7	9.300.000	-	0,0	0,1	1,1
<b>KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)</b>	ETF	5,28	8,8	600.000	-	0,0	0,0	-0,9
<b>KIM GROWTH VN30 ETF (VND)</b>	ETF	58,78	0,4	166.200.000	5,4	23,6	30,9	31,7

Nguồn: Bloomberg, SHS Research





**TRÌNH VỌNG  
TTCK  
THÁNG 08**





# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 08

Biến cơ hội thành giá trị

Trong tháng 7/2024, VN-INDEX đã không giữ được đường xu hướng hỗ trợ tăng trưởng ngắn-trung hạn nổi các vùng giá thấp tháng 11/2023 và 04/2024 dẫn đến áp lực điều chỉnh. VN-INDEX tích lũy kém tích cực trong biên độ hẹp dưới vùng kháng cự quanh 1.250 điểm và trên vùng hỗ trợ mạnh 1.200 điểm. Diễn biến này đã được chúng tôi dự đoán trong báo cáo chiến lược tháng trước.

Trong tháng 8/2024 chúng tôi cho rằng VN-INDEX khả năng tiếp tục tích lũy trong kênh giá 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.250 điểm - 1.260 điểm. Điểm cân bằng của kênh giá này là 1.230 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, cũng như giá trung bình 01 năm, 05 năm hiện nay và hỗ trợ tâm lý mạnh. Vùng 1.255 điểm - 1.260 điểm là vùng giá cao nhất năm 2023. Diễn biến tích lũy của thị trường là phù hợp trong bối cảnh (1) Căng thẳng địa chính trị trên thế giới gia tăng. (2) Áp lực lạm phát trong nước chưa hạ nhiệt. (3) Nhà đầu tư nước ngoài vẫn duy trì bán ròng.

Thời điểm tích cực có thể kỳ vọng là cuối quý III và đầu quý IV/2024 khi FED bắt đầu lộ trình giảm lãi suất qua đó giảm áp lực tới tỷ giá trong nước, ngoài ra thị trường Trái phiếu và Bất động sản bắt đầu cải thiện. Tuy vậy, trong trường hợp có yếu tố bất định mới xuất hiện như (1) Căng thẳng Trung Đông mở rộng thành chiến tranh (2) Suy thoái kinh tế, VN-INDEX có thể chịu áp lực điều chỉnh về vùng giá 1.150- 1.160 điểm và phục hồi.

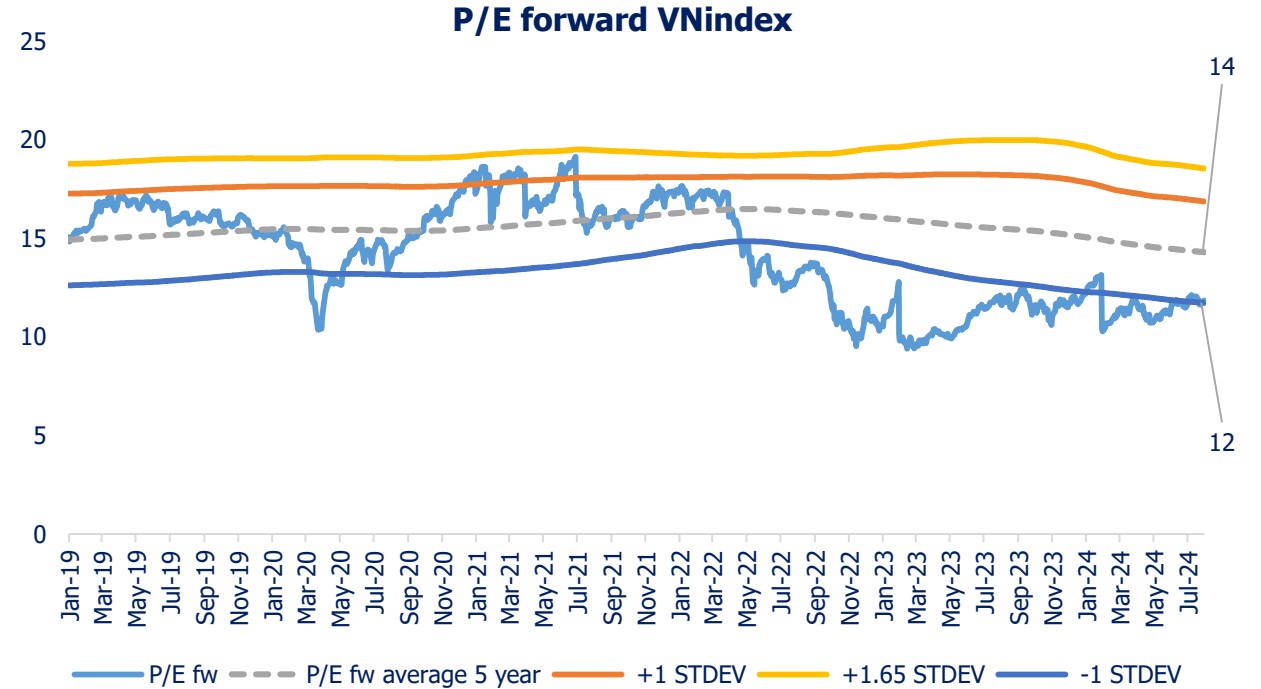
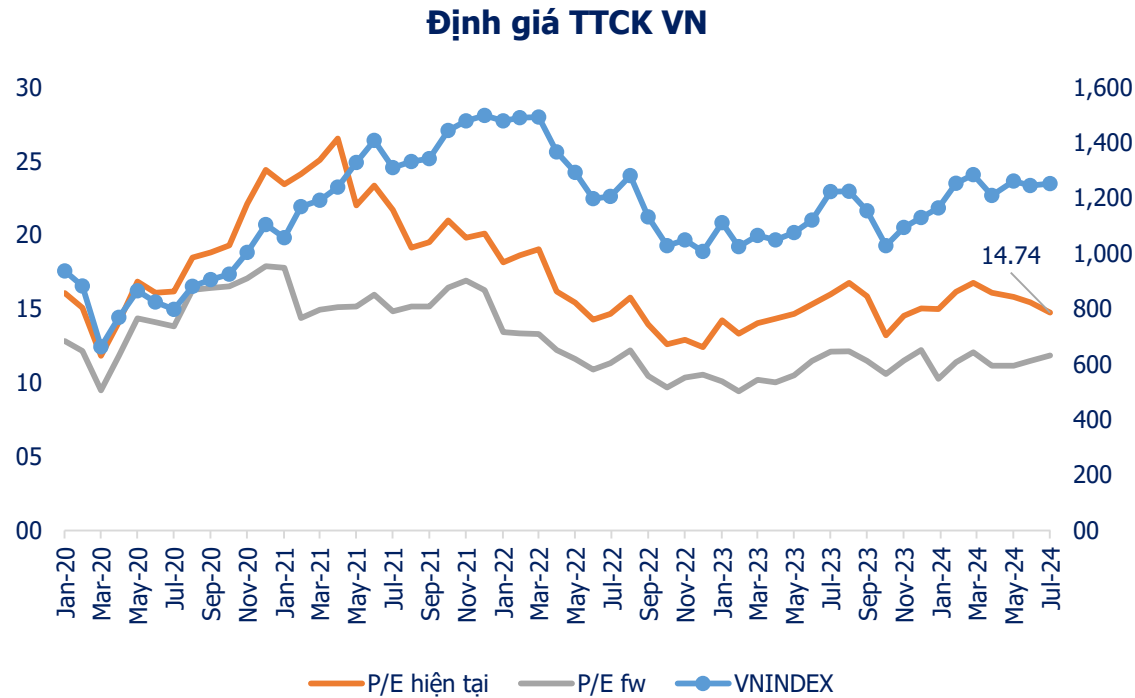




# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 08

Biến cơ hội thành giá trị

Vào thời điểm kết thúc tháng 7/2024, định giá toàn thị trường P/E đã giảm về 14,7x, thấp hơn P/E trung bình 10 năm (16,6x) và thấp hơn mốc trung bình 5 năm (17,3x).



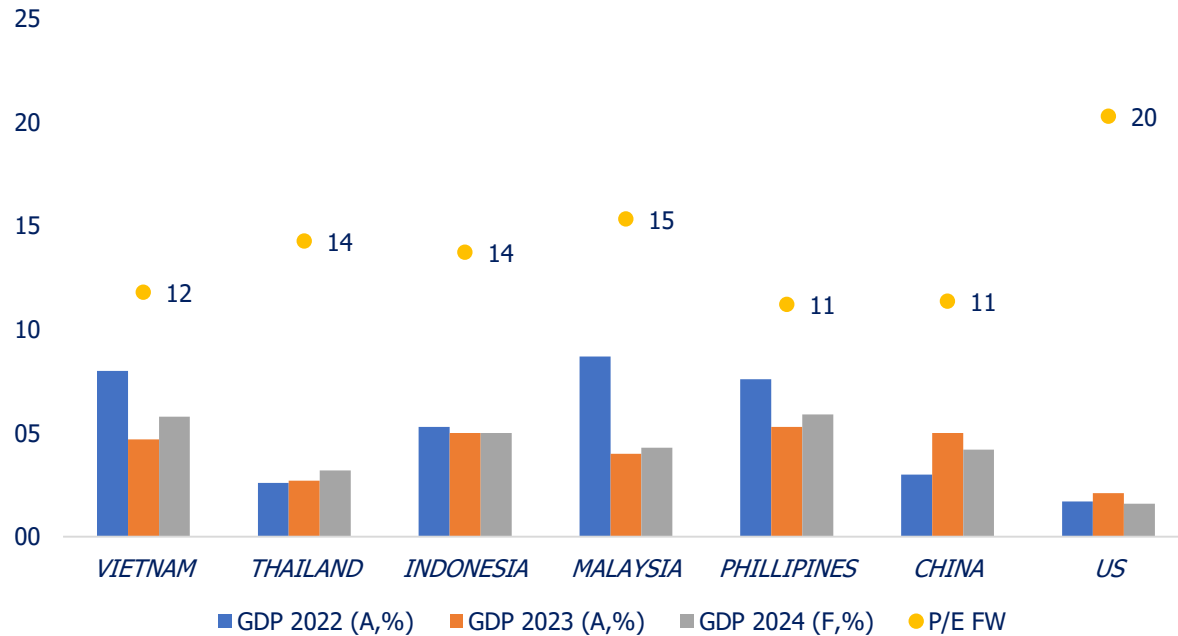
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



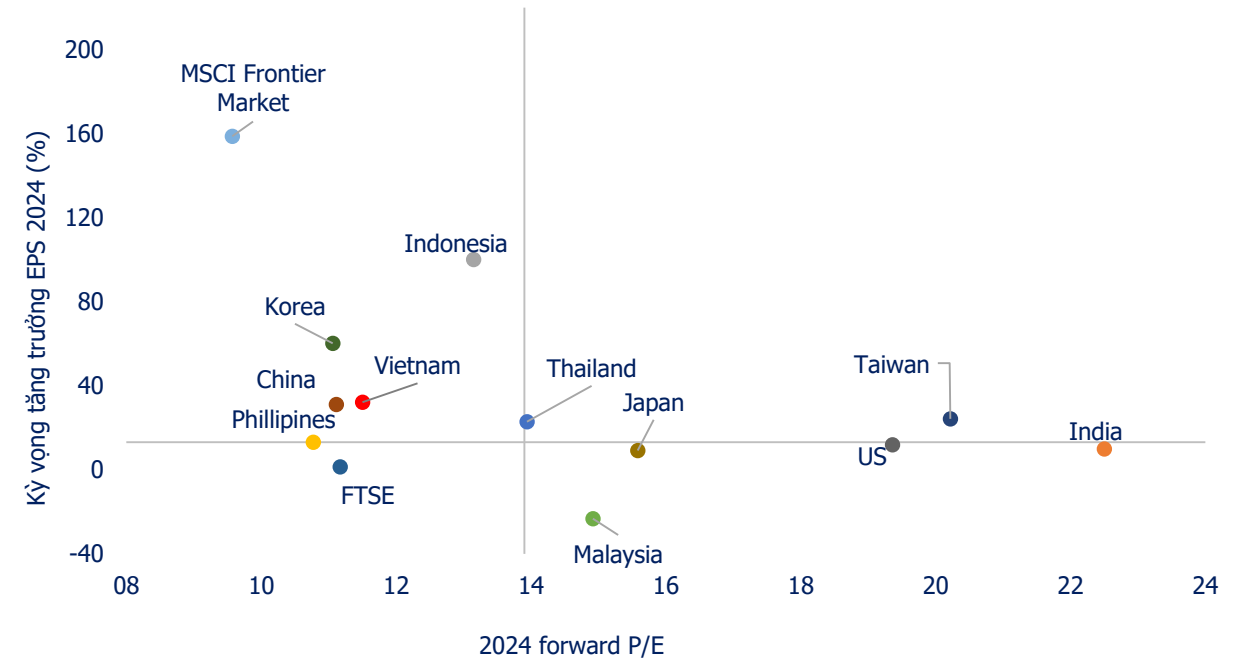
Biến cơ hội thành giá trị

# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 08

### TTCK VN so với các nước trên thế giới



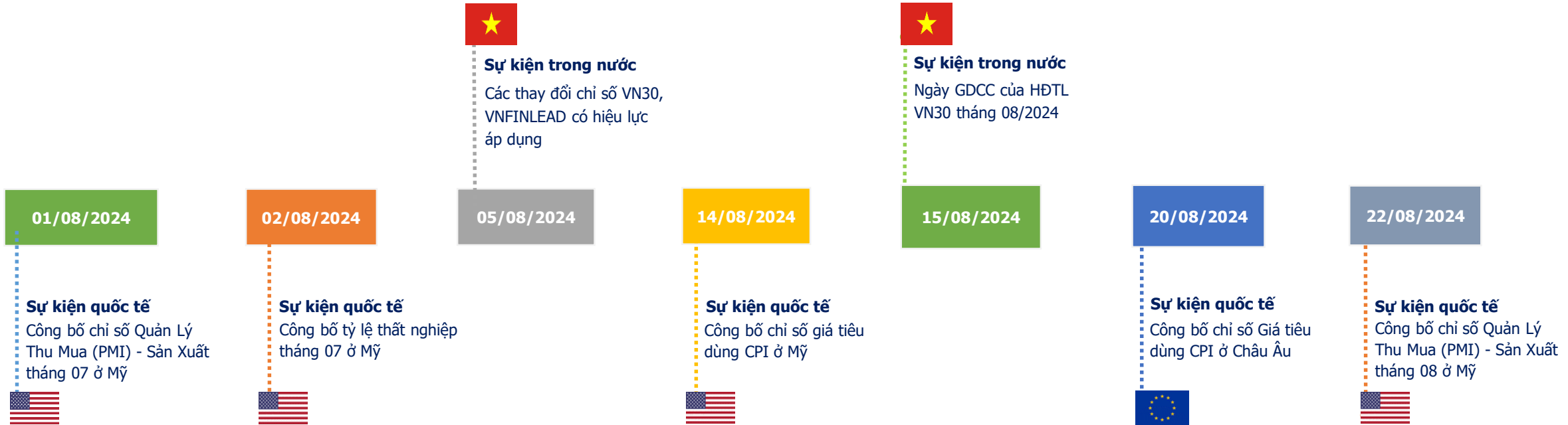
### Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Foward 2024



Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



# LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 08





# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Feb

Mar

Apr

May

Jun

Jul

Aug

Sep

Oct

Nov

Dec



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã	Giá đóng cửa	+/- tháng	+/- từ đầu năm
1	<b>BWE</b>	42.550	-6,9%	+17,8%
2	<b>CTD</b>	65.000	-7,3%	-5,5%
3	<b>DCM</b>	37.100	+3,1%	+20,7%
4	<b>FPT</b>	128.600	-1,5%	+55,0%
5	<b>GMD</b>	80.000	-1,0%	+16,5%
6	<b>GVR</b>	33.000	-3,5%	+55,7%
7	<b>IDC</b>	59.000	-1,2%	+21,3%
8	<b>PHR</b>	57.100	-5,8%	+14,9%
9	<b>PNJ</b>	97.100	1,7%	+13,6%
10	<b>PVD</b>	27.700	-3,8%	-2,1%
11	<b>PVS</b>	40.600	0,0%	+6,8%
12	<b>PVT</b>	28.450	-0,5%	+18,5%
13	<b>SZC</b>	38.450	-0,8%	+7,8%
14	<b>TCB</b>	23.250	-0,4%	+50,8%
15	<b>MBB</b>	24.400	+9,9%	+33,7%
	<b>VN-Index</b>	<b>1.251,51</b>	<b>+0,49%</b>	<b>+10,76%</b>

(Click vào từng mã để xem nội dung chi tiết)



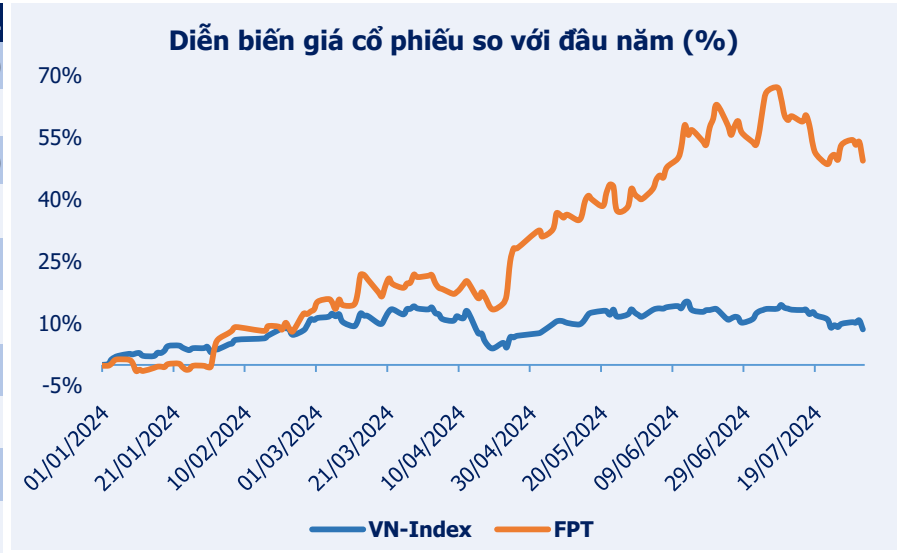
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP FPT (HOSE – FPT)

(Quay về danh mục tổng hợp)

		(tỷ đồng)	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	KH2024
<b>Giá hiện tại</b>	<b>128.600</b>	<b>Doanh thu</b>	13.761,74	14.690,41	14.092,93	15.245,23	61.850,00
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>140.000-143.000</b>	<b>% yoy</b>	23,44%	12,64%	20,64%	22,11%	+17,55%
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>139.700</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	2.075,87	2.051,24	2.160,27	2.283,04	8.700,00
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>187.814</b>	<b>% yoy</b>	18,22%	26,63%	19,36%	23,04%	+11,71%
<b>EPS ttm</b>	<b>4.885,10</b>	<b>Tổng tài sản</b>	62.112,68	60.325,28	62.024,71	65.321,97	
<b>BV</b>	<b>18.819,56</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	28.405,66	29.948,35	31.727,10	32.784,24	
<b>PE trailing</b>	<b>26,32</b>	<b>ROA (%)</b>	10,83	11,55	11,06	11,43	
<b>PB trailing</b>	<b>6,83</b>	<b>ROE (%)</b>	26,67	33,85	27,21	27,74	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	39,94	38,34	39,10	37,07	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	15,08	13,96	15,33	15,33	



- Nằm trong số những công ty công nghệ, nhà cung cấp Internet hàng đầu Việt Nam. Các mảng hoạt động chủ đạo (xuất khẩu phần mềm, hệ thống thông tin, đường truyền Internet..) hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam. Tình hình tài chính vững mạnh, lượng tiền 26.750 tỷ đồng (41% tổng tài sản và 83% tổng nợ phải trả), nợ vay thấp (25% tổng vốn).
- Đẩy mạnh M&A tại Mỹ với kỳ vọng tăng gấp đôi doanh thu dịch vụ kỹ thuật sản phẩm trong vòng hai năm tới. Năm 2023 FPT đã mua lại 3 công ty công nghệ tại Mỹ. Ngày 16/12/2023, FPT ký hợp tác với Yamato Holdings - Doanh nghiệp lớn về lĩnh vực lưu thông hàng hóa và TradeWaltz - Doanh nghiệp sở hữu nền tảng tương tác thông tin thương mại hàng đầu Nhật Bản. Ngày 1/3/24 mua lại 100% vốn của NAC-công ty dịch vụ CNTT tại Nhật. Ngày 13/3/24 mở chi nhánh tại Đại Liên, Trung Quốc. Ngày 23/4/24 ký MOU với NVIDIA xây dựng AI Factory vốn đầu tư 200 triệu USD và hợp tác đào tạo nguồn nhân lực và trở thành đối tác phát triển dịch vụ của NVIDIA. Ký MOU với JIT thuộc JAL để phát triển hệ thống CNTT cho lĩnh vực hàng không tại Nhật Bản.
- Doanh thu Quý I/2024 đạt 14.092 tỷ đồng (+20,64% YoY), lãi sau thuế 2.160 tỷ đồng (+19,36% YoY). Doanh thu Quý II đạt 15.246 tỷ đồng (+22% YoY), lãi sau thuế 2.283 tỷ đồng (+23% YoY). Lũy kế 6 tháng đạt 29.338 tỷ đồng doanh thu (+21,4% YoY) và 4.443 tỷ đồng lãi sau thuế (+21,2% YoY), tương ứng lần lượt 47,4% và 51% kế hoạch năm, EPS đạt 2.514đ. Mảng dịch vụ thị trường nước ngoài đạt 14.573 tỷ đồng doanh thu (+29,8% YoY) và 2.294 tỷ đồng lợi nhuận (+25,1% YoY) trong đó doanh thu chuyển đổi số chiếm 46% và tăng 37%, giá trị hợp đồng ký mới 18.671 tỷ đồng (+22,4%). Doanh thu giáo dục tăng 24% đạt 3.425 tỷ đồng, tổ hợp giáo dục tại Thanh Hóa đã cất nóc và tại Huế được cấp phép, đề xuất lập tổ hợp giáo dục tại Hải Dương.
- SCIC lên kế hoạch thoái toàn bộ 5,8% vốn điều lệ của FPT trong thoái vốn đợt 2 năm 2024. Ngày 12/6/24 chốt danh sách trả cổ tức 10% bằng tiền và thưởng cổ phiếu tỷ lệ 20:3





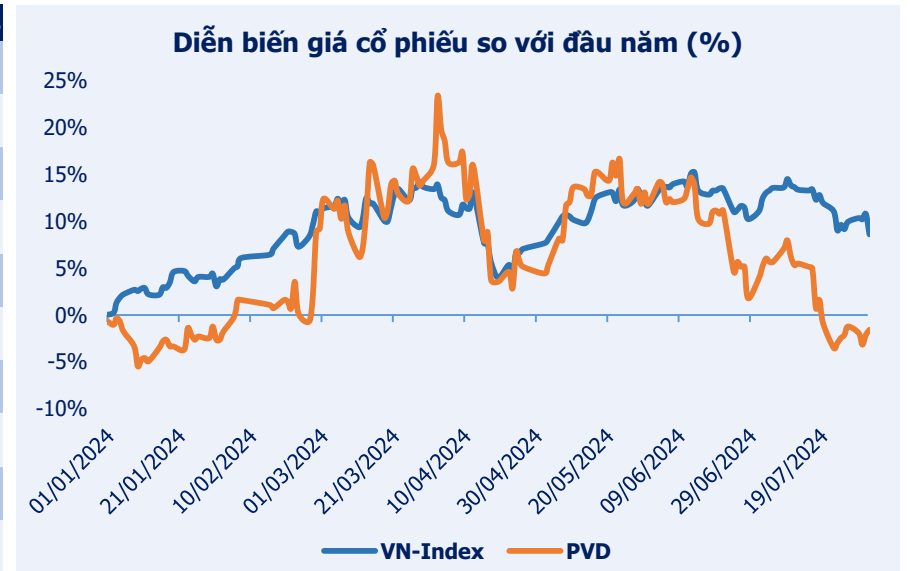
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (HOSE – PVD)

(Quay về danh mục tổng hợp)

		(tỷ đồng)	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	KH2024
<b>Giá hiện tại</b>	<b>27.700</b>	<b>Doanh thu</b>	1.381,11	1.747,44	1.755,53	2.253,92	6.200,00
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>35.000-36.000</b>	<b>% yoy</b>	11,22%	19,82%	43,12%	59,80%	+6,82%
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>30.750</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	132,89	194,04	148,50	129,95	380,00
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>15.398</b>	<b>% yoy</b>	356,51%	264,09%	184,21%	-17,54%	-30,40%
<b>EPS ttm</b>	<b>0,04</b>	<b>Tổng tài sản</b>	21.499,36	21.650,09	22.515,43	23.344,44	
<b>BV</b>	<b>1,10</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	14.809,87	14.894,25	15.306,78	15.741,82	
<b>PE trailing</b>	<b>29,23</b>	<b>ROA (%)</b>	2,08	2,74	3,09	2,87	
<b>PB trailing</b>	<b>1,00</b>	<b>ROE (%)</b>	3,08	3,79	4,57	4,28	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	21,42	22,79	25,66	20,83	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	9,62	11,10	8,46	8,46	



- Công ty cung cấp dịch vụ khoan hàng đầu Việt Nam với 4 giàn khoan biển tự nâng, 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm, 1 giàn khoan đất liền. Tình hình tài chính lành mạnh với 3.534 tỷ đồng tiền và tương đương tiền, tương ứng 105% nợ vay. Vốn chủ sở hữu đạt 14.894 tỷ đồng, gấp 2,2 lần tổng nợ phải trả.
- Toàn bộ các giàn khoan hoạt động xuyên suốt trong năm 2023 với hiệu suất hoạt động đạt 97,7%, hiệu suất sử dụng đạt 99,8%, Zero LTI. Năm 2023 tổng doanh thu đạt gần 6.200 tỷ đồng (+10,7% YoY = 115% kế hoạch), lãi sau thuế 540 tỷ đồng (+449% YoY = 540,6% kế hoạch). PVD không trả cổ tức năm 2023.
- Ban lãnh đạo PV Drilling ước tính giá thuê 4 giàn tự nâng năm 2024 tăng 10%-15% so với 2023. Giàn PV DRILLING III vừa có hợp đồng đến năm 2028 và có thể gia hạn thêm 2 năm. Năm 2024, Kế hoạch doanh thu đạt 6.200,00 tỷ đồng (+6,82% YoY), lãi sau thuế 380,00 tỷ đồng (-30,40% YoY). Quý I năm 2024 đạt 1.755 tỷ doanh thu (+43,1% YoY), 148,5 tỷ lãi sau thuế (+184% YoY). Quý II ghi nhận 2.254 tỷ đồng doanh thu (+59,5% YoY) và 130 tỷ lãi sau thuế (-16,1% YoY). Lũy kế 6 tháng đạt 4.036 tỷ đồng doanh thu (+53% YoY), 280,7 tỷ lãi sau thuế (+33,8% YoY), tương ứng 65% KH doanh thu và 73,8% KH lợi nhuận năm. Ngày 23/6, PVD ký hợp đồng cung cấp giàn khoan tự nâng Thor (thuê của Borr Drilling) để phục vụ các chương trình khoan 70 ngày cho Hoàng Long JOC và 51 ngày cho Thăng Long JOC.
- Triển vọng: Giá dầu duy trì ở mức cao hỗ trợ giá thuê các giàn khoan của PVD tiếp tục tích cực, toàn bộ các giàn khoan đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ dài hạn tại nước ngoài. Dự án Lô B - Ô Môn theo kế hoạch vận hành từ 2026 sẽ tạo nguồn việc dài hạn cho các giàn khoan của PVD từ 2025 (PVD dự kiến đầu tư 2.115 tỷ đồng giàn khoan tự nâng 3 chân năm 2024).





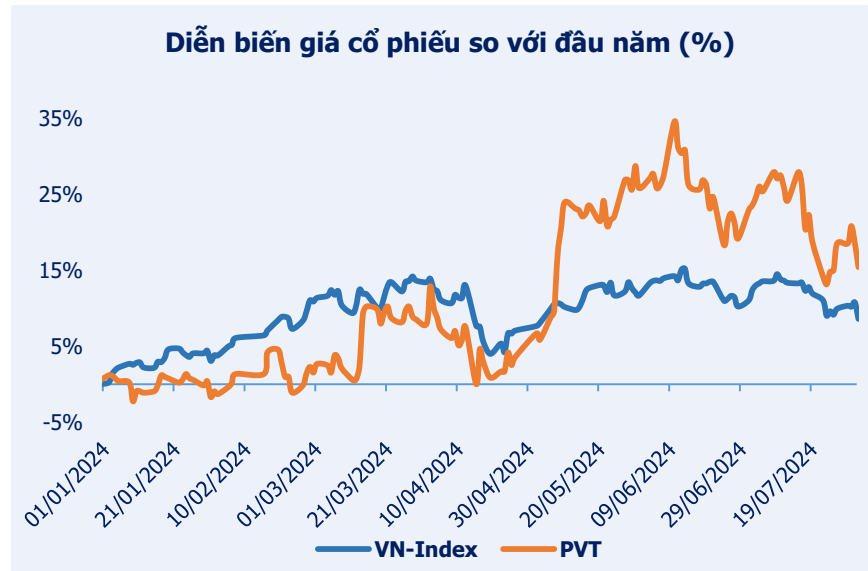
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (HOSE – PVT)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>28.450</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>31.500-33.000</b>	<b>Doanh thu</b>	2.550,62	2.752,79	2.536,11	2.994,05	8.800,00
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>31.000</b>	<b>% yoy</b>	9,45%	12,88%	24,13%	41,56%	-7,91%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>10.129</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	321,04	267,73	306,17	369,56	760,00
<b>EPS ttm</b>	<b>2.707,61</b>	<b>% yoy</b>	-16,83%	-3,14%	27,49%	-5,31%	-37,78%
<b>BV</b>	<b>19.745,30</b>	<b>Tổng tài sản</b>	16.965,20	17.466,21	17.601,98	17.566,53	
<b>PE trailing</b>	<b>10,51</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	8.675,19	9.026,38	9.351,19	9.373,33	
<b>PB trailing</b>	<b>1,44</b>	<b>ROA (%)</b>	6,26	6,13	6,07	5,73	
		<b>ROE (%)</b>	14,74	19,07	14,58	13,93	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	20,22	18,21	20,74	23,31	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	12,59	9,73	12,07	12,07	



- PVTrans là công ty vận tải dầu khí hàng đầu chuyên chở dầu thô, khí, hóa chất, than cho các đơn vị trong và ngoài tập đoàn PVN, sở hữu đội tàu hàng lỏng lớn nhất Việt Nam. Trong năm 2023, PVT đã đầu tư và thuê thêm 1 tàu chở hàng Supramax, 7 tàu chở dầu/hóa chất, 01 tàu chở LPG loại VLGC (Very Large Gas Carrier) sức chở 84.597 m<sup>3</sup>, 01 tàu LPG Coaster qua đó nâng đội tàu lên 51 chiếc (1,4 triệu DWT).
- Năm 2023 doanh thu +4,8% YoY, lãi sau thuế +7,1% YoY). Năm 2024, kế hoạch doanh thu 8.800 tỷ đồng (-7,24% YoY), lãi sau thuế 760 tỷ đồng (-38,6% YoY), cổ tức 8%, vốn đầu tư 3.364 tỷ đồng, trong đó 80tr USD dự án mua tàu chuyển tiếp và 52tr USD đầu tư mới 2 tàu MR/1 tàu Aframax, 262 tỷ đồng góp vốn vào PVTrans Logistics, HH Thăng Long, Vận tải Đông Dương.
- Quý I/2024 PVT đạt doanh thu 2.536,10 tỷ đồng (+24,14% QoQ), LNST 306,17 tỷ đồng (+27,49% QoQ), đạt 28,82% KH doanh thu và 40,29% kế hoạch lợi nhuận. Lũy kế 6 tháng công ty mẹ đạt 1.610 tỷ doanh thu (+9,4% YoY) và 266 tỷ lãi sau thuế (-13,8% YoY)
- Ngày 11/4/24, GDKHQ nhận cổ tức 2021 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%. Sẽ chia cổ tức bằng tiền 3% sau khi hoàn thành chia cổ tức năm 2021.
- Catalyst: việc mở rộng đội tàu giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận, có thể ghi nhận lợi nhuận bất thường trong năm từ việc thanh lý tàu chở dầu thô Athena, nhu cầu vận tải dầu khí hồi phục. Tiềm năng từ chính sách phát triển nhiệt điện chạy khí LNG theo quy hoạch VIII kéo theo nhu cầu chuyên chở LNG tăng cao. Giá cho thuê định hạn tàu chở dầu thô và xăng dầu thành phẩm quốc tế trong 4 tháng đầu năm 2024 tiếp tục duy trì trên mức nền cao của năm 2023 (tàu chở dầu thô là 47.000 USD/ngày và tàu chở xăng dầu thành phẩm là 27.500 USD/ngày).

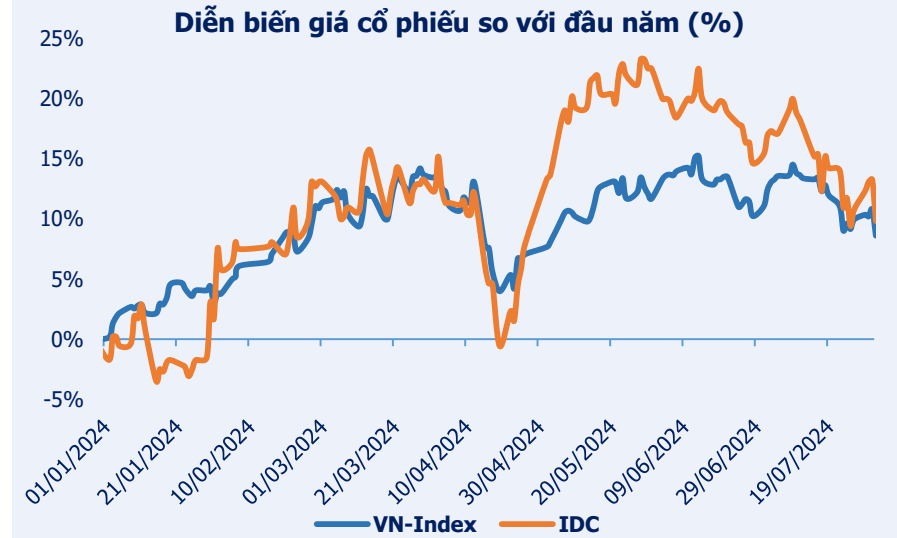


# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tổng Công ty IDICO – CTCP (HNX – IDC)

*(Quay về danh mục tổng hợp)*

<b>Giá hiện tại</b>	<b>59.000</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>68.000-69.000</b>	<b>Doanh thu</b>	1.443,47	2.239,31	2.467,06	2.148,49	8.466
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>62.900</b>	<b>% yoy</b>	-29,68%	85,38%	115,15%	-10,76%	+13,2%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>19.470</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	194,52	623,06	797,17	583,87	2.502*
<b>EPS ttm</b>	<b>5.575,59</b>	<b>% yoy</b>	-68,32%	169,41%	354,99%	-11,88%	+21,6%
<b>BV</b>	<b>14.417,01</b>	<b>Tổng tài sản</b>	16.898,22	17.731,90	17.386,39	17.544,50	
<b>PE trailing</b>	<b>10,58</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	5.610,85	6.204,23	6.492,10	6.138,05	
<b>PB trailing</b>	<b>4,09</b>	<b>ROA (%)</b>	6,17	8,02	11,26	10,58	
		<b>ROE (%)</b>	21,22	33,38	39,83	38,07	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	28,07	36,67	44,52	37,69	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	13,48	27,82	32,31	32,31	



- IDC sở hữu 10 KCN nằm ở các vị trí thuận lợi với tổng diện tích khoảng 3.267ha ở miền Bắc và miền Nam. Năm 2023, IDC hiện còn 580 ha quỹ đất sẵn sàng cho thuê tại 5 dự án KCN như Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng, Hựu Thạnh, Cầu Nghìn, Quế Võ 2. Backlog diện tích đất chưa ghi nhận tính đến cuối 2023 là 156ha (hơn 30 ha ký năm 2022 và 126 ha ký năm 2023). Giá cho thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, Quế Võ 2 và Cầu Nghìn lần lượt tăng 6%, 3% và 18% so với cùng kỳ năm 2022. Năm 2024 đặt KH cho thuê mới 145ha đất và 5ha nhà xưởng, doanh thu 8.466 tỷ đồng (+13,2% YoY), lãi sau thuế 2.502 tỷ đồng (+21,6% YoY). Giá trị đầu tư mới 3.134 tỷ đồng (+140% YoY) trong đó 1.579 tỷ cho dự án KCN, 865 tỷ cho dự án nhà ở, 406 tỷ cho dự án năng lượng. Cổ tức 2023 là 40% bằng tiền, cổ tức năm 2024 là 40%. Quý I/2024 IDC đạt doanh thu 2.467,06 tỷ đồng (+115,15% QoQ), LNST 797,17 tỷ đồng (+350% QoQ). Quý II đạt 2.148 tỷ đồng doanh thu (-10,7% YoY) và 584 tỷ đồng lãi sau thuế (-11,8% YoY), lũy kế 6 tháng đạt 4.615 tỷ đồng doanh thu (+29,8% YoY) và 1.381 tỷ đồng lãi sau thuế (+64,8% YoY), tương ứng 54,5% và 69% kế hoạch năm. Lợi nhuận chuyển nhượng BĐS 272 tỷ đồng do ghi nhận diện tích đất tại dự án KĐT phường 6, Tân An (IDC sở hữu 51%) chuyển nhượng cho Aeon.
- IDC có kế hoạch mở rộng tổng quỹ đất thêm từ 2.430ha - 2.820ha trong 5 năm tới. IDC đã trình Thủ tướng dự án KCN Mỹ Xuân B1 mở rộng (110ha – 500ha) và KCN Tân Phước 1 (470 ha) tại Tiền Giang. IDC quyết định góp 550 tỷ đồng thành lập công ty con IDICO Vinh Quang tại Hải Phòng để đầu tư xây dựng, kinh doanh đô thị, khu công nghiệp. KCN Vinh Quang (1.000 ha) đã hoàn thành quy hoạch 1/2.000 và dự kiến được phê duyệt đầu tư trong năm 2025.
- Ngày 04/6/2024 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền 5% đợt 3 năm 2023 và tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1/2024 với tỷ lệ 20%.

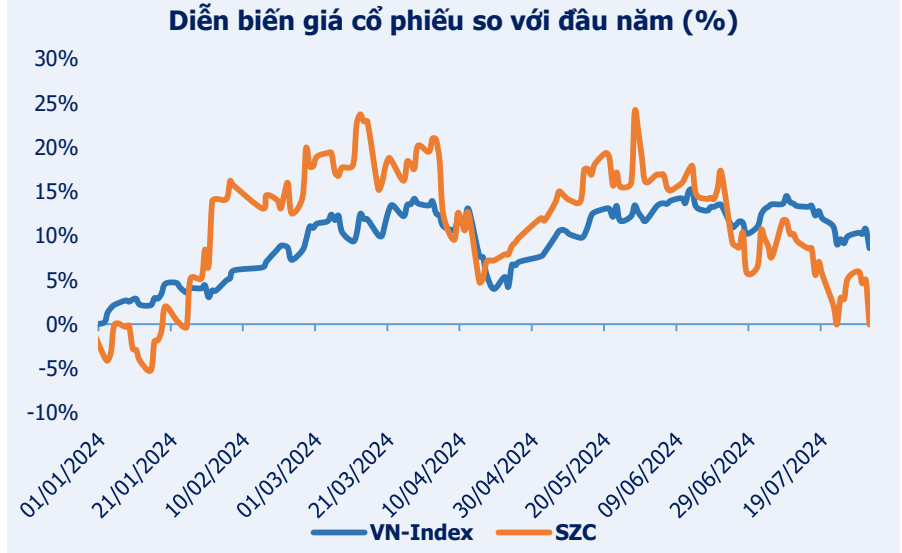


# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Sonadezi Châu Đức (HOSE – SZC)

*(Quay về danh mục tổng hợp)*

		(tỷ đồng)	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	KH2024
<b>Giá hiện tại</b>	<b>36.600</b>	<b>Doanh thu</b>	208,10	258,51	213,72	262,43	881,09
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>45.000-46.000</b>	<b>% yoy</b>	68,79%	32,12%	238,36%	-8,93%	+7,72%
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>40.900</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	55,09	56,06	65,08	102,23	228,15
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>6.920</b>	<b>% yoy</b>	136,25%	49,23%	453,70%	6,52%	+4,24%
<b>EPS ttm</b>	<b>1.608,35</b>	<b>Tổng tài sản</b>	6.404,28	6.961,13	8.057,49	8.250,99	
<b>BV</b>	<b>16.505,35</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	1.681,25	1.737,32	2.971,31	2.970,73	
<b>PE trailing</b>	<b>23,91</b>	<b>ROA (%)</b>	3,16	3,29	3,92	3,75	
<b>PB trailing</b>	<b>2,33</b>	<b>ROE (%)</b>	12,55	13,38	13,58	11,90	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	41,17	35,84	46,09	56,98	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	26,47	21,69	30,45	30,45	



- SZC sở hữu quỹ đất cho thuê lớn với tổng diện tích khoảng 2.135 ha (trong đó khoảng 600ha để phát triển KĐT).
- Năm 2023 doanh thu -4,7% YoY, lãi sau thuế +10,9% YoY. Năm 2024, SZC đặt kế hoạch doanh thu 881 tỷ đồng (+5,5% YoY) và LNST 228 tỷ đồng (+4,6% YoY), cổ tức 10%. Đồng thời, SZC có kế hoạch chi gần 450 tỷ cho đầu tư xây dựng cơ bản và 1.089 tỷ đồng cho chi phí giải phóng mặt bằng cho KCN diện tích 92,99ha trong năm. Quý I đạt 213,7 tỷ đồng doanh thu (+238% YoY), 65,1 tỷ đồng lãi sau thuế (+453% YoY). Quý II đạt 262,4 tỷ đồng doanh thu (-9% YoY), 102,2 tỷ đồng lãi sau thuế (+6,4% YoY). Lũy kế 6 tháng đạt 476 tỷ đồng doanh thu (+35,6% YoY) và 167 tỷ đồng lãi sau thuế (+55% YoY), tương ứng 54% KH doanh thu và 73% KH lợi nhuận.
- Phát hành thành công 99,97% lượng cổ phiếu chào bán tỷ lệ 2:1 giá 20.000 đồng/cp để bổ sung nguồn vốn đầu tư dự án KCN Châu Đức (1.556ha), tái cơ cấu các khoản nợ vay và thanh toán lãi gốc trái phiếu đến hạn. Ngày 14/5/2024 ký hợp đồng cho thuê lại 18ha đất tại KCN Châu Đức với Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam để đầu tư nhà máy 250 triệu USD.
- Cổ đông lớn SZN phê duyệt Đề án tái cơ cấu 2021-2025, theo đó SZN sẽ thoái vốn tại SZC từ 46,84% hiện tại xuống còn 36%. HĐQT thông qua phương án tăng giới hạn cho vay dài hạn là 3.000 tỷ đồng gồm giới hạn đã cấp là 1.600 tỷ đồng và giới hạn cấp mới là 2.000 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện triển khai đầu tư dự án Khu công nghiệp Châu Đức.
- Ngày 24/4/2024 chốt danh sách chia cổ tức năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 10%.



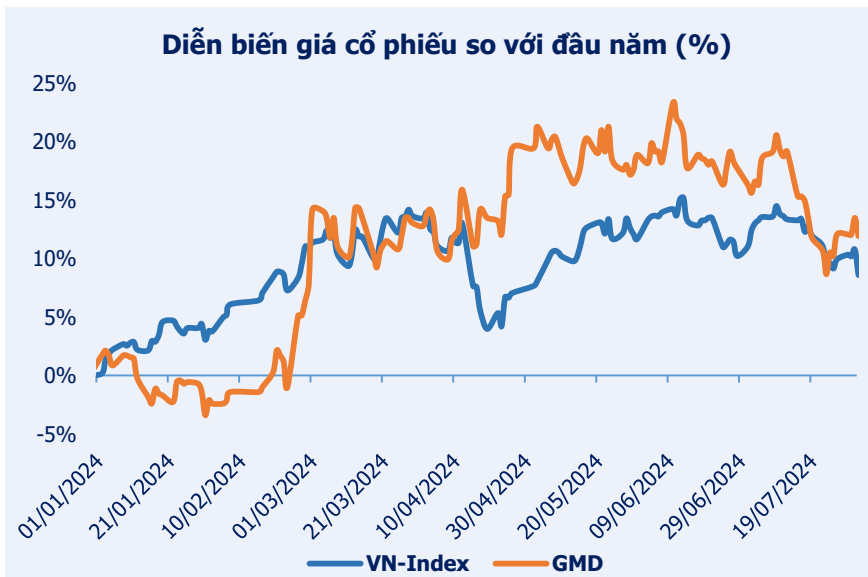
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Gemadept (HOSE – GMD)

(Quay về danh mục tổng hợp)

		(tỷ đồng)	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	KH2024
<b>Giá hiện tại</b>	<b>78.900</b>						
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>85.000-90.000</b>						
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>85.000</b>						
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>24.839</b>						
<b>EPS ttm</b>	<b>3.821,66</b>						
<b>BV</b>	<b>30.481,28</b>						
<b>PE trailing</b>	<b>20,93</b>						
<b>PB trailing</b>	<b>2,62</b>						
		<b>Doanh thu</b>	997,92	1.033,81	1.005,54	1.181,10	4.000
		<b>% yoy</b>	0,60%	-3,01%	11,48%	29,48%	+4,03%
		<b>Lãi sau thuế</b>	338,45	191,54	655,99	418,03	1.348,8
		<b>% yoy</b>	17,73%	-11,14%	157,41%	-75,66%	-46,7%
		<b>Tổng tài sản</b>	13.245,08	13.542,10	14.338,01	14.831,16	
		<b>Vốn chủ sở hữu</b>	9.552,71	9.706,54	10.390,81	10.794,51	
		<b>ROA (%)</b>	17,09	16,72	18,71	8,80	
		<b>ROE (%)</b>	29,45	32,32	29,62	13,84	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	46,57	41,17	43,85	45,90	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	33,92	18,53	65,24	65,24	



- Một trong các nhà khai thác cảng biển và logistics hàng đầu tại Việt Nam với 8 cảng biển (năng lực 3,45 triệu TEU, 2 triệu tấn hàng rời) trong đó Gemalink nằm trong Top 19 cảng trên thế giới có khả năng tiếp nhận tàu Megaship (250.000 Dwt). Sản lượng container qua các cảng của GMD năm 2023 đạt trên 3tr TEU = 12,2% thị phần cả nước. Ngày 24/5/2023 khai thác GD2 cảng Nam Đình Vũ có công suất 1,4tr TEU/năm. Ngày 16/4/24, hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ 99,98% cổ phần tại CTCP Cảng Nam Hải (NHP).
- Năm 2023 đạt 3.846 tỷ đồng doanh thu (-1% YoY), 3.144 tỷ đồng lãi trước thuế (+140% YoY). KH 2024 doanh thu tăng 4,03%, lợi nhuận giảm 46,7% do không còn lãi bất thường, chia cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 22% và chào bán cổ đông tỷ lệ 33,33% giá 29.000đ/cổ phiếu. Quý I đạt 1.005 tỷ đồng doanh thu (+11,5% YoY), lãi sau thuế đạt 656 tỷ đồng (+157% YoY) nhờ ghi nhận khoản thoái vốn tại NHP. Quý II đạt 1.181 tỷ đồng doanh thu (+29% YoY), lãi sau thuế 418 tỷ đồng (-75,5% YoY) do cùng kỳ ghi nhận lãi thoái vốn Nam Hải Đình Vũ. Lũy kế 6 tháng đạt 2.186,6 tỷ đồng doanh thu (+20,5%) và 1.074 tỷ lãi sau thuế (-45,5% YoY), hoàn thành lần lượt 54,6% và 79,6% kế hoạch năm.
- Ngày 1/2/2024, khởi công dự án Nâng cấp luồng hàng hải trước cảng Nam Đình Vũ dự kiến hoàn thành 8/2024, hạ độ sâu luồng từ -7m xuống -8,5m để tiếp nhận tàu lên đến 48.000 DWT. Ngày 15/7/2024 chốt trả cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 22%. Ngày 16/7/24 HĐQT ra nghị quyết triển khai chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Câu chuyện đầu tư: Từ 15/2/2024 tăng 10% giá sàn và 10% giá trần phí bốc dỡ container quốc tế tại Cái Mép-Thị Vải, cảng Gemalink có thể tăng thêm 10% so với thông thường; Dự án cảng Nam Đình Vũ GD3 (600.000TEU/năm) và Gemalink - GD 2 (39ha, 1,5 triệu TEU/năm) dự kiến hoàn thành 2025; Thoái vốn tại dự án trồng cao su tại Campuchia (30.000ha); Thoái vốn mảng bất động sản; Kim ngạch XNK phục hồi tốt, 7 tháng đầu năm 2024 tăng 17% so cùng kỳ.



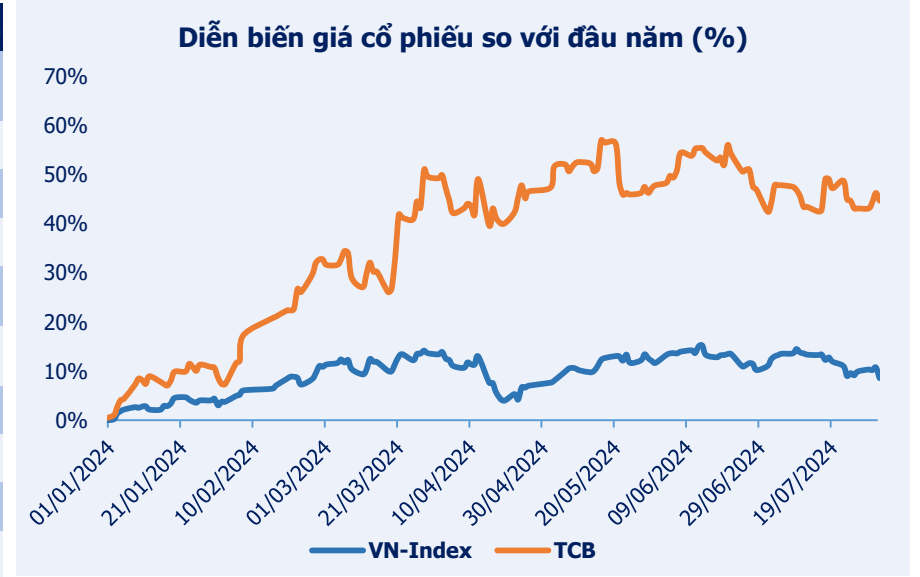
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (HOSE – TCB)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>23.000</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>25.500-26.500</b>	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	10.418,49	11.017,45	12.261,77	13.419,70	-
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>23.700</b>	<b>% yoy</b>	0,78%	16,87%	31,85%	43,91%	-
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>163.797</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	4.668,71	4.481,62	6.277,00	6.269,97	21.680,00
<b>EPS ttm</b>	<b>3.048,55</b>	<b>% yoy</b>	-13,02%	25,46%	38,35%	39,23%	+19,18%
<b>BV</b>	<b>19.470,45</b>	<b>Tiền gửi khách hàng</b>	409.044,57	454.660,78	458.040,69	481.860,24	
<b>PE trailing</b>	<b>7,63</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	475.605,59	518.641,57	559.276,89	592.083,27	616.031
<b>PB trailing</b>	<b>1,19</b>	<b>Nợ xấu(%)</b>	1,36	1,16	1,13	1,23	<1,5
		<b>ROE (%)</b>	14,37	14,84	15,36	16,21	
		<b>NIM(%)</b>	4,11	4,02	4,07	4,26	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	44,81	40,68	51,19	51,19	



- KQKD Quý I/2024 tổng thu nhập hoạt động đạt 12.262 tỷ đồng (+31,8% YoY), LNTT 7.802 tỷ đồng (+38,7% YoY). Kết thúc 6T/2024, tổng thu nhập hoạt động tăng 43,7% YoY nhờ các động lực chính (thu từ lãi +40% YoY; thu từ dịch vụ +34% YoY và thu nhập khác +65% YoY), NIM theo quý cải thiện lên mức 4,6%. Thu nhập phí IB 6 tháng đầu năm tăng gấp 3 lần nhờ diễn biến tích cực của thị trường trái phiếu và thị trường chứng khoán (với thị phần cao hơn). Banca đã phục hồi từ mức nền rất thấp của quý 2 năm 2023. Techcombank đã giành lại vị trí thứ 2 về APE trong quý 2, và thứ 3 trong 6 tháng đầu năm 2024 bất chấp những thách thức tồn tại trong ngành. LNTT tăng trưởng 38,6% so với 6T/2023 đạt 15.628 tỷ đồng, hoàn thành 57,7% KH năm.
- Tỷ lệ nợ xấu tại cuối quý II là 1,23% tăng 0,07% Ytd (+1.288 tỷ đồng), tỷ lệ bao phủ nợ xấu là 101%. Tín dụng 6T/2024 tăng 11,6% YTD. Dư nợ cho vay mua nhà phục hồi lên mức 181,7 nghìn tỷ đồng, tăng 6,3% YTD. Tiền gửi của khách hàng đạt 481,9 nghìn tỷ đồng, tăng 6,0% YTD. Tỷ lệ CASA giảm xuống 37,4% từ 40,5% tại quý đầu năm, do tiền gửi có kỳ hạn tăng trở lại.
- Triển vọng kinh doanh năm 2024 của TCB dự báo khả quan với lợi nhuận tăng khoảng 15%. Luật đất đai, Luật kinh doanh BĐS và Luật các TCTD được thông qua kỳ vọng giải quyết vấn đề pháp lý, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng dự án BĐS và xử lý tài sản đảm bảo là BĐS của Ngân hàng. Chất lượng tài sản ổn định, nợ xấu dù tăng vẫn được kiểm soát tốt quanh ngưỡng 1,2%. TCB hướng tới định vị giá trị khác biệt cho khách hàng thông qua các nền tảng số, nền tảng bán hàng và sử dụng AI, Machine learning phân tích dữ liệu.
- Ngày 21/6/2024, TCB đã chốt danh sách cổ đông chia cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1, ngày 6/8 giao dịch niêm yết số cổ phiếu bổ sung.





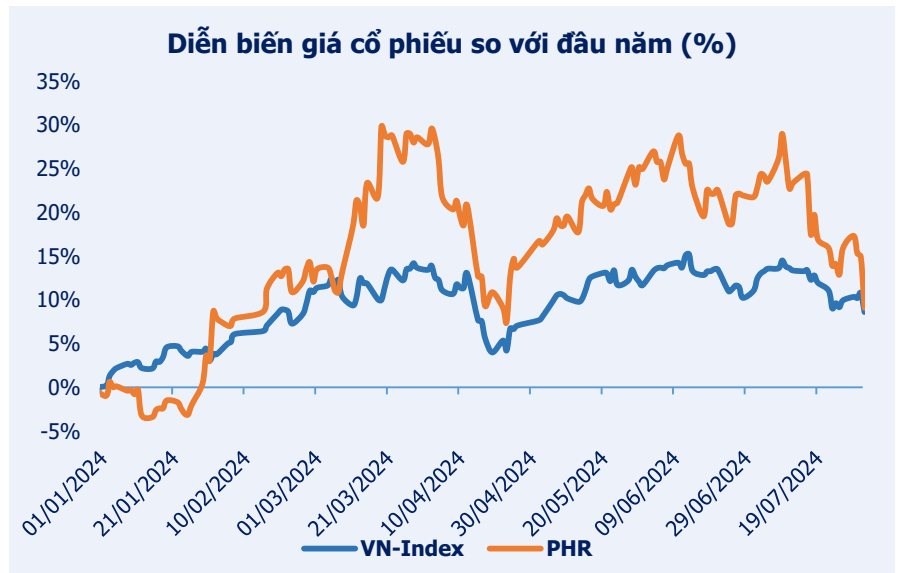
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Cao su Phước Hòa (HOSE – PHR)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>54.200</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>66.000-68.000</b>	<b>Doanh thu</b>	452,92	461,07	323,36	271,95	1.455
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>64.100</b>	<b>% yoy</b>	-13,35%	-20,05%	-0,89%	145,52%	-10%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>7.737</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	144,36	158,48	78,44	70,33	245
<b>EPS ttm</b>	<b>3.430,20</b>	<b>% yoy</b>	2,78%	-63,51%	-66,41%	-44,78%	-47%
<b>BV</b>	<b>27.502,89</b>	<b>Tổng tài sản</b>	6.049,49	6.160,97	5.989,73	5.994,55	
<b>PE trailing</b>	<b>16,65</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	3.709,48	3.816,04	3.899,86	3.988,73	
<b>PB trailing</b>	<b>2,08</b>	<b>ROA (%)</b>	14,48	9,92	7,73	6,78	
		<b>ROE (%)</b>	26,04	19,07	13,12	11,16	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	32,85	19,11	22,41	21,16	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	31,87	34,37	24,26	24,26	



- PHR đang quản lý 15.084 ha cây cao su tại Bình Dương, Campuchia, Daklak, 4 nhà máy chế biến mủ tổng công suất 53.000 tấn/năm. PHR hiện đang đầu tư vào 3 dự án BĐS KCN là Tân Bình (240ha, đã lấp đầy 100%), VSIP 3 (20% lãi gộp của 646ha ghi nhận từ 2024) và Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2 (345ha, có thể bắt đầu ghi nhận doanh thu cho thuê từ năm 2024).
- Năm 2023, PHR ghi nhận 1.351,02 tỷ đồng doanh thu, 663,74 tỷ đồng lãi sau thuế. Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền mặt 2.143 tỷ đồng, nợ phải trả chiếm 38% tổng nguồn vốn và 61% vốn chủ sở hữu trong đó 57% (1.338 tỷ đồng) là doanh thu chưa thực hiện, PHR có lịch sử duy trì tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền ổn định.
- Quý I, Doanh thu đạt 323,4 tỷ đồng (-0,89% YoY), lãi sau thuế 78,4 tỷ đồng (-66,4% YoY). Quý II doanh thu đạt 271,9 tỷ đồng (+145,6% YoY), lãi sau thuế đạt 70,3 tỷ đồng (-44,8% YoY). Lũy kế 6 tháng đạt 595 tỷ đồng doanh thu (+36,2% YoY) và 148,7 tỷ đồng lãi sau thuế (-58,8% YoY). Lợi nhuận giảm mạnh so cùng kỳ do doanh thu tài chính giảm 36% và năm 2023 PHR ghi nhận tiền đền bù khi bàn giao đất thực hiện dự án VSIP 3.
- Triển vọng: Giá cao su thế giới trung bình 7 tháng năm 2024 tăng 54% YoY và +30% YTD do tình trạng thiếu hụt nguồn cung cao su tự nhiên, đặc biệt là từ Thái Lan và Indonesia. XK cao su 7 tháng +8,9% về trị giá; Giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến 2030, PHR dự kiến sử dụng 4.992 ha để quy hoạch KCN, 1.018 ha quy hoạch cụm công nghiệp (8 cụm công nghiệp ở huyện Phú Giáo, 4 cụm công nghiệp ở huyện Bắc Tân Uyên và 2 cụm công nghiệp ở huyện Bàu Bàng), 1.300 ha quy hoạch khu dân cư. PHR sẽ tập trung hoàn thiện pháp lý triển khai KCN Tân Bình mở rộng (1.055ha), làm chủ đầu tư KCN-Đô thị-Dịch vụ Hội Nghĩa (715ha) Bình Mỹ (1.002ha), KCN Tân lập 1 (201,62ha) dự kiến bắt đầu cho thuê từ 2025.



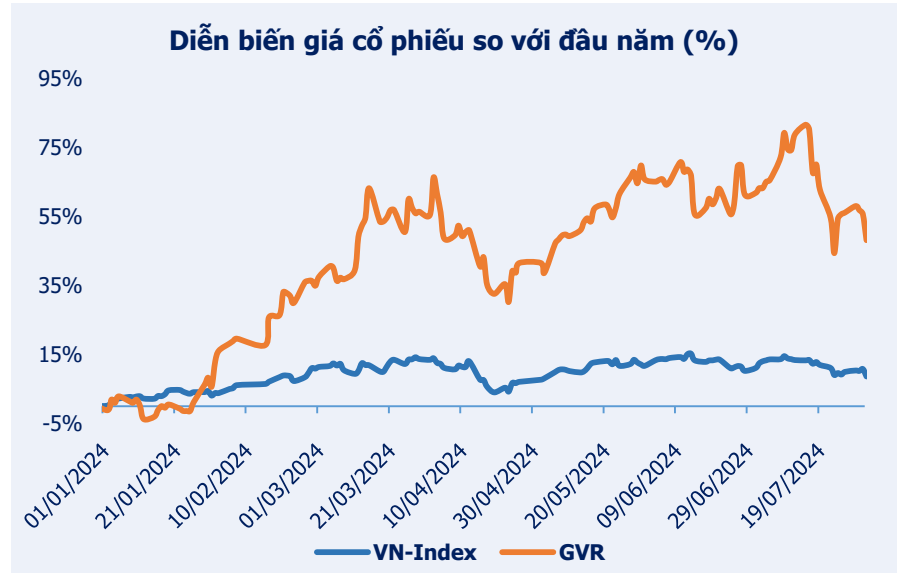
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HOSE – GVR)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>31.400</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>36.000-37.000</b>	<b>Doanh thu</b>	6.195,32	7.591,18	4.585,37	4.622,18	24.999
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>38.500</b>	<b>% yoy</b>	5,95%	-15,77%	10,89%	11,16%	+1,1%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>132.000</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	493,61	1.416,19	650,03	994,53	3.437
<b>EPS ttm</b>	<b>713,59</b>	<b>% yoy</b>	-50,33%	8,03%	-13,98%	41,17%	+2,03%
<b>BV</b>	<b>12.699,97</b>	<b>Tổng tài sản</b>	77.796,79	78.385,27	76.913,14	76.116,65	
<b>PE trailing</b>	<b>46,25</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	55.290,02	54.853,58	56.018,18	55.599,02	
<b>PB trailing</b>	<b>2,59</b>	<b>ROA (%)</b>	3,01	3,30	3,24	3,64	
		<b>ROE (%)</b>	4,70	6,83	5,01	5,58	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	19,93	21,12	23,47	25,37	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	7,97	18,66	14,18	14,18	



- Dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng GD2 (344 ha) đã được TT phê duyệt chủ trương và UBND tỉnh Bình Dương đã có quyết định cho thuê đất để thực hiện dự án; Các dự án đang trình Thủ tướng gồm: Dự án đầu tư KCN 317 ha do CTCP KCN Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư; Dự án KCN Rạch Bắp mở rộng 360 ha (Bình Dương); Dự án KCN Minh Hưng III mở rộng (577,53 ha).
- Năm 2023, doanh thu đạt 22.079,89 tỷ đồng (-13,16% YoY, =91% KH), lãi sau thuế 3.369,95 tỷ đồng (-29,10% YoY, =100,2% KH). Kế hoạch 2024 với 24.999 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận sau thuế tăng 2% lên 3.437 tỷ đồng, cổ tức 2024 là 3%, cổ tức 2023 là 3%. Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu hợp nhất 9.207 tỷ đồng (+11% YoY, =36,8% KH2024), lãi sau thuế đạt 1.644 tỷ đồng (+12% YoY, =47,8% KH2024).
- Ngày 1/3/2024, GVR được Thủ tướng chấp thuận đầu tư Dự án KCN Hiệp Thạnh giai đoạn 1 tại Tây Ninh (495,17 ha) vốn đầu tư 2.350 tỷ đồng trong đó vốn góp của GVR là 352,5 tỷ đồng. GVR đang hợp tác với Sở Giao dịch Hàng hoá Việt Nam (MXV) để hoàn thiện các quy trình, quy định và dự kiến chính thức niêm yết cao su tự nhiên và giao dịch trên sàn từ quý 4/2024.
- Triển vọng: 1/Nhu cầu cao su tự nhiên từ Trung Quốc phục hồi giúp giá cao su tăng 30% từ đầu năm; 2/Mở rộng diện tích các KCN thông qua chuyển đổi đất trồng cây cao su và phát triển mới. GVR đang khai thác 3.932ha các KCN, công ty tiếp tục triển khai đầu tư KCN Hiệp Thạnh - giai đoạn 1 (gần 500ha), KCN Nam Tân Uyên mở rộng GD2, mục tiêu tới năm 2025 sẽ phát triển thêm 19.513ha, nâng tổng diện tích các KCN lên 23.444ha (1.734ha đang triển khai các thủ tục đầu tư); 3/Nghị định 10 bổ sung Luật Đất đai sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án KCN của GVR; 4/GVR được Bộ KH&ĐT trình Chính phủ kế hoạch thoái vốn đến hết năm 2025.



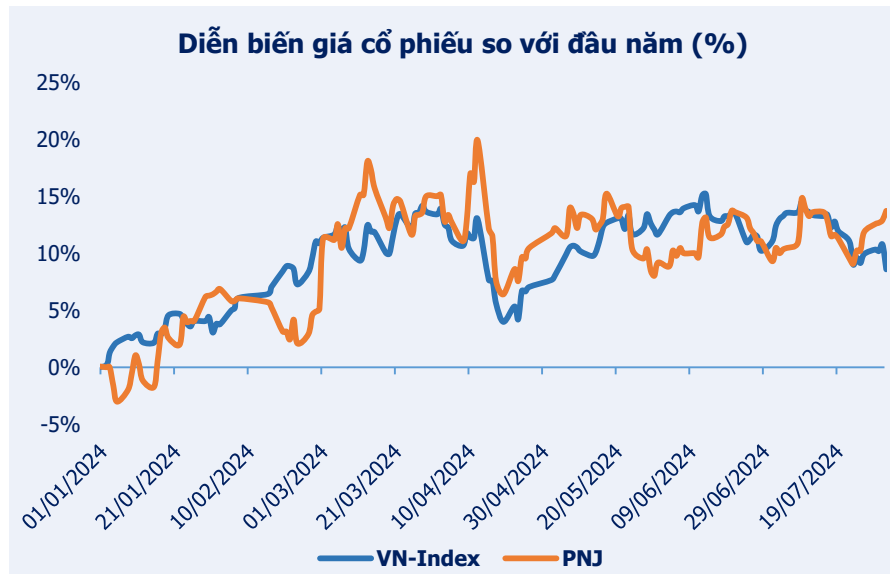
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HOSE – PNJ)

(*Quay về danh mục tổng hợp*)

		(tỷ đồng)	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	KH2024
<b>Giá hiện tại</b>	<b>97.800</b>						
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>110.000-115.000</b>						
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>97.800</b>						
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>32.486</b>						
<b>EPS ttm</b>	<b>6.136,70</b>						
<b>BV</b>	<b>31.307,97</b>						
<b>PE trailing</b>	<b>15,82</b>						
<b>PB trailing</b>	<b>3,03</b>						
		<b>Doanh thu</b>	6.917,55	9.760,38	12.593,84	9.518,70	37.147,63
		<b>% yoy</b>	-6,06%	17,57%	28,57%	42,85%	+12,10%
		<b>Lãi sau thuế</b>	253,34	631,97	737,81	428,85	2.089,20
		<b>% yoy</b>	0,42%	35,49%	-1,44%	27,03%	+5,99%
		<b>Tổng tài sản</b>	13.055,16	14.429,94	12.968,93	12.963,94	
		<b>Vốn chủ sở hữu</b>	9.437,00	9.806,57	10.474,38	10.715,26	
		<b>ROA(%)</b>	13,71	14,20	14,54	15,37	
		<b>ROE (%)</b>	19,84	21,60	20,16	20,30	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	17,31	17,94	17,07	15,56	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	3,66	6,47	5,86	5,86	



- Công ty hàng đầu về sản xuất và kinh doanh trang sức tại Việt Nam.
- Năm 2023 đạt 33.137 tỷ đồng doanh thu (-2,2% YoY), lãi sau thuế 1.971 tỷ đồng (+8,9% YoY), hoàn thành 93% kế hoạch doanh thu và 101,7% kế hoạch lợi nhuận. Biên lãi gộp trung bình cả năm 2023 đạt 18,3% so với mức 17,5% của năm 2022. Năm 2024, đặt kế hoạch 37.747 tỷ doanh thu (+12,1% YoY), 2089 tỷ lãi sau thuế (+6% YoY), cổ tức 20% bằng tiền.
- Quý I/2024 đạt 12.594 tỷ đồng doanh thu (+29% QoQ, +28,6% YoY), 737,8 tỷ lãi sau thuế (+16,8% QoQ, -1,4% YoY). Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt 22.113 tỷ đồng (+34,3% YoY), lãi sau thuế 1.167 tỷ đồng (+7,4% YoY), tương ứng 59,5% và 55,8% kế hoạch năm 2024. Doanh thu vàng miếng 6 tháng tăng mạnh 80,8% YoY trong khi trang sức bán lẻ tăng 14% YoY, bán buôn tăng 20% YoY. Biên lãi gộp trung bình 5 tháng là 16,4%, giảm so với 18,9% cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm PNJ mở thêm 13 cửa hàng, đóng 8 cửa hàng, tổng cộng có 405 cửa hàng bao gồm 396 cửa hàng PNJ, 3 cửa hàng CAO Fine Jewellery, 5 cửa hàng Style by PNJ.
- Ngày 20/10/2023, GDKHQ trả cổ tức đợt 3 năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 8%. Ngày 5/1/2024, đã phát hành 6.559.992 cổ phiếu ESOP giá 20.000đ/cp, nâng vốn lên trên 3.345 tỷ đồng. Năm 2024 dự kiến phát hành 3,3 triệu cổ phiếu ESOP giá 20.000đ/cp.
- Ngày 15/3/2024 chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền tỷ lệ 6%.





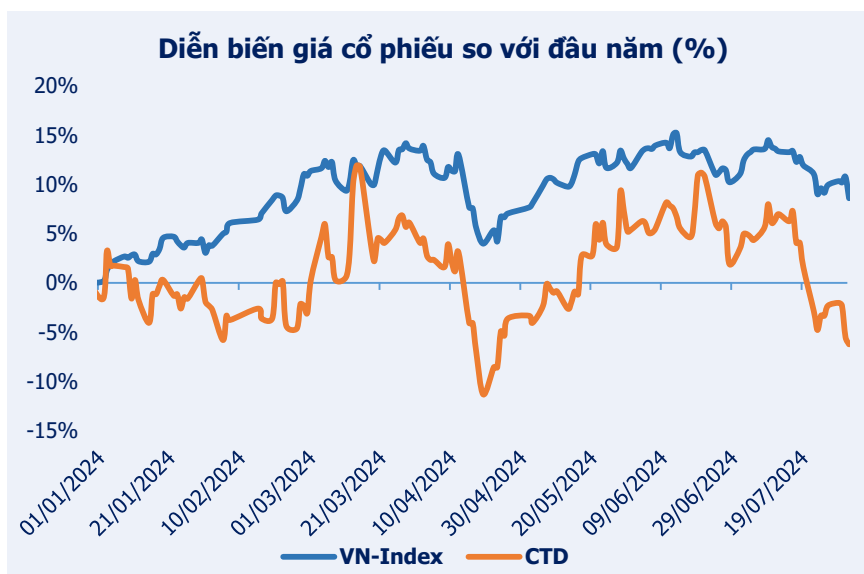
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Xây dựng Coteccons (HOSE – CTD)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>64.500</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>78.000-81.000</b>	<b>Doanh thu</b>	4.123,96	5.659,93	4.665,85	6.595,42	17.793,00
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>74.300</b>	<b>% yoy</b>	32,45%	-9,15%	49,09%	82,46%	+163,8%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>6.495</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	66,64	69,09	104,90	58,83	274,00
<b>EPS ttm</b>	<b>3.133,18</b>	<b>% yoy</b>	1995,85%	266,16%	375,49%	95,20%	+426,6%
<b>BV</b>	<b>85.251,51</b>	<b>Tổng tài sản</b>	20.550,86	21.651,89	20.932,93	22.829,15	
<b>PE trailing</b>	<b>20,75</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	8.338,35	8.407,43	8.519,71	8.581,12	
<b>PB trailing</b>	<b>0,76</b>	<b>ROA(%)</b>	0,68	0,93	1,28	1,39	
		<b>ROE (%)</b>	1,67	2,26	3,23	3,54	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	2,43	2,99	4,73	3,37	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	1,62	1,22	2,25	2,25	



- CTD là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng nhà ở, thương mại, và gần đây là công nghiệp với việc trúng gói thầu xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi tỷ đô của LEGO và dự án của Foxconn.
- Lũy kế 6 tháng niên độ tài chính 2023-2024, CTD ghi nhận 9.784 tỷ đồng doanh thu (+5,0% YoY) và 136 tỷ đồng LNST, gấp 8,8 lần cùng kỳ. Quý III ghi nhận 4.666 doanh thu (+49% YoY) và 105 tỷ lãi sau thuế (+380% YoY), Quý IV đạt 6.595 tỷ đồng doanh thu (+82,5% YoY) và 58,8 tỷ đồng lãi sau thuế (+82,5% YoY). Cả năm niên độ tài chính đạt 21.045 tỷ doanh thu (+30,8% YoY) và lãi sau thuế 299,5 tỷ đồng (+343% YoY), tương ứng 118% KH doanh thu và 109% KH lợi nhuận. Giá trị trúng thầu các công trình năm 2024 đạt 22.000 tỷ đồng.
- Ngày 9/2/2024, CTD hoàn tất mua lại 100% vốn góp 2 công ty là Công ty TNHH Sinh Nam Metal (Việt Nam) – cung cấp Facade (nhôm kính, cung cấp nguyên liệu làm bề mặt công trình) và Công ty TNHH Cơ và Điện UG Việt Nam, đồng thời đã thành lập một công ty con ở Mỹ, đặt văn phòng tại bang Florida. Ngày 16/7/24, ký MOU với Daewoo Engineering & Construction (Hàn Quốc) để hợp tác tại các dự án công EPC quy mô lớn tại Việt Nam cũng như các dự án EPC khác trên thị trường toàn cầu do Daewoo tham gia với tư cách là nhà thầu chính.
- Triển vọng: Dòng vốn FDI gia tăng kéo theo nhu cầu về hoạt động xây lắp công nghiệp trong và ngoài nước, CTD đã có uy tín từ hoạt động xây lắp các công trình lớn như Lego, Foxconn và đang gia tăng tỷ trọng mảng này trong backlog từ 14% lên 20%.; Thị trường bất động sản dự báo phục hồi từ năm 2025 sẽ hỗ trợ cho mảng xây lắp dân dụng của CTD.



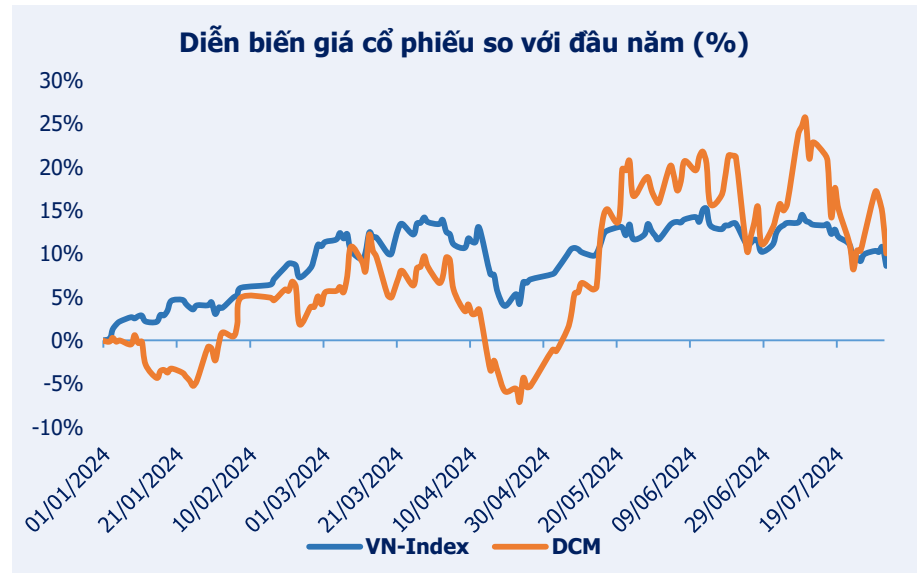
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Đạm Cà Mau (HOSE – DCM)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>35.650</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>41.000-43.000</b>	<b>Doanh thu</b>	3.010,59	3.565,57	2.744,04	3.863,35	11.878
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>40.700</b>	<b>% yoy</b>	-8,97%	-20,03%	0,34%	17,39%	-5,73%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>19.641</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	74,13	491,81	349,60	569,77	795
<b>EPS ttm</b>	<b>2.499,09</b>	<b>% yoy</b>	-89,86%	-51,01%	52,21%	82,20%	-28,24%
<b>BV</b>	<b>18.413,01</b>	<b>Tổng tài sản</b>	14.714,82	15.277,98	15.743,58	16.830,75	
<b>PE trailing</b>	<b>14,85</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	9.568,08	9.993,19	10.290,89	9.779,25	
<b>PB trailing</b>	<b>2,01</b>	<b>ROA(%)</b>	10,93	7,54	7,98	9,47	
		<b>ROE (%)</b>	15,38	10,82	11,99	15,00	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	5,89	24,28	25,86	15,79	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	2,46	13,79	12,74	12,74	



- Một trong những công ty sản xuất phân bón lớn tại Việt Nam với sản phẩm chủ lực là Ure hạt đục và NPK, hiện chiếm thị phần 60% tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và xuất khẩu sang Campuchia, Hàn Quốc, Thái Lan, Philipines, Nhật Bản, Bangladesh.
- Năm 2023 đạt 12.601 tỷ đồng doanh thu (-20% YoY) và 1.108 tỷ đồng lãi sau thuế (-74% YoY). Tình hình tài chính vững mạnh với lượng tiền và tương đương tiền tại cuối năm 2023 đạt 10.526 tỷ đồng, tương ứng 69% tổng tài sản và 2 lần nợ phải trả. Nợ vay là 847 tỷ đồng và tương đương 8,4% vốn chủ sở hữu. Quý I năm 2024, ghi nhận 2.744 tỷ đồng doanh thu (+0,34% YoY), 349 tỷ lãi sau thuế (+52,2% YoY). Quý II doanh thu 4.005 tỷ đồng (+15,9% YOY), lãi sau thuế 569,8 tỷ đồng (+96,6% YoY). Lũy kế 6 tháng 2024, DCM đạt 6.607 tỷ đồng doanh thu (+9,6% YoY) và 919,3 tỷ lãi sau thuế, hoàn thành 55,6% và 115,6% kế hoạch năm.
- DCM dự kiến thực hiện Dự án nhà máy tại KCN Long Mỹ, TP Quy Nhơn, xây dựng từ Quý I/2024 và hoạt động Quý I/2025, diện tích hơn 2,97ha vốn đầu tư gần 120 tỷ đồng. Nhà máy sản xuất, phối trộn phân bón NPK+TE (khoảng 50.000 tấn/năm); đóng gói các loại phân bón (khoảng 50.000 tấn/năm); lưu trữ, kinh doanh phân bón, NVL sản phẩm phân bón khoảng 150.000 tấn/năm. DCM ký kết hợp tác với Wuhuan Engineering Co.,Ltd - một trong những công ty kỹ thuật hóa dầu lớn nhất Trung Quốc, nhằm nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm; nghiên cứu nâng công suất Nhà máy Đạm Cà Mau; hợp tác để Đạm Cà Mau cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, vận hành cho các dự án mới của Wuhuan. Hoàn thành mua 100% vốn góp công ty Phân bón Hàn - Việt (360.000 tấn NPK/năm).
- Triển vọng: Kỳ vọng mặt hàng phân bón được thông qua và phân vào nhóm chịu thuế GTGT 5%; DCM sẽ hết khấu hao nhà máy từ năm 2025.

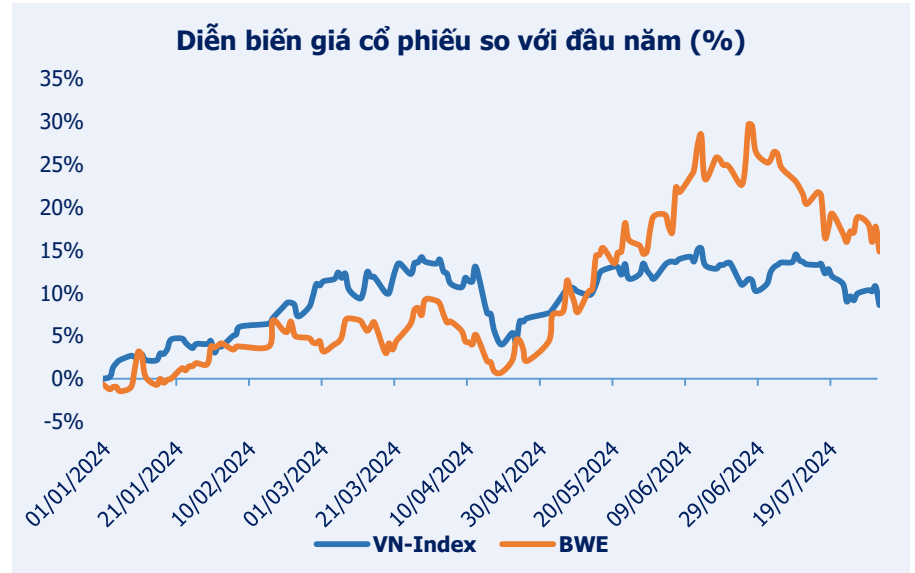


# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 3-2024

## CTCP - Tổng công ty nước - môi trường Bình Dương (HOSE – BWE)

(Quay về danh mục tổng hợp)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>41.500</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>50.000-51.000</b>	<b>Doanh thu</b>	840,49	1.127,89	791,70	1.034,30	4.100,00
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>45.700</b>	<b>% yoy</b>	-2,28%	8,11%	16,32%	17,95%	+16,28%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>9.358</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	178,09	150,66	179,72	137,89	700,00
<b>EPS ttm</b>	<b>2.458,30</b>	<b>% yoy</b>	-9,43%	-11,56%	27,71%	-34,32%	+2,64%
<b>BV</b>	<b>22.780,16</b>	<b>Tổng tài sản</b>	11.335,08	12.108,12	11.980,28	12.138,31	
<b>PE trailing</b>	<b>17,31</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	4.806,94	4.957,38	5.028,11	5.171,33	
<b>PB trailing</b>	<b>1,87</b>	<b>ROA(%)</b>	6,55	6,10	6,11	5,34	
		<b>ROE (%)</b>	15,53	14,67	15,10	13,12	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	43,64	42,50	49,54	39,76	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	21,19	13,36	22,70	22,70	



- BWE là nhà khai thác, xử lý nước thuộc top 3 tại Việt Nam, lên tới 822.000 m<sup>3</sup>/ngày, độc quyền cấp nước tại Bình Dương. Ngoài ra, công ty cũng cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, chất thải tại Bình Dương. BWE đang tích cực mở rộng địa bàn hoạt động thông qua M & A các công ty cùng ngành tại Đồng Nai, Cần Thơ, Long An và Quảng Bình. BWE cũng đang có kế hoạch mở rộng đầu tư sang các tỉnh lân cận như Bình Phước, Bến Tre...
- Năm 2023 đạt 3.526 tỷ đồng doanh thu (+1,2% YoY), lãi 682 tỷ đồng (-8,6% YoY), trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 14%. Năm 2024, BWE đặt kế hoạch doanh thu 4.100 tỷ đồng (+3,1% YoY), lãi sau thuế tối thiểu 700 tỷ đồng (+16,5% YoY), cổ tức tiền mặt tối thiểu 13%. Quý I đạt 792 tỷ đồng doanh thu (+16,3% YoY) và 180 tỷ lãi sau thuế (+27,7% YoY), Quý II đạt 1.034 tỷ đồng doanh thu (+18% YoY) và 138 tỷ lãi sau thuế (-34% YoY) do ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá 71 tỷ các khoản vay bằng USD. Lũy kế 6 tháng đạt 1.826 tỷ đồng doanh thu (+17,2% YoY), lãi sau thuế 317,6 tỷ đồng (-9,4% YoY), hoàn thành 44,5% KH doanh thu và 45,4% KH lợi nhuận. Ngày 17/05/2024 BWE trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 14%.
- Triển vọng: Nhu cầu nước tăng tại các KCN tỉnh Bình Dương nhờ vốn FDI tăng, tỷ lệ đô thị hóa cao, giá nước kì vọng sẽ tiếp tục tăng 3%-5%/năm từ năm 2024 và nâng công suất nhà máy Nhị Thành thêm 60.000 m<sup>3</sup>/ngày, tăng công suất của Gia Tân năm 2025 đạt 40.000 đến 50.000 m<sup>3</sup>/ngày. BWE đề xuất tăng giá xử lý chất thải 10% cho mảng dân cư và mở rộng công suất (dây chuyền xử lý của nhà máy xử lý chất thải giai đoạn 4 tổng công suất 840 tấn/ngày và lò đốt rác tổng công suất 200 tấn/ngày hoàn thành trong năm 2024. Trong dài hạn, BWE đang đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng/thu mua 400ha đất mới tại huyện Phú Giáo, Bình Dương để xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải Tân Long, mở rộng hoạt động kinh doanh xử lý chất thải.



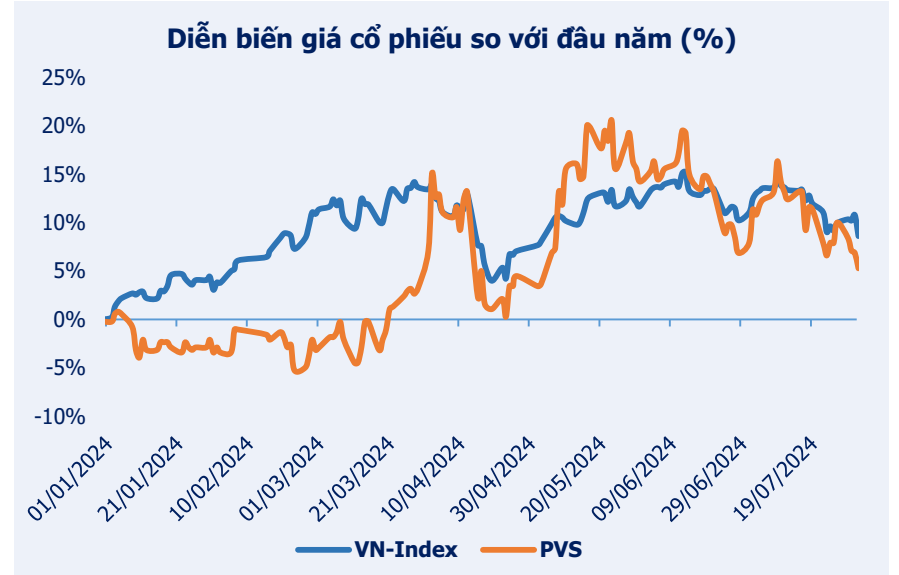
Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 3-2024

## Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HNX – PVS)

(Quay về danh mục tổng hợp)

Giá hiện tại	40.000	(tỷ đồng)	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	45.000-46.000	<b>Doanh thu</b>	4.175,55	6.758,31	3.709,59	5.577,86	15.500
Giá cao nhất tháng 7	44.200	<b>% yoy</b>	19,22%	27,89%	0,16%	18,38%	-20%
Vốn hóa	19.405	<b>Lãi sau thuế</b>	143,56	293,24	304,74	207,95	660
EPS ttm	2.266,20	<b>% yoy</b>	-25,62%	-45,89%	33,94%	-11,55%	-26,5%
BV	27.695,80	<b>Tổng tài sản</b>	28.564,17	26.401,14	25.468,21	26.918,08	
PE trailing	17,92	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	13.399,46	13.383,63	13.935,60	13.909,35	
PB trailing	1,47	<b>ROA(%)</b>	3,30	3,92	3,54	3,44	
		<b>ROE (%)</b>	7,11	8,43	7,46	7,12	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	4,33	5,57	6,97	4,14	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	3,44	4,34	8,21	8,21	



- Năm 2023 doanh thu +18,2% YoY, lãi sau thuế -14,4% YoY do biên lãi gộp giảm (4,9% so với 6,2% năm 2022) và chi phí quản lý, tài chính tăng. Tiền mặt và tiền gửi NH đạt 10.116 tỷ đồng, (38,3% tổng tài sản và 78% nợ phải trả). Năm 2024 đặt kế hoạch 15.500 tỷ đồng doanh thu (-20% YoY), 660 tỷ đồng lãi sau thuế (-26,5% YoY), cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 7%, cổ tức 2024 dự kiến 7% bằng tiền. Quý I đạt 3.709 tỷ đồng doanh thu (+0,16% YoY) và 305 tỷ đồng lãi sau thuế (+33,9% YoY). Quý II đạt 5.578 tỷ đồng doanh thu (+50% QoQ, +18,3% YoY), 208 tỷ đồng lãi sau thuế (-31,8% QoQ, -11,5% YoY). Lũy kế 6 tháng 9.287 tỷ đồng doanh thu (+10,3% YoY), 512,7 tỷ đồng lãi sau thuế (+10,8% YoY) hoàn thành 60% KH doanh thu và 77,7% KH lợi nhuận.
- PVS đang thực hiện chế tạo 33 kết cấu móng chân đế cho trang trại điện gió ngoài khơi Đà Loan, hợp đồng thiết kế, chế tạo và chạy thử 9 trạm biến áp ngoài khơi bàn giao 2024-2026 cho trang trại điện gió ngoài khơi tại Đà Loan và Ba Lan, tổng giá trị 1,5 tỷ USD. Dự án Lô B Ô Môn: Liên doanh PVS-McDermott đã ký hợp đồng gói thầu EPCI#1 (giá trị phần của PVS là 492,7 triệu USD). PVS đã nhận được Thư thỏa thuận giới hạn (LLOA) của gói thầu EPCI#2 (giá trị 300 triệu USD), trúng thầu Thiết kế dự án Đường ống (6.243 tỷ đồng) và đang tham gia đấu thầu các hợp đồng khác. Ban lãnh đạo PVS kỳ vọng dự án Lô B sẽ nhận được Quyết định đầu tư cuối cùng (FID) vào đầu quý 2/2024.
- Dự án xuất khẩu 1,3Gw điện gió ngoài khơi sang Singapore: PVS đã được trao giấy phép khảo sát tại khu vực biển Bà Rịa - Vũng Tàu và Singapore đã trao Giấy phép nhập khẩu điện có điều kiện (CA) cho Liên doanh Sembcorp Utilities – PVS. Dự kiến sẽ bắt đầu bán điện sớm nhất vào năm 2033.

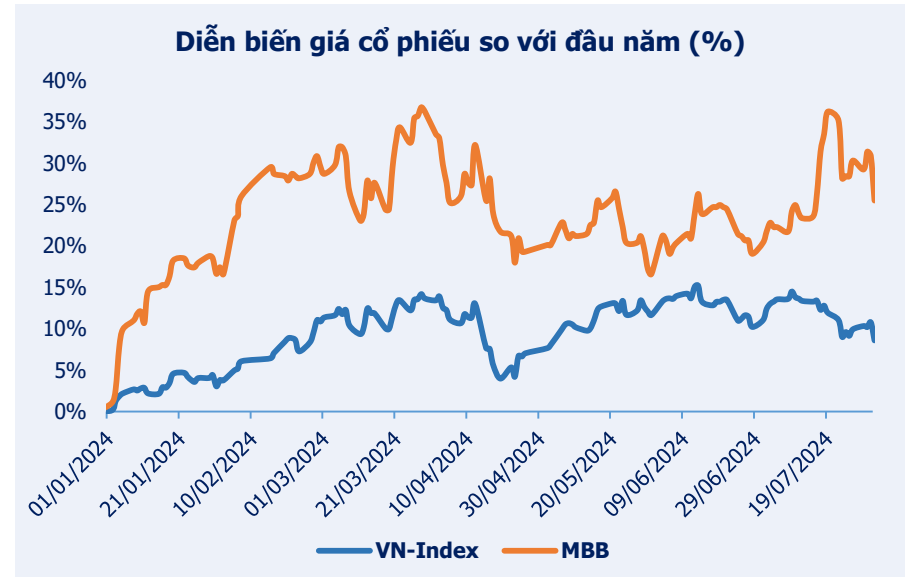


# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 7-2024

## Ngân hàng TMCP Quân Đội (HOSE – MBB)

*(Quay về danh mục tổng hợp)*

<b>Giá hiện tại</b>	<b>23.400</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>Q2/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>29.500-30.500</b>	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	12.065,15	11.750,36	12.016,70	14.129,25	-
<b>Giá cao nhất tháng 7</b>	<b>25.400</b>	<b>% yoy</b>	9,82%	-0,01%	0,73%	22,22%	-
<b>Vốn hóa</b>	<b>129.474</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	5.820,71	5.045,09	4.624,22	6.101,98	-
<b>EPS ttm</b>	<b>4.070,47</b>	<b>% yoy</b>	15,61%	40,14%	-11,17%	22,47%	+6-8%*
<b>BV</b>	<b>18.942,09</b>	<b>Tiền gửi khách hàng</b>	479.732,57	567.532,58	558.826,06	618.617,64	
<b>PE trailing</b>	<b>5,99</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	536.301,78	611.048,83	615.316,72	673.799,06	
<b>PB trailing</b>	<b>1,29</b>	<b>Nợ xấu(%)</b>	1,89	1,60	2,49	1,64	≤2,0
		<b>ROE (%)</b>	23,40	24,51	22,43	22,56	
		<b>NIM(%)</b>	5,23	4,79	4,47	4,35	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	48,24	42,94	38,48	38,48	



- KQKD Quý II/2024 khả quan nhờ tăng trưởng tín dụng tích cực và nợ xấu được kiểm soát. 6T2024, MBB ghi nhận 13,4 nghìn tỷ đồng LNTT (+5% YoY), tương ứng với LNTT Q2.2024 đạt 7,6 nghìn tỷ đồng (+32% QoQ, +23% YoY). Cho vay khách hàng và trái phiếu doanh nghiệp tăng 9,4% YTD, tăng đột biến so với mức 0,4% YTD tại thời điểm cuối Quý I/2024 trong đó cho vay khách hàng doanh nghiệp +14% YTD, khách hàng cá nhân +5,7% YTD, trái phiếu doanh nghiệp -4% YTD. Vấn đề nợ xấu liên đới từ CIC đã được giải quyết giúp nợ nhóm 5 giảm mạnh 3.500 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,6% từ mức 2,5% thời điểm cuối Quý I, tỷ lệ bao phủ nợ xấu phục hồi lên 102%.
- Hiệu quả hoạt động MBB thuộc TOP đầu hệ thống với ROE 23%, quy trình quản lý hoạt động và kiểm soát chi phí được đánh giá cao trong hệ thống. MBB duy trì hạn mức tín dụng cho bất động sản tối đa 10% tổng dư nợ, dư nợ đối với Trung Nam, Novaland, SunGroup, Vingroup đang tiến triển tốt, chưa có rủi ro hình thành nợ xấu, tài sản đảm bảo gấp 3 lần quy mô cho vay. MBB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng đến cuối Quý III đạt 12-13%, tương ứng hạn mức tăng trưởng tín dụng 15-16% được giao từ đầu năm, lợi nhuận Quý III dao động +/-6% so với Quý II.
- MBB đang được giao dịch tại P/B 1,29x, thấp hơn 10% so với P/B trung bình giai đoạn 2019-2024. Định giá của MBB cũng thấp hơn đáng kể so với P/B trung bình Ngành Ngân hàng (1,66x).
- Câu chuyện đầu tư. Định giá cổ phiếu hấp dẫn; MBB phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 15%. MBB đang trong giai đoạn hoàn tất việc nhận chuyển giao bắt buộc Ngân hàng yếu kém, dự kiến hoàn thành trong năm 2024, kỳ vọng giúp MBB được cấp room tăng trưởng tín dụng cao hơn trung bình ngành.



# TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

**Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiển**  
[Hien.nth@shs.com.vn](mailto:Hien.nth@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật**  
[Nhat.pt@shs.com.vn](mailto:Nhat.pt@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[Nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:Nguyet.dta@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Trần Hồng Mây**  
[May.th@shs.com.vn](mailto:May.th@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Lê Thu Huyền**  
[Huyen.lt@shs.com.vn](mailto:Huyen.lt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Vũ Nhật Ánh**  
[Anh.vn@shs.com.vn](mailto:Anh.vn@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup.*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:  
**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

## **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan  
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1,  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)